

Số: 671 /NĐTƯ-VTTB
V/v Mời chào giá Vật tư y tế tiêu hao

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói Mua sắm Vật tư y tế tiêu hao với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: *Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương, Thôn Bàu, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.*

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

ThS. Bùi Văn Tấn, Phó trưởng phòng Vật tư - Thiết bị y tế, Số điện thoại: 098.693.1071, email: vattu_yte@nhtd.vn.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- *Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư - Thiết bị y tế - Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương, Thôn Bàu, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.*

- *Nhận qua email: vattu_yte@nhtd.vn.*

* *Lưu ý: Đơn vị cung cấp báo giá qua email vẫn phải gửi bản gốc báo giá đến địa chỉ nhận tiếp nhận báo giá trực tiếp.*

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 13 tháng 6 năm 2024 đến trước 17h ngày 24 tháng 6 năm 2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2024

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh sách Vật tư y tế tiêu hao, bao gồm: *(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản vật tư y tế tiêu hao:

- Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương
- Yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 365 ngày.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không.
- Thanh toán: Tùy theo nhu cầu sử dụng, hàng tháng chủ đầu tư sẽ thông báo danh mục vật tư và số lượng cụ thể cho nhà thầu (được thể hiện qua số lượng thực tế hoặc biên bản giao nhận hàng hóa) và chủ đầu tư sẽ thanh quyết toán cho nhà thầu theo số lượng thực tế.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, VTTB.

GIÁM ĐỐC

Phạm Ngọc Thạch

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN BỆNH NHIỆT ĐỐI TRUNG ƯƠNG

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Tên VTTT	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
1	Ăng cây nhựa vô trùng loại 1µl	Cái	25 Cái/ Túi	10.000	Ăng cây nhựa tiệt trùng loại 1µl • Được làm bằng polystyrene hoặc tương đương • Bề mặt vòng mịn tạo điều kiện cho các đường sọc đều và mịn mà không làm hỏng bề mặt gel	
2	Ăng cây nhựa vô trùng loại 10µl	Cái	25 Cái/ Túi	10.000	Ăng cây nhựa tiệt trùng loại 10µl • Được làm bằng polystyrene hoặc tương đương • Bề mặt vòng mịn tạo điều kiện cho các đường sọc đều và mịn mà không làm hỏng bề mặt gel	
3	Bàn cực dao điện	Cái	01 Cái/ Túi	2.000	- Bàn cực được chia 2 phần - Chất liệu Hydrogel hoặc tương đương - Bề mặt tiếp xúc tốt với da và dẫn điện tốt, an toàn cho bệnh nhân. - Đầu nối của tấm điện cực chắc chắn, kết nối tốt với kẹp của cáp dẫn mass. Dễ dàng tháo kẹp ra mà không gây hư hỏng phần nhôm dẫn điện. - Diện tích dẫn điện: $\geq 110 \text{ cm}^2$	
4	Băng cuộn cỡ 5m x 10cm	Cuộn	10 Cuộn/Gói	13.000	Chất liệu gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút cao. Đặc tính: - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; - Độ ẩm: $< 8\%$; - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; - Không có tinh bột hoặc Dextrin; - Các chất tan trong nước: 0.5% ; - Trọng lượng: $\geq 23 \text{ g/m}^2$.	
5	Băng dính lụa y tế 2,5cm x 9,1m	Cuộn	12 Cuộn/Hộp	40.000	- Kích thước: 2.5cm x 9.1m. Vải lụa Acetate (50-70%), trọng lượng: $55 \text{ g/m}^2 (\pm 3 \text{ g/m}^2)$ dệt thông thoáng, nhẹ nhàng và mềm mại - Keo Hotmelt (30-50%) hoặc tương đương, trọng lượng: $45 \text{ g/m}^2 (\pm 3 \text{ g/m}^2)$, tương thích sinh học, không gây kích ứng da.	
6	Bao cao su	Cái	200 Cái/ Hộp	3.000	Chất liệu cao su tự nhiên hoặc tương đương, trong mờ và không màu, không mùi. Chiều dài: size 52(± 2). Độ dày: $0.065 \text{ mm} \pm 0.015 \text{ mm}$. Độ nhớt: từ 200 đến 350 CS.	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
7	Bộ dây chạy thận nhân tạo sử dụng cho thiết bị lọc máu	Bộ	1 Bộ/ Hộp	2.500	<p>Bộ bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bộ dây động mạch Bộ dây tĩnh mạch Transducer động mạch & transducer tĩnh mạch Túi xả 2L Dây truyền dịch $\geq 1500\text{mm}$ <p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> Dây bơm máu khoảng $8 \times 12 \times 350\text{mm}$ Bầu động mạch có 02 đầu dây truyền dịch kích thước khoảng $4.0 \times 2.2 \times 100\text{mm}$ Sau dây bơm có Đoạn dây nối chữ T kích thước khoảng $4.0 \times 2.2 \times 100\text{mm}$ 	
8	Dây thở oxy các cỡ	Bộ	1 Bộ/ Hộp	12.000	<ul style="list-style-type: none"> Chất liệu nhựa PVC y tế hoặc tương đương, bao gồm dây dẫn và gọng mũi Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn Dây dẫn có chiều dài $\geq 2\text{m}$, lòng ống có khóa chống gập. 	
9	Bộ lấy bệnh phẩm đường hô hấp	Chiếc	1 Chiếc/ Túi	10.000	<p>Có 2 đầu nối, Dung tích khoảng 20ml một đầu nối tiêu chuẩn vào máy hút, một đầu nối với sonde hút giúp hút dịch dễ dàng. Sau khi hút dịch có nắp đậy kín để đem đi xét nghiệm.</p>	
10	Bộ quả lọc máu liên tục	Bộ	4 Bộ/thùng	300	<p>Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine, loại bỏ nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết)</p> <p>Chất liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Màng lọc cấu tạo 3 lớp: Sợi rỗng AN69 (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer): giúp hấp phụ các Cytokine Polyethylenimine (PEI): giúp hấp phụ Nội độc tố Bề mặt sợi lọc được gắn heparin ($4500 \pm 1500\text{ IU/m}^2$) Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate Vách đầu quả lọc: Polyurethane Ống dẫn: PVC Cartridge: PETG <p>Tiệt trùng: EO hoặc tương đương.</p> <p>Thông số kỹ thuật của quả lọc</p> <ul style="list-style-type: none"> TMP tối đa* (mmHg/kPa): $\geq 450/60$ Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): $\geq 500/66.6$ Thể tích máu trong quả lọc: $193\text{ ml} \pm 10\%$ Diện tích màng: $\geq 1.5\text{m}^2$ Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): khoảng $240\mu\text{m}$ Độ dày thành sợi lọc: khoảng $50\mu\text{m}$ Tốc độ máu: Từ ≤ 100 đến $\geq 450\text{ ml / phút}$ Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: $\leq 30\text{ kg}$ 	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
11	Bơm 200 ml (dùng cho máy bơm tiêm cầm quang Model: Dual shot alpha7, Hãng sản xuất: Nemoto)	Cái	50 Cái/thùng	1.200	<ul style="list-style-type: none"> • Xi-lanh tiêm cầm quang: 01 xi-lanh 200ml • Vật liệu các thành phần chi tiết: • Ống tiêm: PET • Cụm pit-tông: (ABS + Synthetic Rubber) • Kim lấy thuốc/ cây lấy thuốc: ABS • Phương thức khử trùng: EO Etylen oxit hoặc tương đương. • Áp lực tối đa: ≥ 350 psi <p>• Tương thích với hệ thống bơm tiêm cầm quang 2 nòng Dual shot alpha7</p>	
12	Bơm tiêm 200 ml (dùng cho máy bơm tiêm cầm quang Model: Zenith-C20, Hãng sản xuất: SEACROWN)	Bộ	50 bộ/Thùng	1.200	<ul style="list-style-type: none"> - Gồm: + 01 xi lanh: dung tích 200ml + 01 Ống kết nối dài chiều dài ≥ 150cm + 01 Ống điều nhanh: chất liệu PE + 01 đầu chọc: chất liệu ABS + Nắp bảo vệ: chất liệu PP + Đầu kết nối: chất liệu PC - Giới hạn áp suất ≥ 350 psi. - Phương pháp tiệt trùng: ETO hoặc tương đương. - Tương thích với hệ thống bơm tiêm cầm quang 1 nòng Zenith-C20. 	
13	Dây nối bơm tiêm điện (dùng cho máy bơm tiêm cầm quang Model: Dual shot alpha7, Hãng sản xuất: Nemoto)	Cái	100 Cái / thùng	1.200	<ul style="list-style-type: none"> • Dây truyền thuốc chữ Y ≥ 1500mm: 01 sợi • Vật liệu các thành phần chi tiết: • Dây dẫn: PVC • Khóa vận: PC (Polycarbonate) • Van 1 chiều: PC • Đầu nối chữ Y: PC • Phương pháp tiệt trùng: EO Etylen oxit hoặc tương đương. • Áp lực tối đa: ≥ 350 psi <p>• Tương thích với hệ thống bơm tiêm cầm quang 2 nòng Dual shot alpha7</p>	
14	Bơm tiêm 50ml dùng cho máy bơm tiêm điện	Cái	25 Cái/Hộp	100.000	<p>Xylanh chất liệu nhựa nguyên sinh hoặc tương đương trong suốt, đốc xilanh có kết cấu đầu xoắn (Luer lock) kết nối chắc chắn với dây nối bơm tiêm điện; Gioăng mềm dẻo, khí và dung dịch không lọt qua gioăng ở đầu bịt piston. Dễ dàng quan sát thể tích làm đầy. Pit tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Vạch chia liều lượng chính xác, rõ ràng. Bơm được sử dụng cho máy bơm tiêm điện. Bơm có vạch chia thể tích tối đa ≥ 50ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em.</p> <p>- Được tiệt trùng đạt bằng khí EO hoặc tương đương.</p>	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
15	Bơm cho ăn 50ml	Cái	25 Cái/Hộp	20.000	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích ≥ 50ml chất liệu nhựa nguyên sinh hoặc tương đương trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. - Bơm có vòng ngón tay cầm giúp cầm chắc chắn, thân xylanh được chia vạch thể tích. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. - Bơm có vạch chia thể tích tối đa ≥ 50ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Được tiệt trùng đạt bằng khí EO hoặc tương đương. 	
16	Bơm tiêm 10ml	Cái	100 Cái/Hộp	400.000	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 10ml chất liệu nhựa nguyên sinh hoặc tương đương trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút ≥ 10ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 0.2ml - Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba via. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Được tiệt trùng đạt bằng khí EO hoặc tương đương. 	
17	Bơm tiêm 1ml	Cái	100 Cái/Hộp	30.000	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 1ml chất liệu nhựa nguyên sinh hoặc tương đương trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết ≤ 0.03ml, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì ghi rõ thông tin xuất xứ, hạn dùng. - Được tiệt trùng đạt bằng khí EO hoặc tương đương. 	
18	Bơm tiêm 20ml	Cái	50 Cái/Hộp	300.000	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 20ml chất liệu nhựa nguyên sinh hoặc tương đương trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba via. - Bề mặt gioăng phẳng giúp bơm hết hành trình của thuốc. - Đầu côn lệch tâm đuôi khí dễ dàng, thuận tiện - Kim làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Được tiệt trùng đạt bằng khí EO hoặc tương đương. 	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
19	Bơm tiêm 3ml	Cái	100 Cái/Hộp	40.000	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 3ml chất liệu nhựa nguyên sinh hoặc tương đương trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Được tiệt trùng đạt bằng khí EO hoặc tương đương. 	
20	Bơm tiêm 50ml	Cái	25 Cái/Hộp	200.000	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích ≥ 50ml chất liệu nhựa nguyên sinh hoặc tương đương trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Bơm có vạch chia thể tích tối đa ≥ 50ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Được tiệt trùng đạt bằng khí EO hoặc tương đương. 	
21	Bơm tiêm 5ml	Cái	100 Cái/Hộp	410.000	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 5ml chất liệu nhựa nguyên sinh hoặc tương đương trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến ≥ 5ml - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Được tiệt trùng đạt bằng khí EO hoặc tương đương. 	
22	Bơm tiêm insulin	Cái	100 Cái/Hộp	40.000	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh 1ml. - Có nắp chụp bằng nhựa - Đầu kim vát 3 cạnh, thân kim làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương. - Đốc kim đúc liền với vỏ xy lanh. - Kim cỡ 30Gx8mm. - Đã được tiệt trùng 	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
23	Bông vô trùng	Gói	25 gam/ Gói	100.000	<p>Chất liệu làm từ bông(100% cotton) hoặc tương đương. Bông trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng, không có sợi ngoại lai, sợi mảnh, mềm, không mùi, không vị, không xơ bông trên bề mặt, không lẫn tạp chất, mảnh lá và vỏ hạt. Không độc tố và không gây dị ứng, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Được cắt thành từng miếng hình vuông đều nhau về kích thước và trọng lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng giữ nước ≥ 20g nước/gam bông. - Chất tan trong nước: $\leq 0,5\%$ - Chất tan trong ether: $\leq 0,5\%$ - Tốc độ hút nước: ≤ 5s - Độ acid bazo: trung tính - Tinh bột và dextrin: không phát hiện - Độ ẩm: $\leq 8\%$ - Kích thước: 2cm x 2cm 	
24	Bộ chèn tĩnh mạch	Bộ	1 bộ/Hộp	30	<p>Bộ nong dưới da dùng cho cannula ECMO:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ gồm ống nong, dây dẫn hướng (guide wire), dao mổ nhỏ, bơm tiêm, kim tiêm - Kích cỡ: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính $\geq 0,097$ cm + Chiều dài khoảng 150 cm - Chất liệu của các chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> + Ống nong: polyethylene độ đặc cao (HDPE) và BaSO₄ + Dây dẫn hướng (guide wire): thép không rỉ + Dao mổ nhỏ: thép không rỉ, polystyrene, polyethylene độ đặc thấp (LDPE) + Ống bơm: polypropylene (PP), nhựa isoprene (IR) + Kim tiêm: thép không rỉ, polyacrylic 	
25	Phổi ECMO dùng cho bệnh nhân ≥ 20 kg	Bộ	1 bộ/Hộp	30	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian sử dụng phổi liên tục ≥ 14 ngày - Lưu lượng máu: $\leq 0,5$ đến ≥ 7 lít/phút - Lưu lượng khí: ≥ 14 lít/phút - Thể tích mỗi (priming): ≤ 215 ml - Diện tích bề mặt trao đổi khí: $\geq 1,8$ m² - Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt: $\geq 0,4$ m² - Đầu nối nước Hansen coupling đường kính 1/2 inch - Cổng lấy mẫu: Luer lock - Cánh bơm ly tâm gắn kèm bộ dây: <ul style="list-style-type: none"> + Thể tích mỗi: ≤ 32 ml + Tốc độ bơm ly tâm: 0 đến ≥ 5.000 vòng/phút + Diện tích bề mặt: ≥ 190 cm² - Chất liệu của các chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> + Sợi trao đổi khí: Polymethylpentene (PMP) + Sợi trao đổi nhiệt: Polyurethane (TPU) + Thân phổi: Polycarbonate (PC) + Thân bơm ly tâm: nhựa Polycarbonate (PC) + Bộ dây dẫn tuần hoàn đường kính 3/8 inch: polyvinyl chloride (PVC) không chứa DEHP, phủ chất chống đông Bioline 	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
26	Canula động mạch	Cái	1 Cái/Hộp	30	<ul style="list-style-type: none"> - Phủ chất chống đông máu - Thời gian sử dụng ≥ 30 ngày khi dùng với bộ phổi HLS hoặc PLS - Bộ gồm cannula, dụng cụ đặt, dây hỗ trợ cố định ống, miếng dán cố định bằng nhựa - Các cỡ đường kính từ ≤ 15 Fr đến ≥ 23 Fr, chiều dài khoảng 15 cm hoặc 23 cm - Chất liệu của các chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> + Cannula: polyurethane (PUR), thép không ri + Dụng cụ đặt: polypropylene (PP), không chứa phthalate, polyvinyl chloride (PVC-P) dẻo với BaSO₄, không chứa DEHP 	
27	Canula tĩnh mạch	Cái	1 Cái/Hộp	60	<ul style="list-style-type: none"> - Phủ chất chống đông máu - Thời gian sử dụng ≥ 30 ngày khi dùng với bộ phổi HLS hoặc PLS - Bộ gồm cannula, dụng cụ đặt, dây hỗ trợ cố định ống, miếng dán cố định bằng nhựa - Các cỡ đường kính từ ≤ 19 Fr đến ≥ 29 Fr, chiều dài khoảng 38 cm hoặc 55 cm - Chất liệu của các chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> + Cannula: polyurethane (PUR), thép không ri + Dụng cụ đặt: polypropylene (PP), không chứa phthalate, polyvinyl chloride (PVC-P) dẻo với BaSO₄, không chứa DEHP 	
28	Canuyl Mayo các cỡ	Cái	1Cái/ Túi	8.000	Ống thông đường thở được làm từ nhựa cứng PE hoặc tương đương, không có độc tố, và không gây kích ứng. Có các cỡ từ 4.0 đến 12.0 cm. Đầu canuyn có màu sắc khác nhau giúp phân biệt các cỡ. Được tiệt trùng bằng khí ETO hoặc tương đương.	
29	Canuyl mở khí quản các cỡ	Cái	1Cái/ Túi	4.000	Chất liệu làm bằng nhựa PVC hoặc tương đương không độc. Có bóng, cong 90 độ. Đầu valve có khóa. Đường mở tia X chạy dọc chiều dài ống. Có các số từ 5.0 đến 9.0.	
30	Canuyl mở khí quản có dây hút trên cuff	Cái	Cái / Túi	200		
31	Catheter lọc máu 2 nòng cỡ 12Fx20	Cái	10 Cái/Hộp	2.300	<p>Catheter dùng cho chạy thận và lọc máu . Loại đầu thẳng, 2 nòng, kích cỡ khoảng 12Fr, dài khoảng 20 cm. Có đặc tính:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có đầu mềm được làm vát, không cần dụng cụ nong mạch, giảm tổn thương mạch khi đặt catheter. + Có lỗ mặt bên cách đầu catheter khoảng 2.5cm giúp giảm tái tuần hoàn, giảm nguy cơ hình thành cục máu đông. + Cánh cố định có thể xoay giúp giảm nguy cơ bị gấp ống. + Ống nối dài bằng Silicone giúp ống không bị gấp gãy. + Chất liệu Polyurethane cân xạ. <p>- Dây dẫn hướng: khoảng 0.038 inch x 60 cm. - Kích thước que nong: khoảng 12Fx15cm. Đóng gói gồm: catheter; Nong; Kim luồn; Xi lanh; Dây luồn; Băng dán; Nắp heparin; Dao mổ; Chỉ liên kim</p>	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
32	Catheter tĩnh mạch 1 nòng	Chiếc	10 Chiếc / Hộp	1.500	<p>Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng 5F x 20cm : chất liệu PU hoặc tương đương tương thích sinh học mềm chống xoắn hạn chế tổn thương.</p> <p>Guide wire OD 0.035 inch, dài 50cm, thanh trượt với đầu dạng chữ J, không độc, không chất cao su, tăng an toàn cho bệnh nhân.</p> <p>Kim Y dẫn đường hạn chế mất máu và nhiễm trùng.</p> <p>Nút đẩy có van 1 chiều, không dùng kim bơm thuốc tăng an toàn.</p> <p>Tốc độ chảy: 50ml /phút, Cản quang, Bơm tiêm luerlock 5ml. Khử trùng bằng khí E.O hoặc tương đương. Thời gian phơi ≥ 330 phút. Độ ẩm 50% RH \pm 20. Nhiệt độ 40 – 50°C</p>	
33	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Bộ	1 bộ /Túi	3.000	<p>Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng, chất liệu Polyurethane hoặc tương đương cỡ 7F, G16/G18/G18 dài 15cm, 20cm và 30cm</p> <p>Dây dẫn thép không gỉ 0.035" X 60cm</p> <p>Kim dẫn đường thẳng hoặc có nhánh (Y/V)</p> <p>Đóng gói: Có 2 bơm tiêm 5ml, cây nong 8FrX9cm, dao mổ, nắp đẩy Heparin, kẹp catheter, kẹp ngăn dòng.</p> <p>Được tiệt trùng bằng EO hoặc tương đương,</p>	
34	Chạc ba ngã không dây nối (dùng cho máy bơm tiêm điện và máy truyền dịch)	Cái	50 Cái/ Hộp	50.000	<p>+ Chịu được áp lực ≥ 1.23MPa (12.3bar, 178psi), không rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo</p> <p>+ Chất liệu Chất liệu Polycarbonate/ Polyethylen, không DEHP, Không Pyrogenic, non Toxic</p> <p>+ 1 đầu luer lock, 2 đầu luer slip, khóa 360 độ</p> <p>+Tiệt trùng bằng ETO hoặc tương đương. Dễ dàng quan sát dòng chảy, dễ kết nối với những dụng cụ khác</p> <p>+ Sử dụng được trên các loại máy truyền dịch và máy bơm tiêm điện</p>	
35	Chạc ba ngã không dây nối	Cái	50 Cái/ Hộp	300.000	<ul style="list-style-type: none"> - Chống nứt gãy, rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo hay các loại thuốc - Kết nối dễ dàng và nhanh chóng với kim luồn tĩnh mạch ngoại biên hay trung tâm, hay một hệ thống truyền tĩnh mạch - Góc xoay linh hoạt đa chiều, không bị chèn trong quá trình sử dụng và có tín hiệu hãm cho các nắp xoay mỗi 45 độ trong sử dụng. - Thể tích mỗi ≤ 0.26ml - Chịu áp lực ≥ 4 bar - Thời gian sử dụng ≥ 96h - Chất liệu polyamide hoặc tương đương 	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
36	Chạc ngã ba có dây nối	Cái	1 Cái/ Túi	10.000	<ul style="list-style-type: none"> - Chống nứt gãy, rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo hay các loại thuốc - Kết nối dễ dàng và nhanh chóng với kim luồn tĩnh mạch ngoại biên hay trung tâm, hay một hệ thống truyền tĩnh mạch. - Góc xoay đa chiều linh hoạt, không bị chèn trong quá trình sử dụng và có tín hiệu hãm cho các nấc xoay mỗi 45 độ trong sử dụng. - Chịu áp lực ≥ 4 bar - Dây nối dài 10cm hoặc 25cm - Thể tích mỗi ≤ 2ml - Thời gian sử dụng ≥ 96h - Chất liệu Microcrystalline Polyamide hoặc tương đương - Dây nối vật liệu PVC hoặc tương đương sử dụng chất phụ gia DEHT an toàn (không có DEHP) 	
37	Chỉ Silk 2/0 kim tròn	Sợi	24 sợi/ Hộp	240	Chỉ số 2/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm(± 1 mm). Đóng gói bằng giấy Tyvek hoặc tương đương, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 302 hoặc tương đương phủ silicon.	
38	Chỉ khâu không tiêu Nylon cỡ 2/0;	Sợi	12 sợi/Hộp	7.200	Chỉ nylon không tiêu số 2/0, chỉ dài ≥ 75 cm. Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài 26 mm(± 1 mm): Là Chỉ đơn sợi, không tiêu, tiệt trùng được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6, chỉ có độ đàn hồi rất tốt, bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ dễ buộc và sức căng tốt.	
39	Chỉ khâu không tiêu Nylon cỡ 3/0	Sợi	12 sợi/Hộp	7.200	Chỉ nylon không tiêu số 3/0, chỉ dài ≥ 75 cm, màu xanh. Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài 24 mm (± 1 mm). Là Chỉ đơn sợi, không tiêu, tiệt trùng được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6, chỉ có độ đàn hồi rất tốt, bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt.	
40	Chỉ khâu không tiêu Nylon cỡ 4/0	Sợi	36 sợi/Hộp	2.400	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, thành phần Polyamid 6/66, số 4/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 19mm (± 1 mm), làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương và được đánh bóng để đạt độ nhám bề mặt ≤ 0.4 Ra, phủ silicon giúp tăng hiệu suất thâm nhập và giảm sự kéo xé mô. Lực căng kéo nút thắt ≥ 9.81 N.	
41	Chỉ khâu không tiêu Nylon cỡ 5/0	Sợi	36 sợi/Hộp	1.200	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, thành phần Polyamid 6/66, số 5/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 16mm(± 1 mm), làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương và được đánh bóng để đạt độ nhám bề mặt ≤ 0.4 Ra, phủ silicon giúp tăng hiệu suất thâm nhập và giảm sự kéo xé mô. Lực căng kéo nút thắt ≥ 6.67 N.	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
42	Chỉ khâu không tiêu Nylon cỡ 8/0	Sợi	12 sợi/Hộp	180	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6&66 số 8/0 dài ≥ 13 cm, 1 kim tròn đầu tròn dài 6.5mm(± 1 mm) 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim chuyên dụng gồm: Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt có độ bền kéo xấp xỉ ≥ 2500 Mpa, được phủ bởi lớp silicone, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác.	
43	Chỉ khâu không tiêu Nylon cỡ 9/0	Sợi	12 sợi/Hộp	240	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6&66 số 9/0 dài ≥ 30 cm, 2 kim hình thang Micro-point dài 6.5mm(± 1 mm) 3/8 đường tròn, bằng hợp kim chuyên dụng gồm: Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt có độ bền kéo xấp xỉ ≥ 2500 Mpa, được phủ bởi lớp silicone, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác.	
44	Chỉ khâu không tiêu Nylon cỡ 10/0	Sợi	12 sợi/Hộp	240	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6&66 số 10/0 dài ≥ 13 cm, 1 kim tròn đầu tròn dài 5mm(± 1 mm) 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim chuyên dụng gồm: Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt có độ bền kéo xấp xỉ ≥ 2500 Mpa, được phủ bởi lớp silicone, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác.	
45	Chỉ khâu tiêu nhanh cỡ 2/0	Sợi	12 sợi/Hộp	3.600	Chỉ tan nhanh tổng hợp Polyglactine 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 dài ≥ 90 cm, kim tròn đầu cắt có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, bằng hợp kim chuyên dụng gồm: Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt có độ bền kéo xấp xỉ ≥ 2500 Mpa có phủ silicone, dài 36mm(± 1 mm) 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương: 50% sau 5 ngày, 0% sau khoảng từ 10 ngày đến 14 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn trong vòng 42 ngày.	
46	Chỉ khâu tiêu nhanh cỡ 3/0	Sợi	12 sợi/Hộp	4.800	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% Polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate số 3/0 dài 75cm, 1 kim tam giác ngược bằng hợp kim chuyên dụng gồm: Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt có độ bền kéo xấp xỉ ≥ 2500 Mpa có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, dài 19mm, 3/8 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương: 50% sau 5 ngày, 0% sau 10 - 14 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 42 ngày.	
47	Chỉ khâu tiêu nhanh cỡ 4/0	Sợi	12 sợi/Hộp	2.400	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate số 4/0 dài 75cm, 1 kim tam giác ngược bằng hợp kim chuyên dụng gồm: Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt có độ bền kéo xấp xỉ ≥ 2500 Mpa có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, dài 19mm, 3/8 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương: 50% sau 5 ngày, 0% sau 10 - 14 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 42 ngày.	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
48	Chỉ không tiêu Polypropylene, số 8/0	Sợi	36 sợi/Hộp	36		
49	Chỉ không tiêu Polypropylene, số 6/0	Sợi	36 sợi/Hộp	3.000	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 6/0 dài ≥ 60 cm, 2 kim tròn đầu tròn bằng hợp kim chuyên dụng gồm: Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt có độ bền kéo xấp xỉ ≥ 2500 Mpa dài 11mm(± 1 mm) 3/8 vòng tròn.	
50	Chỉ không tiêu Polypropylene, số 5/0	Sợi	36 sợi/Hộp	3.600	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 5/0 dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt bằng hợp kim chuyên dụng gồm: Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt có độ bền kéo xấp xỉ ≥ 2500 Mpa, dài 17mm(± 1 mm) 1/2 vòng tròn.	
51	Chỉ không tiêu Polypropylene, số 4/0	Sợi	12 sợi/Hộp	3.600	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 4/0 dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt bằng hợp kim chuyên dụng gồm: Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt có độ bền kéo xấp xỉ ≥ 2500 Mpa, dài 20mm(± 1 mm) 1/2 vòng tròn.	
52	Chỉ không tiêu Polypropylene, số 3/0	Sợi	12 sợi/Hộp	3.600	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 3/0 dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn đầu tròn bằng hợp kim chuyên dụng gồm: Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt có độ bền kéo xấp xỉ ≥ 2500 Mpa, dài 26mm(± 1 mm) 1/2 vòng tròn. Thân kim có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp cố định kim kẹp kim.	
53	Chỉ không tiêu Polypropylene, số 2/0	Sợi	12 sợi/Hộp	3.600	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 2/0 dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt, bằng hợp kim chuyên dụng gồm: Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt có độ bền kéo xấp xỉ ≥ 2500 Mpa dài 26mm(± 1 mm) 1/2 vòng tròn. Thân kim có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp cố định kim kẹp kim.	
54	Chỉ không tiêu Polypropylene, số 1/0	Sợi	12 sợi/Hộp	3.600	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 1 dài ≥ 100 cm, 1 kim tròn đầu cắt bằng hợp kim chuyên dụng gồm: Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt có độ bền kéo xấp xỉ ≥ 2500 Mpa, dài 45mm(± 1 mm) 1/2 vòng tròn. Thân kim có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp cố định kim kẹp kim.	
55	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi số 3/0	Sợi	12 sợi/Hộp	1.200	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone 25 số 3/0 dài ≥ 70 cm, 1 kim tròn đầu tròn Taperpoint, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, bằng hợp kim chuyên dụng gồm: Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt có độ bền kéo xấp xỉ ≥ 2500 Mpa có phủ silicone, dài 17mm(± 1 mm) 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương: 60% sau 7 ngày 30% sau 14 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: từ khoảng 90 ngày đến 120 ngày thời gian giữ vết thương từ khoảng 21 ngày đến 28 ngày.	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
56	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi số 4/0	Sợi	12 sợi/Hộp	1.200	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone 25 số 4/0 dài ≥ 70 cm, 1 kim tròn đầu tròn Taperpoint bằng hợp kim chuyên dụng gồm: Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt có độ bền kéo xấp xỉ ≥ 2500 Mpa có phủ silicone, dài 17mm(± 1 mm) 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương: 60% sau 7 ngày 30% sau 14 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: từ khoảng 90 ngày đến 120 ngày	
57	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi số 5/0	Sợi	12 sợi/Hộp	1.200	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone 25 số 5/0 dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác ngược bằng hợp kim gồm: Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt có độ bền kéo xấp xỉ ≥ 2500 Mpa có phủ silicone, dài 16mm(± 1 mm) 3/8 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương: 50% sau 7 ngày 20% sau 14 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: từ khoảng 90 ngày đến 120 ngày .	
58	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi số 6/0	Sợi	12 sợi/Hộp	200	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone 25 số 6/0 dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác ngược bằng hợp kim gồm: Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt có độ bền kéo xấp xỉ ≥ 2500 Mpa có phủ silicone cải tiến, dài 13mm (± 1 mm) 3/8 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương: 50% sau 7 ngày, 20% sau 14 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 90 - 120 ngày	
59	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 1/0	Sợi	36 sợi/Hộp	12.000	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có phủ hợp chất kháng khuẩn triclosan hoặc tương đương số 1 dài ≥ 90 cm, kim tròn đầu tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, bằng hợp kim chuyên dụng gồm: Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt có độ bền kéo xấp xỉ ≥ 2500 Mpa có phủ silicone, dài 40mm(± 1 mm) 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: từ khoảng 56 ngày đến 70 ngày.	
60	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 2/0	Sợi	36 sợi/Hộp	2.400	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có phủ hợp chất kháng khuẩn triclosan hoặc tương đương số 2/0 dài ≥ 70 cm, kim tròn đầu tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, bằng hợp kim chuyên dụng gồm: Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt có độ bền kéo xấp xỉ ≥ 2500 Mpa có phủ silicone, dài 26mm(± 1 mm) 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: từ khoảng 56 ngày đến 70 ngày.	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
61	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 3/0	Sợi	36 sợi/Hộp	7.200	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có phủ hợp chất kháng khuẩn triclosan hoặc tương đương số 3/0 dài ≥ 70 cm, kim tròn đầu tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, bằng hợp kim chuyên dụng gồm: Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt có độ bền kéo xấp xỉ ≥ 2500 Mpa có phủ silicone, dài 26mm(± 1 mm) 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: từ khoảng 56 ngày đến 70 ngày.	
62	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 4/0	Sợi	36 sợi/Hộp	7.200	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có phủ hợp chất kháng khuẩn triclosan hoặc tương đương số 4/0 dài ≥ 70 cm, kim tròn đầu tròn, bằng hợp kim chuyên dụng gồm: Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt có độ bền kéo xấp xỉ ≥ 2500 Mpa có phủ silicone, dài 17mm(± 1 mm) 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: từ khoảng 56 ngày đến 70 ngày.	
63	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 5/0	Sợi	36 sợi/Hộp	3.600	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có phủ hợp chất kháng khuẩn triclosan hoặc tương đương số 5/0 dài ≥ 70 cm, kim tròn đầu tròn bằng hợp kim chuyên dụng gồm: Niken, Titan, Chrome, Molybden, Sắt có độ bền kéo xấp xỉ ≥ 2500 Mpa có phủ silicone, dài 17mm(± 1 mm) 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: từ khoảng 56 ngày đến 70 ngày.	
64	Chỉ Lanh	Cuộn	10 cuộn / Hộp	100		
65	Đầu côn vàng	Cái	1.000 Cái/Gói	50.000	Đầu côn vàng dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP hoặc tương đương, không kim loại, không DNase, RNase. Phù hợp với các loại pipet trên thị trường, ôm khít đầu pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích.	
66	Đầu côn xanh	Cái	500 Cái/Gói	30.000	Đầu côn xanh dung tích 1000 ul, làm từ nhựa PP hoặc tương đương, không kim loại, không DNase, RNase. Phù hợp với các loại pipet trên thị trường, ôm khít đầu pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích.	
67	Ống ly tâm 50ml	Ống	100 ống / Túi	15.000	Chất liệu nhựa PP hoặc tương đương, nắp nhựa PE hoặc tương đương, dung tích 50ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm để tách thuốc thử, tách chất rắn ra khỏi chất lỏng và chất rắn lắng đọng ở phần dưới của ống ly tâm. Chịu được lực ly tâm ≥ 6000 vòng/phút. - Thân trong suốt, có vạch chia thể tích. - Đã tiệt trùng.	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
68	Ống ly tâm 15ml	Ống	100 ống / Túi	10.000	Chất liệu nhựa PP hoặc tương đương, nắp nhựa PE hoặc tương đương, dung tích 15ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm để tách thuốc thử, tách chất rắn ra khỏi chất lỏng và chất rắn lắng đọng ở phần dưới của ống ly tâm. Chịu được lực ly tâm ≥ 6000 vòng/phút. - Thân trong suốt, có vạch chia thể tích. - Tiệt trùng bằng tia Gamma hoặc tương đương.	
69	Đầu tít có phin lọc 10ul, 20ul, 100ul, 1000ul.	Cái	96 Cái/Hộp	80.000	Đầu côn lọc 10ul, 20ul, 100ul, 1250ul, chất liệu nhựa PP hoặc tương đương, không kim loại, không Dnase, Rnase. Phù hợp các loại cây pipet trên thị trường. Tiệt trùng bằng khí EO gas hoặc tương đương.	
70	Dây truyền dịch	Cái	25 Cái/Hộp	500.000	Dây truyền dịch dài ≥ 1400 mm, loại bầu đếm 20 giọt/ml, bầu đếm giọt và đầu cắm vào chai dịch chuyên là loại được đúc nguyên khối và vô khuẩn tốt, bầu đếm giọt trong suốt có gắn liền cổng thông khí với màng lọc khuẩn không cho dịch đi qua, ở đáy bầu đếm giọt có màng lọc với kích thước lỗ lọc khoảng 15 micromet, thiết kế cổng chữ Y để tiêm thuốc bằng chất liệu Isoprene hoặc tương đương không chứa latex, dài ≥ 300 mm tránh đầu kim tiêm chọc ra ngoài, đầu cuối dây có đầu kết nối luerlock bằng chất liệu ABS trong suốt và nút chặn dịch chất liệu (PP+MB hoặc tương đương) ở cuối đường truyền.	
71	Dây truyền máu	Bộ	20 bộ/Hộp	30.000	Chất liệu PVC y tế hoặc tương đương không gây sốt, không độc hại và chống dị ứng, tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Chiều dài dây (chưa bao gồm kim) 1350mm (± 100 mm). Kim 18Gx1½ sắc, bầu đếm giọt có hai phần bầu trên và bầu dưới, có màng lọc ở bầu trên với kích thước lỗ lọc $\leq 200\mu\text{m}$, 20 giọt/ml.	
72	Đè lưới gỗ	Cái	01 que/Túi	80.000	Que đè lưới được làm từ gỗ, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh đã tiệt trùng - Kích cỡ: 150 x 20 x 2mm	
73	Đĩa Petri nhựa F90mm tiệt trùng	Cái	10 Cái/Túi	60.000	Đĩa làm bằng nhựa PS tinh khiết hoặc tương đương, đường kính 90mm và chiều cao 15mm, có 1 ngăn, đã được tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương.	
74	Điện cực dán	Cái	30 Cái/Túi	50.000	- Điện cực dán người lớn, loại dùng 1 lần. - Đã bôi gel - Kích cỡ điện cực tổng diện tích $\geq 20 \text{ cm}^2$, diện tích gel $\geq 2.0 \text{ cm}^2$; diện tích bám dính (chất liệu lót) $\geq 17.5 \text{ cm}^2$ - Chất liệu: núm giữa: thép không gỉ; nhãn: PET-Foil; chất liệu lót: PE - Foam; độ bám dính: Acrylate y tế hoặc tương đương; cảm biến: lớp phủ ABS Ag/ AgCl; Gel: Aqua - Tac hoặc tương đương; lớp lót phát hành: PET - Foil phủ silicone	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
75	Dung dịch chạy thận nhân tạo HD 1A	Can	10 lít/ can	2.000	<p>Thành phần 1 can 10 lít dung dịch thẩm phân máu đậm đặc Acid đặc chứa:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Natri clorid: 1614,0 g • Kali clorid: 54,91 g • Calciclorid.2H₂O: 97,45 g • Magnesi clorid.6H₂O: 37,44 g • Acid acetic băng: 88,47 g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít • Tương thích tỷ lệ pha <p>Đóng gói: Can 10 lít chất liệu HDPE, nắp làm từ nhựa LDPE không gây tan máu, không gây ra tác dụng phụ đối với máu hoặc các thành phần của máu. Can và lớp niêm phong bên trong không chứa cytotoxin</p>	
76	Dung dịch chạy thận nhân tạo HD 1B	Can	10 lít/ can	3.000	<p>Thành phần 1 can 10 lít dd thẩm phân máu đậm đặc bicarbonate chứa:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Natri clorid: 305,8 g • Natri Bicarbonate: 659,4 g Dinatri Edetat.2H₂O 1,0g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít • Tương thích tỷ lệ pha với dd đậm đặc acid <p>Đóng gói: Can 10 lít chất liệu HDPE, nắp làm từ nhựa LDPE không gây tan máu, không gây ra tác dụng phụ đối với máu hoặc các thành phần của máu. Can và lớp niêm phong bên trong không chứa cytotoxin</p>	
77	Dung dịch tiệt khuẩn màng lọc	Can	5 lít/ can	15	<p>Thành phần dung dịch chứa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Peracetic acid: 5%; - Hydrogen Peroxide: 25% - Acetic Acid: 9% - Nước: 61% <p>Công dụng: làm sạch và khử trùng màng lọc thận nhân tạo.</p>	
78	Dung dịch khử khuẩn máy thận nhân tạo	Can	5 lít/ can	200	<p>Thành phần dung dịch: 1000 ml chứa 500 gam acid citric khan. Tác dụng: làm sạch, khử Can- xi và khử trùng nhiệt máy chạy thận nhân tạo; diệt vi khuẩn, nấm, lao và virus (bao gồm HBV, HCV và HIV) ở 83 độ C thời gian khử khuẩn 15 phút</p>	
79	Kim chạy thận nhân tạo	Cái	50 Cái/Hộp	15.000	<p>Kim chạy thận nhân tạo A/V 16G: *Chất liệu: Thép không gỉ SUS 304 hoặc tương đương. Chất liệu dây nối: Polyvinyl clorua mềm dẻo không chứa DEHP và LATEX. *Kích cỡ: khoảng 1.6 X 25 X 300 mm *Thiết kế: Đầu kim hai mặt vát, Thành kim mỏng và tráng silicon; Cánh bướm có thể xoay; Có kẹp khóa phân biệt màu, Đầu nối Luer . * Phương pháp tiệt trùng: tia gamma hoặc tương đương. Phù hợp máy Lọc máu của hãng B.Braun</p>	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
80	Quả lọc thận nhân tạo Low Flux	Quả	20 quả/ thùng	2.500	Màng lọc thận Low Flux; chất liệu: α Polysulfone Pro; tiết khuẩn tia Gamma không ôxy hoặc tương đương; diện tích bề mặt 1.6 m^2 , thể tích mỗi: 98 ml , $k_{uf} = 14 \text{ ml/h/mmHg}$. Tốc độ máu $Q_b = 300 \text{ ml/phút}$, Tốc độ dịch $Q_d = 500 \text{ ml/phút}$, $K_oA \text{ Urea} = 1123$; độ thanh thải: Ure 269 ml/phút , Creatinin 242 ml/phút , Phosphate 187 ml/phút , Vitamin B12: 112 ml/phút .	
81	Que thử tồn dư Peroxide trong dung dịch trắng	Hộp	100 que/ Hộp	15	Que thử được sử dụng khi kết thúc quá trình rửa quả lọc thận và trước khi lọc máu. Độ nhạy phát hiện Peroxide đến mức 1 ppm . Đưa ra kết quả trong vòng 15 giây	
82	Que thử nồng độ hóa chất trong màng	Hộp	100 que/ Hộp	15	Que thử được sử dụng để kiểm tra nồng độ hiệu dụng của dung dịch khử trùng. Nồng độ chất khử trùng $> 800 \text{ ppm}$ phần chỉ thị của que thử thể hiện màu nâu sẫm là Kết quả Đạt. Nồng độ chất khử trùng $< 400 \text{ ppm}$ phần chỉ thị của que thử thể hiện màu trắng là Kết quả Không Đạt. Đưa ra kết quả trong vòng 10 giây	
83	Gạc cầu Fi30 x 1 lớp	Miếng	10 Miếng/Gói	1.000.000	Gạc dệt hút nước (100% cotton) tẩy trắng bằng oxy già, không hồ, không có bụi bẩn, sợi lạ, không mùi. Có độ thấm hút rất cao, không có độc tố đã được giặt sạch, không chứa chất gây dị ứng, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép - Tốc độ hút nước: $\leq 5 \text{ s}$ - Độ acid bazơ: trung tính - Chất tan trong nước: $\leq 0.5\%$ - Hàm lượng chất béo: $\leq 0.5\%$ - Tinh bột và dextrin: không phát hiện - Độ ẩm: $\leq 8\%$ - Độ trắng: $\geq 80\%$ - Muối kim loại không quá hàm lượng cho phép - Mật độ sợi: ngang $7-9 \text{ sợi/cm}$, dọc $11-13 \text{ sợi/cm}$ - Trọng lượng: từ khoảng 23 g/m^2 đến 32 g/m^2 - Độ ngậm nước: 10 g nước/1g gạc - Muối kim loại không quá hàm lượng cho phép - Kích thước: đường kính $30 \text{ mm} \times 1 \text{ lớp}$ - Tiết trùng bằng khí E.O hoặc tương đương.	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
84	Gạc phẫu thuật N2	Miếng	5 Miếng/Gói	1.200.000	<p>Gạc hút nước (100% cotton) tẩy trắng bằng oxy già, không hồ, không có bụi bẩn, sợi lạ, không mùi. Có độ thấm hút rất cao, không có độc tố đã được giặt sạch, không chứa chất gây dị ứng, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ hút nước: $\leq 5s$ - Độ acid bazo: trung tính - Chất tan trong nước: $\leq 0.5\%$ - Hàm lượng chất béo: $\leq 0.5\%$ - Tinh bột và dextrin: không phát hiện - Độ ẩm: $\leq 8\%$ - Độ trắng: $\geq 80\%$ - Muối kim loại không quá hàm lượng cho phép - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi/cm, dọc 11-13 sợi/cm - Trọng lượng: từ khoảng 23g/m² đến 32g/m² - Độ ngấm nước: 10g nước/1g gạc - Muối kim loại không quá hàm lượng cho phép - Kích thước 6cm x 10cm x 12 lớp - Tiệt trùng bằng khí E.O hoặc tương đương. 	
85	Gạc phẫu thuật nội soi	Miếng	5 Miếng/Gói	10.000	<p>Gạc không dệt hút nước (30% viscose + 70% polyester) thấm hút nhanh, vải dạng lưới có lỗ, mềm mại, mịn màng, không có hóa chất tẩy trắng, không chứa chất gây dị ứng, không có xơ mùn hoà tan trong dịch phủ tạng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trọng lượng: 40g/m² - Tốc độ hút nước: $\leq 5s$ - Độ PH: Đạt trung tính - Tinh bột và dextrin: không có - Chất tan trong nước: $\leq 0.5\%$ - Chất tan trong chất béo: $\leq 0.5\%$ - Độ ẩm: $\leq 8\%$ - Độ ngấm nước: 10g nước/1g gạc - Muối kim loại không quá hàm lượng cho phép - Kích thước: 7.5cm x 7.5cm x 6 lớp - Tiệt trùng bằng khí E.O hoặc tương đương. 	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
86	Gạc phẫu thuật ổ bụng có cảm quang	Miếng	5 Miếng/Gói	10.000	<p>Gạc hút nước (100% cotton) tẩy trắng bằng oxy già, không hồ, không có bụi bẩn, sợi lạ, không mùi. Có độ thấm hút rất cao, không có độc tố đã được giặt sạch, không chứa chất gây dị ứng, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm được may 4 góc và có dây quai - Tốc độ hút nước: $\leq 5s$ - Độ acid bazo: trung tính - Chất tan trong nước: $\leq 0.5\%$ - Hàm lượng chất béo: $\leq 0.5\%$ - Tinh bột và dextrin: không phát hiện - Độ ẩm: $\leq 8\%$ - Độ trắng: $\geq 80\%$ - Muối kim loại không quá hàm lượng cho phép - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi/cm, dọc 11-13 sợi/cm - Trọng lượng: từ khoảng $23g/m^2$ đến $32g/m^2$ - Độ ngậm nước: 10g nước/1g gạc - Muối kim loại không quá hàm lượng cho phép - Kích thước: 30cm x 40cm x 6 lớp, có sợi cảm quang đính kèm giúp kiểm tra sót gạc - Tiệt trùng bằng khí E.O hoặc tương đương. 	
87	Gạc phẫu thuật ổ bụng	Miếng	5 Miếng/Gói	50.000	<p>Gạc hút nước (100% cotton) tẩy trắng bằng oxy già, không hồ, không có bụi bẩn, sợi lạ, không mùi. Có độ thấm hút rất cao, không có độc tố đã được giặt sạch, không chứa chất gây dị ứng, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm được may 4 góc và có dây quai - Tốc độ hút nước: $\leq 5s$ - Độ acid bazo: trung tính - Chất tan trong nước: $\leq 0.5\%$ - Hàm lượng chất béo: $\leq 0.5\%$ - Tinh bột và dextrin: không phát hiện - Độ ẩm: $\leq 8\%$ - Độ trắng: $\geq 80\%$ - Muối kim loại không quá hàm lượng cho phép - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi/cm, dọc 11-13 sợi/cm - Trọng lượng: từ khoảng $23g/m^2$ đến $32g/m^2$ - Độ ngậm nước: 10g nước/1g gạc - Muối kim loại không quá hàm lượng cho phép - Kích thước: 30cm x 40cm x 6 lớp - Tiệt trùng bằng khí E.O hoặc tương đương. 	
88	Găng tay khám	Đôi	50 đôi/Hộp	2.000.000	<p>Găng khám các cỡ S, M, L Độ dày ngón tay tối thiểu 0.08mm; Độ dày lòng bàn tay tối thiểu: 0.08mm Chiều dài: cỡ XS; S tối thiểu 220mm; cỡ M; L; XL: tối thiểu 230mm Độ bền kéo đứt: Trước lão hóa: tối thiểu $\geq 18MPa$; Sau lão hóa: Tối thiểu $\geq 14 Mpa$. Độ giãn dài: Trước lão hóa: tối thiểu $\geq 650\%$; Sau lão hóa: Tối thiểu $\geq 500\%$</p>	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
89	Găng tay khám sản	Đôi	50 đôi/ Hộp	1.500	<p>Chất liệu cao su thiên nhiên hoặc tương đương, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da.</p> <p>Được tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương, đóng gói mỗi túi/ đôi.</p> <p>Cổ cỡ 7.0-7.5. Chiều dài ≥ 450, chiều rộng lòng bàn tay size 7: 89 ± 5mm, 7.5: 95 ± 5 mm; cường lực khi đứt trước lão hoá ≥ 12.5N, sau lão hoá ≥ 9.5N.</p> <p>Độ giãn đứt trước lão hoá $\geq 700\%$, sau lão hoá $\geq 550\%$.</p> <p>Lượng bột max ≤ 80mg /đôi.</p> <p>Lượng protein max ≤ 200g/dm².</p>	
90	Găng tay phẫu thuật vô trùng các cỡ	Đôi	50 đôi/ Hộp	100.000	<p>Chất liệu cao su thiên nhiên hoặc tương đương, Có bột. Kích thước độ dài tối thiểu 285mm. Độ dày ngón tay: 0.28mm; lòng bàn tay: 0.17mm; cổ tay: 0.1mm.</p> <p>Lực kéo đứt tối thiểu trước lão hóa: ≥ 13.5N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi già hóa nhanh $\geq 750\%$.</p> <p>Lực kéo đứt tối thiểu sau lão hóa: ≥ 12.6N. Độ giãn dài tối thiểu sau khi già hóa nhanh $\geq 560\%$. Hàm lượng bột ≤ 1.9 mg/dm². Hàm lượng protein tan trong nước ≤ 96 μg/dm²</p>	
91	Găng tay không bột	Đôi	50 đôi/ Hộp	200.000	<p>Găng tay cao su tổng hợp hoặc tương đương không bột, không tiệt trùng, có các size S-M-L. Không chứa Latex, không Protein .</p> <p>Độ bền và co giãn cao không gây rách thủng, Bề mặt và ngón tay có độ nhám tốt, cầm nắm cả khi khô và ướt; Không thấm nước, kháng dầu, kháng nhiều loại hóa chất,</p> <p>Chiều dài ≥ 240mm, rất mỏng và nhẹ. Độ dày lòng bàn tay (trung tâm bàn tay): tối thiểu 0.07-0.10(mm). Độ dày ngón tay (13mm \pm3mm from tip): ≥ 0.09(mm); Độ bền kéo (MPa) trước và sau lão hóa: ≥ 16;</p> <p>Độ kéo dài giãn đứt tối thiểu trước và sau lão hóa : $\geq 550\%$ và $\geq 500\%$;</p>	
92	Giấy điện tim 6 cần	Tệp	60 Tệp/Thùng	2.000	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi lại các biến thiên của dòng điện do tim phát ra trong khi hoạt động cơ bóp. Giấy ghi điện tâm đồ thể hiện tốc độ và nhịp điệu của tim cũng như những bằng chứng gián tiếp - Giấy in cho máy điện tim 6 kênh. - Chất liệu: bằng giấy in nhiệt, có 1 mặt được in sẵn dòng kẻ để đếm nhịp tim. - Kích thước: 110mm x 140mm x 142 tờ - Tương thích với máy điện tim 6 cần của Nihon kohden 	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
93	Giấy điện tim 12 cần	Tệp	250 Tờ/Tệp	150	Ghi lại các biến thiên của dòng điện do tìm phát ra trong khi hoạt động cơ bóp. Giấy ghi điện tâm đồ thể hiện tốc độ và nhịp điệu của tim cũng như những bằng chứng gián tiếp - Giấy in cho máy điện tim 12 kênh. - Kích thước: 210mm x 295mm x 250 tờ (dạng xấp) trắng không kẻ. - Tương thích với máy điện tim 12 cần Nihon Kohden	
94	Giấy in ảnh siêu âm đen trắng	Cuộn	10 Cuộn/Hộp	2.500	Kích thước cuộn: 110mm x 20m. Tương thích với máy in Sony UP-X898MD	
95	Holder	Cái	100 Cái/Hộp	5.000	Nhựa y tế PP Polymer hoặc tương đương trong suốt, không độc. Khóa ren, dùng trong lấy máu chân không.	
96	Kẹp rốn	Cái	100 Cái/Hộp	1.000	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh hoặc tương đương, độ trơn láng cao.	
97	Dây hút dịch phẫu thuật	Bộ	1 bộ/Túi	5.000	Dây dẫn làm từ nhựa PVC nguyên sinh hoặc tương đương. Đường kính ngoài ống: 7.7/9.9/10.5 mm. Đường kính trong ống: 5/6.3/7.7 mm. Chiều dài ống khoảng 2m, có hai đầu nối giúp kết nối chặt chẽ vào thiết bị. Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu được áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo	
98	Kim cánh bướm các cỡ	Cái	100 Cái/Túi	80.000	Kim cánh bướm các số 18G đến 25G. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh hoặc tương đương, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, không gãy gập. Kim làm bằng chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, mài vát 3 cạnh, sắc nhọn. Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng bằng khí EO gas hoặc tương đương.	
99	Kim chọc hút tủy xương (dùng 1 lần)	Cái	01 Cái / Túi	300	Kim chọc tủy xương 16G, dùng 1 lần, chiều dài kim điều chỉnh được từ 20- 35 mm. Đóng gói tiệt trùng 01 cái/ túi.	
100	Kim chọc dò gây tê	Cái	25 Cái/Hộp	15.000	1. Đầu kim 3 mặt vát, bén, giảm nguy cơ tụ máu dưới màng cứng 2. Thành kim mỏng cho dòng chảy tốt, Chiều dài mặt vát: - G20: 2.45-3.17 mm - G21: 2.17-2.82 mm - G22: 2-2.65 mm - G25: 1.51-2.05 mm - G27: 1.23-1.68 mm 3. Đường kính ngoài của kim thông nòng 0.22-0.9mm 4. Đốc kim Polypropylene (PP) hoặc tương đương trong suốt để quan sát dịch não tủy, có nhiều rãnh ngang giúp cầm chắc chắn 5. Tiệt trùng EO hoặc tương đương 6. Mã code theo màu sắc để chọn lựa	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
101	Kim lấy máu 2 đầu	Cái	100 Cái/Hộp	150.000	- Kim 2 đầu, đầu kim cắt vát, đốc đục, khóa ren. Không latex, không gây sốt. - Màu sắc đốc kim theo cỡ - Tiệt trùng bằng EO hoặc tương đương.	
102	Kim luồn tĩnh mạch các cỡ	Cái	50 Cái/Hộp	300.000	Kim luồn tĩnh mạch chất liệu FEP hoặc tương đương, có 3 vạch cân quang ở thân catheter, lưu kim được đến $\geq 96h$.Được tiệt trùng bằng EO hoặc tương đương. Màng kỹ nước chống máu tràn ra.Thân catheter không chứa kim loại, sử dụng được trong phòng MRI. Không sử dụng keo gắn kết thân catheter vào đốc nhựa. Có bầu tắm lọc xốp ở chuỗi kim cho phép khí đi qua và không cho chất lỏng đi qua. Bầu tắm lọc có thể tháo rời để lấy mẫu máu khi cần. Có nút chặn kim luồn khi không sử dụng tiêm truyền cho bệnh nhân. - Các cỡ kim: + 24G x 3/4" (0.74 x 19 mm, 29ml/min); + 22G x 1" (0.9 x 25 mm, 42ml/min); + 20G x 1- 1/4" (1.0 x 32 mm, 59ml/min); + 18G x 1-3/4" (1.3 x 45 mm, 96ml/min); + 16G x 1-3/4" (1.75 x 45 mm, 225ml/min); + 14G x 1-3/4" (2.0 x 45 mm, 290ml/min); - Các cỡ kim có màu khác nhau.	
103	Kim vô trùng các cỡ	Cái	100 Cái/Hộp	1.000.000	Kim các số G18, G20, G23, Vi dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim.	
104	Lam kính	Hộp	72 Cái/ Hộp	1.000	Chất liệu: Kính soda vôi đạt chuẩn hoặc tương đương Độ dày: 1.0-1.2 mm Kích thước: 25.4 x 76.2mm(1" x 3") ± 1 mm.	
105	Lamen 22x22	Hộp	100 Cái/Hộp	500	- Tiêu bản kính dùng cho kính hiển vi, bằng thủy tinh - Kích thước 22x22mm	
106	Lọ đựng bệnh phẩm vô trùng	Lọ	1 lọ/Túi	15.000	Chất liệu bằng nhựa PP hoặc tương đương, dung tích ≥ 50 ml, Nắp màu đỏ. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong, Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương.	
107	Lưỡi dao mổ sử dụng một lần các số	Cái	100 Cái/Hộp	16.000	Dao sắc. Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, tiệt trùng bằng tia Gamma hoặc tương đương. Các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22. Các rãnh dọc lưỡi dao tương thích với mọi loại cán dao mổ tiêu chuẩn fitment số 3 và số 4 cũng như là 3L, 4L .. do bất kỳ đơn vị nào sản xuất.	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
108	Mặt nạ khí dung các cỡ	Cái	1 Cái/Túi	10.000	<p>Chất liệu làm từ nhựa PVC y tế hoặc tương đương không mùi, không có DEHP. Bầu xông khí dung được làm từ polycarbonate hoặc tương đương với độ dày ≥ 21mm và chiều dài 4.5cm được chia thành 2 khoang. Dây dẫn dài khoảng 2m với thiết kế lumen hình sao giảm thiểu rủi ro tắc luồng khí khi bị xoắn. Mặt nạ được thiết kế tiện dụng tạo điều kiện che phủ hoàn toàn và cho phép hít đủ thuốc dạng khí dung. Kích thước mặt nạ khoảng (115x83x60)mm.</p> <p>Nẹp mũi có thể điều chỉnh giúp vừa vặn, thoải mái. Với cường độ nén: từ 0.4 MPa đến 0.6MPa kết nối của dây dẫn không bị đứt.</p> <p>Ống dây dẫn kết nối các bộ phận phải chắc chắn và lực kéo giãn đạt ≥ 15N theo chiều dọc khoảng 15s ống dây dẫn không bị vỡ hoặc nứt. 2 đầu dây dẫn bám chặt đầu nối với áp suất nén từ 100Kpa đến 150 Kpa, không bị tuột khi tăng áp lực. Dưới áp suất 100Kpa-200Kpa không bị rò rỉ.</p>	
109	Mặt nạ oxy có túi các cỡ	Cái	1 Cái/Túi	15.000	<p>Chất liệu nhựa PVC y tế hoặc tương đương không mùi, không có chứa DEHP.</p> <p>Dây dẫn dài khoảng 2m kiểu lumen hình sao để giảm thiểu rủi ro tắc luồng khí khi bị xoắn.</p> <p>Mặt nạ che phủ hoàn toàn và giảm rò rỉ khí oxy.</p> <p>Nẹp mũi có thể điều chỉnh.</p> <p>Dây đeo: Có độ co giãn để cố định vào đầu bệnh nhân.</p> <p>Túi đựng khí: Cung cấp nồng độ oxy $\geq 90\%$.</p> <p>Túi đựng khí có dung tích khoảng 1L và 1.5L.</p> <p>Ống dây dẫn kết nối các bộ phận phải chắc chắn và lực kéo giãn ≥ 15N theo chiều dọc khoảng 15s ống dây dẫn không bị vỡ hoặc nứt.</p> <p>Cường độ nén: Với cường độ nén: từ 0.4 đến 0.6MPa kết nối của dây dẫn không bị đứt.</p> <p>Dưới áp suất 100Kpa-200Kpa không bị rò rỉ.</p> <p>Dung sai nồng độ oxy: khoảng $\pm 10\%$ module's.</p>	
110	Mặt nạ oxy không túi các cỡ	Cái	1 Cái/Túi	10.000	<p>- Sản phẩm được làm từ chất liệu nhựa PVC y tế hoặc tương đương không mùi, không có chứa DEHP</p> <p>- Dây dẫn dài khoảng 2m với thiết kế lumen hình sao để giảm thiểu rủi ro tắc luồng khí khi bị xoắn. Kích thước mặt nạ (Dài x rộng x cao): khoảng (105x70x55)mm. Nẹp mũi có thể điều chỉnh giúp vừa vặn, thoải mái. Dây đeo: Độ co giãn tốt để cố định vào đầu bệnh nhân. Ống dây dẫn kết nối các bộ phận phải chắc chắn và lực kéo giãn đạt ≥ 15N theo chiều dọc khoảng 15s ống dây dẫn không bị vỡ hoặc nứt, 2 đầu kết nối của dây không bị tuột khi thở oxy áp lực cao.</p> <p>Cường độ nén: với cường độ nén từ 0.4 đến 0.6MPa kết nối của dây dẫn không bị đứt. Dưới áp suất 100Kpa- 200 Kpa sản phẩm không bị rò rỉ. Dung sai nồng độ oxy: trong khoảng $\pm 10\%$ module's.</p>	
111	Mô vịt nhựa	Cái	1 Cái/Túi	3.000	Mô vịt nhựa được sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh hoặc tương đương. Có tiết trùng.	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
112	Mũ phẫu thuật vô trùng	Cái	1 Cái/Túi	200.000	<p>Chất liệu từ vải không dệt PP hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu xanh hoặc trắng, dày dặn, không thấm nước, không độc, mềm dịu, Màu sắc đồng đều, không loang bần, không dính tạp chất, không kích ứng da, thoáng khí, thoải mái, không có kim loại nặng - Dây thun 2 sợi mềm, chần chấn, bao mũ, có tính đàn hồi cao - Chiều dài: 21cm ± 2cm - Chiều rộng : 2.3cm ± 0.5cm - Đường kính khi mở vòng đầu: 48cm ± 2cm - Tiệt trùng bằng khí E.O hoặc tương đương. 	
113	Áo phẫu thuật vô trùng dùng 1 lần	Cái	1 Cái/Gói	2.000	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu từ vải không dệt PP được cấu tạo từ sợi polypropylene hoặc tương đương, gồm 2 lớp - Màu sắc: Màu xanh hoặc màu trắng - Áo phẫu thuật có khả năng chống thấm nước, độ bền cao, độ đàn hồi tốt, mềm mại, không gây kích ứng da, cách nhiệt. - Có dây đai buộc sau lưng, cổ tay có viền thun. - Tiệt trùng bằng khí E.O hoặc tương đương. Kích thước: 1.2m x 1.4m và: 1.4m x 1.6m. 	
114	Nút chặn kim luồn	Cái	250 Cái/Hộp	100.000	<ul style="list-style-type: none"> - Nắp chặn kim luồn, dài 40 mm(±1mm), có công bơm thuốc (màng tiêm chất liệu polyisoprene hoặc tương đương) không chứa latex trên nắp cho phép rút máu hoặc chích thuốc nhiều lần 	
115	Ống đặt nội khí quản các số	Cái	1 Cái / Túi	5.000	<p>Được làm từ nhựa PVC hoặc tương đương, không bóng , van có đầu bơm cho khóa luer, đầu nối tiêu chuẩn 15mm, đường mờ tia X chạy dọc chiều dài ống. Có các cỡ: từ 2.5 – 6.0. Đóng gói trong túi riêng</p>	
116	Ống đặt nội khí quản có bóng các số	Cái	10 Cái/Hộp	10.000	<p>Được làm từ nhựa PVC hoặc tương đương, với bóng có dung lượng cao độ nén thấp, bóng lái, van có đầu bơm cho khóa luer, đầu nối tiêu chuẩn 15mm, đường mờ tia X chạy dọc chiều dài ống. Có các cỡ: từ 2.5 – 10.0. Tiệt trùng bằng khí E.O hoặc tương đương.</p>	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
117	Ống đặt nội khí quản có lò xo có bóng chèn số (6, 6,5, 7, 7,5)	Cái	05 Cái/ Hộp	500	<p>Chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC) hoặc tương đương mềm dẻo, cảm ứng nhiệt phù hợp với đường cong khí quản. Thân ống được gia cố vòng lò xo bằng thép không gỉ chạy dọc thân ống giúp giảm nguy cơ bị gấp khúc gây tắc nghẽn; co nối 15mm được kết nối với ống nội khí quản.</p> <p>- Kích thước:</p> <p>+ Ống nội khí quản lò xo có bóng chèn 6.0: Đường kính trong 6.0mm; đường kính ngoài ống 8.8mm, đường kính bóng chèn 24mm và chiều dài 286mm (±1mm)</p> <p>+ Ống nội khí quản lò xo có bóng chèn 6.5: Đường kính trong 6.5mm; đường kính ngoài ống 9.4mm, đường kính bóng chèn 26mm và chiều dài 297mm(±1mm)</p> <p>+ Ống nội khí quản lò xo có bóng chèn 7.0: Đường kính trong 7.0mm; đường kính ngoài ống 10.0mm, đường kính bóng chèn 27mm và chiều dài 306mm(±1mm)</p> <p>+ Ống nội khí quản lò xo có bóng chèn 7.5: Đường kính trong 7.5mm; đường kính ngoài ống 10.6mm, đường kính bóng chèn 28mm và chiều dài 318mm(±1mm)</p> <p>Tiết trùng, sử dụng 1 lần. Không chứa latex</p>	
118	Ống đặt nội khí quản Canllens các cỡ (phải, trái: 35, 37, 39, 41)	Cái	1 Cái/ Túi	20	<p>Ống thông khí phế quản 2 nòng dùng thông khí độc lập một phổi</p> <p>Chất liệu bằng PVC hoặc tương đương</p> <p>Hai bóng được mã hóa bằng 2 màu khác nhau để phân biệt bóng ở khí quản và bóng phế quản.</p> <p>Có vòng cản quang ở đầu nối bóng phế quản và đầu ống.</p> <p>Có đường màu xanh cản tia X giúp dễ dàng quan sát khi đưa ống nội soi vào.</p> <p>Đối với ống thông khí phế quản bên phải:</p> <p>- 1 mắt lớn (để thông khí cho lỗ phế quản thùy trên bên phải)</p> <p>- Bóng chèn phế quản kép tạo điều kiện thuận lợi cho việc định vị ống vào phế quản thân phải</p> <p>Phụ kiện đi kèm gồm : 2 ống nối dây đầu xoay có nắp đậy; 2 sợi dây hút đờm có kiểm soát bằng nhựa, trong suốt; 1 co chữ Y.</p> <p>Các cỡ 35Fr, 37Fr, 39Fr, 41Fr.</p> <p>Đường kính trong của 2 nhánh của các cỡ 35Fr, 37Fr, 39Fr, 41Fr tương ứng là 4.9mm, 5.16mm, 5.51mm, 5.56mm</p> <p>Tiết trùng, sử dụng 1 lần. Không chứa latex.</p>	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
119	Ống đặt nội khí quản có dây hút trên cuff	Cái	1 Cái/ Túi	500	<p>Chất liệu làm bằng nhựa y tế PVC hoặc tương đương không chứa DEHP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổng hút dịch trên cuff - Có vạch tia X quang - Cổng nối tiêu chuẩn 15mm - Đầu tip vát tròn và lỗ thông khí phụ mắt Murphy đảm bảo ít xâm nhập - Bóng áp lực thấp dung tích cao đảm bảo độ kín khi đặt nội khí quản 	
120	Dụng cụ cố định mở khí quản (chất liệu vải)	Cái	100 Cái/Hộp	2.000	-Chất liệu làm bằng vải được bao phủ lớp đệm xốp (foam) bền, mềm, nhẹ, tăng sự thoải mái cho bệnh nhân.	
121	Dụng cụ cố định nội khí quản có chống cắn	Cái	1 Cái/ Túi	1.000	<ul style="list-style-type: none"> -Dùng để cố định ống nội khí quản, đồng thời giúp dễ dàng di chuyển vị trí ống nội khí quản, tránh gây loét môi cho bệnh nhân, có ống chống cắn để ngăn ngừa bệnh nhân cắn vào ống nội khí quản -Kích thước đường ống từ 5 - 10 mm. -miếng dán hydrocolloid hoặc tương đương có độ pH giống như da, không gây dị ứng. -Thời gian sử dụng trung bình từ 5 - 7 ngày. -Giúp cố định ống nội khí quản chắc chắn, an toàn và nhanh chóng. -Dễ dàng vệ sinh răng miệng, giúp giảm thiểu viêm phổi liên quan đến máy trợ thở. 	
122	Ống EDTA chân không	Ống	100 ống/Hộp	500.000	Chất liệu nhựa PET hoặc tương đương, nắp an toàn, kích cỡ 13 x 75mm, thành phần 2.0mg/ml EDTA K2 phun sương bám vào thành trong ống, có vạch định sẵn 2ml.Đã tiệt trùng	
123	Ống Eppendorf 0,5 ml	Cái	1000 Cái/Túi	50.000	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh hoặc tương đương, dung tích mẫu ≥ 0.5 ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm trong các thí nghiệm vi sinh trong sinh học phân tử. Chịu được lực ly tâm ≥ 20.000 RPM, nhiệt độ (-196) - 120 độ C (đun sôi được).	
124	Ống Eppendorf 1,5ml	Cái	500 Cái/Túi	50.000	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh hoặc tương đương, dung tích mẫu ≥ 1.5 ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm trong các thí nghiệm vi sinh trong sinh học phân tử. Chịu được lực ly tâm ≥ 16.000 RPM, nhiệt độ (-196) - 120 độ C (đun sôi được).	
125	Ống Eppendorf 2 ml	Cái	500 Cái/Túi	50.000	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh hoặc tương đương, dung tích mẫu ≥ 2 ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm trong các thí nghiệm vi sinh trong sinh học phân tử. Chịu được lực ly tâm ≥ 16.000 RPM, nhiệt độ (-196) - 120 độ C (đun sôi được).	
126	Ống hạt bi chân không	Ống	100 ống/Hộp	200.000	Chất liệu nhựa PET hoặc tương đương, nắp an toàn, kích cỡ 13 x 75mm.Thành phần 0.8mg/ml Clot activator (silicon dioxide), có vạch định sẵn 4ml.Đã tiệt trùng	
127	Ống Natri citrat chân không	Ống	100 ống/Hộp	150.000	Chất liệu nhựa PET hoặc tương đương, nắp an toàn, kích cỡ 13 x 75mm.Thành phần 0,1ml/ml 3,2% Sodium Citrate; 1.8 ml.Đã tiệt trùng	
128	Ống Heparin chân không	Ống	100 ống/Hộp	500.000	Chất liệu nhựa PET hoặc tương đương, nắp an toàn, kích cỡ 13 x 75mm. Thành phần 20IU/ml Lithium Heparin phun sương bám vào thành trong ống, có vạch định sẵn 4ml.Đã tiệt trùng	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
129	Ống nghiệm 16x100	Cái	250 Cái/ Túi	100.000	Ống nghiệm PS hoặc tương đương, dung tích 10ml, kích thước 16x100mm. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong.	
130	Ống nghiệm Chimigly chân không	Ống	100 ống/Hộp	10.000	*Kích thước 13*75mm. Ống nghiệm đã được hút chân không với thể tích mẫu là 2ml, vô trùng Hóa chất bên trong là chất kháng đông. - Nắp đáy ống nghiệm: nắp nhựa, nút cao su bên trong nắp được làm từ cao su và Silicon. Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm đường và lactate. * Chịu được lực quay ly tâm gia tốc ≥ 3.500 vòng/phút trong thời gian 10 phút có phiếu kiểm nghiệm.	
131	Phim KTS 14x17 inch	Hộp	100 tờ/Hộp	800	Phim khô Laser cỡ 35x43 cm (14x17 inch) tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, hộp ≥ 100 tờ, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ.	
132	Phim KTS 8x10 inch	Hộp	150 tờ/Hộp	1.000	Phim khô Laser cỡ 20x25 cm (8x10 inch) tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, hộp ≥ 150 tờ, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ.	
133	Phim X quang 20 cm x 25 cm	Hộp	100 tờ/Hộp	300	Tương thích với dòng máy in sử dụng công nghệ in nhiệt. Phim nạp lộ sáng, không bị ảnh hưởng bởi ánh sáng ban ngày Chất liệu PET hoặc tương đương dày 168 μ m, phủ muối bạc và lớp chống trầy xước và chống ẩm Đậm độ quang học ≥ 3.1 Kích thước 20x25 cm	
134	Phim X quang 35 cm x 43 cm	Hộp	100 tờ/Hộp	200	Tương thích với dòng máy in sử dụng công nghệ in nhiệt. Phim nạp lộ sáng, không bị ảnh hưởng bởi ánh sáng ban ngày Chất liệu PET hoặc tương đương dày 168 μ m, phủ muối bạc và lớp chống trầy xước và chống ẩm Đậm độ quang học ≥ 3.1 Kích thước 35x43 cm	
135	Phin lọc khuẩn	Cái	01 Cái/ Túi	30.000	Chất liệu nhựa PP hoặc tương đương sử dụng trong y tế. - Kết hợp với dây thở và ống khí quản. - Bảo vệ chống lây nhiễm chéo cho bệnh nhân và thiết bị khi khám bệnh đi qua. - Hiệu quả lọc khuẩn (%): $\geq 99,99\%$ - Công lấy mẫu khí: Có nắp gắn liền - Cung cấp độ ẩm và nhiệt độ tối ưu với khả năng chống dòng chảy thấp và lọc hai chiều giúp lọc hiệu quả vi khuẩn, vi rút - Có sẵn các kích cỡ: Người lớn, trẻ em và trẻ sơ sinh. Đã tiệt trùng	
136	Pipet nhựa 3ml	Cái	500 Cái/Túi	30.000	Chất liệu nhựa y tế LDPE hoặc tương đương, mềm mại, có vạch chia từ 0.5ml. Chiều dài khoảng 160mm, dung tích lấy mẫu ≥ 3 ml.	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
137	Pipet paster 3ml vô trùng	Túi	1 Cái/ Túi	40.000	Chất liệu nhựa y tế LDPE hoặc tương đương, mềm mại, có vạch chia từ 0.5ml, tiệt trùng bằng EO gas hoặc tương đương. Chiều dài khoảng 160mm, dung tích lấy mẫu ≥ 3 ml.	
138	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn	Bộ	4 bộ/thùng	800	<p>Quả lọc trao đổi huyết tương được kết nối sẵn với bộ dây dẫn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể tích máu của cả bộ quả lọc: 127 ml $\pm 10\%$ - Diện tích màng : $\geq 0.35 \text{ m}^2$ - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): khoảng 330 μm - Độ dày thành sợi lọc: khoảng 150 μm - Thể tích máu trong sợi lọc: 41 ml $\pm 10\%$ - Tốc độ máu tối thiểu: ≤ 100 ml/phút - Tốc độ máu tối đa: ≥ 400 ml/phút. Đã tiệt trùng 	
139	Quả lọc, màng lọc máu và hệ thống dây dẫn trong lọc máu	Bộ	4 bộ/thùng	1.200	<p>Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn:</p> <p>Chất liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sợi lọc AN69 HF: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Vách đầu quả lọc: Polyurethane - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG <p>Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) hoặc tương đương.</p> <p>Thông số kỹ thuật của quả lọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - TMP tối đa* (mmHg/kPa): $\geq 450/60$ - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): $\geq 500/66,6$ - Thể tích máu trong quả lọc: 152 ml $\pm 10\%$ - Diện tích màng : $\geq 0.9 \text{ m}^2$ - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt) khoảng 240 μm - Độ dày thành sợi lọc khoảng 50 μm - Tốc độ máu từ ≤ 75 đến ≥ 400 ml/phút - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: ≤ 30 kg 	
140	Que thử đường huyết	Test	50 Test/ Hộp	200.000	<p>Sử dụng men Glucose oxidase (GOD) và peroxidase (POD) hoặc tương đương. Đầu thử đóng gói riêng lẻ, có màng phim bảo quản tránh ẩm, đầu thử dạng hình vòi, lượng máu thử $\leq 0.8 \mu\text{L}$.</p> <p>Dải đo đường huyết: từ ≤ 20 mg/dL đến ≥ 600 mg/dL hoặc từ ≤ 1.1 mmol/L đến ≥ 33.3 mmol/L</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dải đo Hematocrit $\leq 20\%$ đến $\geq 60\%$ 	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
141	Săng mủ vô trùng dùng 1 lần kích thước 140 x120 cm	Cái	1 Cái/Túi	1.000	<p>Chất liệu: vải không dệt không thấm, màu xanh</p> <p>Trọng lượng khoảng 40 g/m².</p> <p>Kích thước 120cm x 140cm.</p> <p>* Đặc tính:</p> <p>+ Không hút nước.</p> <p>+ Chỉ tiêu kim loại nặng: Antimon (Sb) ≤ 0,1mg/kg; Asen (As) ≤ 0,1mg/kg; Bari (Ba) ≤ 2,0mg/kg; Cadimi (Cd) ≤ 0,1mg/kg; Crôm (Cr) ≤ 2,0mg/kg; Chì (Pb) ≤ 1mg/kg; Thủy ngân (Hg) ≤ 0,1mg/kg; 1 Silen (Se) ≤ 0,1mg/kg.</p> <p>Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas hoặc tương đương.</p>	
142	Săng mủ vô trùng dùng 1 lần kích thước 160x140 cm	Cái	1 Cái/Túi	3.000	<p>Chất liệu: vải không dệt không thấm, màu xanh</p> <p>Trọng lượng khoảng 40 g/m².</p> <p>Kích thước 140cm x 160cm.</p> <p>* Đặc tính:</p> <p>+ Không hút nước.</p> <p>+ Chỉ tiêu kim loại nặng: Antimon (Sb) ≤ 0,1mg/kg; Asen (As) ≤ 0,1mg/kg; Bari (Ba) ≤ 2,0mg/kg; Cadimi (Cd) ≤ 0,1mg/kg; Crôm (Cr) ≤ 2,0mg/kg; Chì (Pb) ≤ 1mg/kg; Thủy ngân (Hg) ≤ 0,1mg/kg; 1 Silen (Se) ≤ 0,1mg/kg.</p> <p>Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas hoặc tương đương.</p>	
143	Sâu máy thở	Cái	01 Cái/Túi	35.000	<p>- Chất liệu bằng nhựa PVC hoặc tương đương</p> <p>- Chiều dài 15cm</p> <p>- Đường kính đầu nối: 22mm/15mm.</p> <p>- Cổng lấy khí có nắp đậy cố định. Đã được tiệt trùng.</p>	
144	Dây hút nhót có nắp các số	Cái	20 Cái/Túi	150.000	<p>Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Được kết cấu 02 phần: Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC hoặc tương đương không chứa DEHP, nhựa trong, nhãn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, loại có nắp. Được tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương.</p>	
145	Sonde dẫn lưu ổ bụng	Cái	01 Cái/Túi	1.000	<p>Chất liệu nhựa PVC y tế hoặc tương đương, ống dây mềm dẻo.</p> <p>Cỡ trẻ em đường kính trong khoảng 5.0mm, đường kính ngoài khoảng 7.0mm. Chiều dài 396mm(±2mm).</p> <p>Cỡ người lớn đường kính trong khoảng 7.0mm, đường kính ngoài khoảng 10mm. Chiều dài 396mm(±2mm).</p>	
146	Tấm trải nilon tiệt trùng	Cái	01 Cái/Gói	6.000	<p>Chất liệu nylon PE hoặc tương đương kích thước 100cm x 130cm, vô trùng</p>	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
147	Tay dao điện	Cái	1 Cái/Túi	5.000	Tay dao mổ điện dùng 1 lần với lưỡi dao bằng thép không gỉ hoặc tương đương đường kính 2.4mm, lưỡi dao có thể tháo rời - Điều khiển trên tay dao: Điều khiển bằng 2 nút bấm: Cắt và đốt. - Chiều dài điện cực: ≥ 70 mm. - Chiều dài cáp: ≥ 3 m - Chiều dài tay cầm: ≥ 155 mm - Loại chân cắm: 3 chân tròn (3 x Ø4mm) - Màu sắc: Trắng hoặc xanh dương. - Tiệt trùng: Bằng khí EO hoặc tương đương.	
148	Túi đựng camera	Cái	1 Cái/ Túi	5.000	Ống nylon, đường kính 18cm, màu trắng trong đường kính 18x 230cm, có dây buộc 2 ly; Túi nylon 9cm x 14cm, có dây bằng cotton. - Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương.	
149	Túi nước tiểu	Bộ	01 bộ/Túi	20.000	- Chất liệu nhựa y tế PVC hoặc tương đương, không độc hại. - Kích cỡ ≥ 2000 ml, độ dày ≥ 1.2 mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Kín không bị rò rỉ. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào ≥ 90 cm. Có quai treo bằng nhựa PVC hoặc tương đương. - Có bảng ghi thông tin bệnh nhân. - Được tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương.	
150	Túi thải 5 lít	Chiếc	40 Chiếc / Hộp	2.000	Được dùng để thu thập dịch thải trong khi thực hiện CRRT Được trang bị đầu nối female Luer ở bên trong túi và ống lớn (đường kính khoảng 8 mm) để làm nơi dẫn lưu. Chất liệu: PVC, không có DEHP, không có Latex Thể tích: ≥ 5 L. Có tiệt trùng	
151	Vòng đeo tay ghi thông tin bệnh nhân	Cái	100 Cái / Hộp	60.000	Chất liệu PVC hoặc tương đương. Có các màu. Có chỗ ghi thông tin bệnh nhân. Có đục lỗ. Có loại dùng cho trẻ sơ sinh, người lớn.	
152	Xông tiểu Foley 2 chạc các số	Cái	01 Cái / Túi	10.000	Chất liệu Cao su hoặc tương đương không độc tố được tráng silicon. Kích thước đầu tip ngắn: 15-24mm giảm kích thích bàng quang, độ mờ của lòng ống bên trong cho phép theo dõi sự thoát nước của ống thông. Các số 12-28Fr có chiều dài tổng thể: 400mm, chiều dài phễu: 40mm, dung tích bóng chèn: 30ml. Van mềm. Các số trẻ em từ 6-10 Fr có chiều dài tổng thể: 280mm, chiều dài phễu: 40mm, dung tích bóng chèn: 3ml-5ml, van mềm, có que thăm chất liệu Polyeste đường kính 0.55-0.65mm, dài 310mm. Tiệt trùng bằng chiếu xạ Gamma hoặc tương đương.	

STT	Tên VTTT	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
153	Xông tiêu Foley 3 chạc các số	Cái	01 Cái / Túi	2.000	Chất liệu Cao su hoặc tương đương không độc tố được tráng silicon. Cấu tạo 3 nhánh. Tốc độ dòng chảy cao để tối đa hóa khả năng tưới, thoát nước. Độ mờ của lòng ống bên trong cho phép theo dõi sự thoát nước của ống thông. Kích thước đầu tip ngắn: 21-24mm giảm kích thích bàng quang, chiều dài tổng thể: 400mm, chiều dài phễu: 40mm, dung tích bóng chèn: 30ml. Van cứng.	
154	Bộ dụng cụ dẫn lưu phân	Bộ	1 bộ / Hộp	50	Cấu thành bởi đầu nối bịt kín vân xoắn, ống dẫn dòng chảy, quả cầu khép kín áp suất thấp, túi thu phân thải, bộ rửa, đầu nối có van, ống Silicon gel $\phi 3.0$	
155	Túi chứa phân	Túi	10 Túi/ Hộp	100	Túi chứa chất thải đi kèm bộ dụng cụ dẫn lưu phân Chất liệu: PVC hoặc tương đương Thể tích chứa: 1.500ml(± 5 ml) Kích thước túi: 28x20cm ($\pm 5\%$)	
156	Băng phim tích hợp Chlorhexidine Gluconate - Tegaderm CHG	Miếng	25 Miếng/ Hộp	3.000	Miếng dán sát khuẩn có chứa Chlorhexidine Gluconate 2% dùng cố định catheter tĩnh mạch trung tâm - Màng film Polyurethane 3-10%, phủ lớp keo Acrylate 5- 15%; chính giữa có Gel CHG 2% kháng khuẩn, kích thước 3 x 4cm; xung quanh viền vải không dệt, có rãnh xẻ sâu. - Kích thước 10x12cm - Đặc tính: Kháng khuẩn cao (chống lại 1 loạt các vi khuẩn gram dương, âm và nấm), Chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập, rào cản chống virus có đường kính ≥ 27 nm ((HIV-1 và HBV), thấm máu và dịch tiết. Cho phép hấp thụ oxy và thải hơi ẩm. Cố định chắc chắn, độ dính tốt và hạn chế kích ứng da. Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng. Có tích hợp sẵn các đoạn băng keo cố định đi kèm dùng cho cố định dây truyền dịch - Thời gian lưu ≥ 7 ngày - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng	
157	Băng phim dính y tế trong suốt Tegaderm	Miếng	100 Miếng/ Hộp	5.000	Băng phim dính y tế gồm 1 lớp màng Polyurethane với keo không chứa gốc cao su, không gây dị ứng, chống nước và kháng khuẩn với các chất gây ô nhiễm: chất lỏng, vi khuẩn và vi rút: - Film PU, trọng lượng: 80 g/m^2 , mức thoát hơi nước $900 \pm 200 \text{ g/m}^2/24\text{hour}$ - Keo Acrylate, trọng lượng: $35 \pm 5 \text{ g/m}^2$. độ dính tối thiểu 0.18 kgf/cm - Giấy lót, trọng lượng 80 g/m^2 - Kích thước: 6cm x 7cm - Đóng gói vô trùng	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
158	Bộ hút đờm nhớt kín	Bộ	50 Bộ / Thùng	6.000	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu làm bằng nhựa PVC y tế hoặc tương đương, không có DEHP và Latex, không gây tác dụng phụ cho người sử dụng - Bộ điều hợp dẫn khí có thể thực hiện các thủ thuật và thay đổi ống xông qua một cổng duy nhất mà không cần ngắt kết nối với dây máy thở. - Chiều dài: 540mm cho người lớn, 310mm cho trẻ em. - Cổng MDI giúp thuận tiện cho việc bơm thuốc qua đường thở. - Có cổng rửa và cổng lấy mẫu. Có van chặn ở đầu ống đảm bảo khí không thoát ra ngoài khi rửa. - Van hút có chế độ xoay tránh vô tình khởi động máy hút khi không cần thiết. - Đầu hút chất liệu xông hút mềm có vạch đo độ dài để kiểm soát độ sâu khi luồn ống hút, sử dụng được ≥ 72h và Adapter sử dụng được ≥ 7 ngày. * Tiệt trùng bằng EO hoặc tương đương. 	
159	Tăm bông mềm lấy bệnh phẩm	Cái	01 Cái/ Túi; 200 Cái/ Gói	40.000	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để lấy mẫu bệnh phẩm ty hầu cho xét nghiệm các loại virus. - Đầu lấy mẫu có cuộn bông siêu mịn, hấp thụ và giải phóng mẫu nhanh chóng. - Màu sắc: Ống trong suốt. - Phần tay cầm được làm bằng vật liệu nhựa PP, có khắc bẻ. - Thân que bằng nhựa ABS, Đầu bông bằng sợi nylon tổng hợp - Kích thước: Dài 150mm (± 2mm); Đường kính thân que: 2,5mm; Vị trí khắc bẻ: 80mm; Độ dài đầu bông: 22mm; Đường kính đầu bông: ≤ 3mm. 	
160	Catheter động mạch 20G	Cái	20 Cái/ Hộp	1.500	<p>Bộ catheter động mạch dùng để theo dõi huyết áp xâm lấn và lấy mẫu máu. Guide wire làm từ thép không gỉ hoặc tương đương, đầu thẳng linh hoạt. Catheter làm bằng FEP (Fluourinated ethylene propylene) hoặc tương đương. Có cánh cố định ở phần cuối. Khóa Luer được mã hóa bằng màu.</p> <p>Cỡ 20G, chiều dài 80mm. Đường kính kim 0,95mm, Chiều dài kim: 50mm.</p>	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
161	Đầu đo huyết áp xâm nhập	Bộ	40 Bộ/Hộp	3.000	Loại 01 nòng cấu tạo gồm: 01 cảm biến đo áp lực, dây truyền dịch tĩnh mạch dài khoảng 152cm, dây truyền chịu áp lực với đầu nối M/F gồm 2 dây dài khoảng 120cm (48") và dài khoảng 30cm (12"), 02 khoá 3 cổng, 02 nắp đậy. Bộ phận xả kép. Thiết kế ngăn bọt khí. Chất liệu PC hoặc PVC, free Latex. Dải đo: -50 đến 300 mmHg, Độ nhạy: 4.9 -5.1 μ V/V/mmHg, Bảo vệ quá áp: -400 đến 4000 mmHg, Hiệu chuẩn về áp suất zero $\leq \pm 20$ mmHg, Trở kháng vào: 1200 Ω - 3200 Ω , trở kháng ra: 285 Ω -315 Ω . Các nhãn màu được dùng để phân biệt các loại huyết áp. Mã màu thường được hiển thị như sau Đỏ: Huyết áp động mạch, Xanh dương: Huyết áp tĩnh mạch trung tâm (CVP), Vàng: Áp lực động mạch phổi (PA), Xanh lá: Áp lực tâm nhĩ trái (LA), Trắng (Đỏ trống): Huyết áp khác. Sử dụng được trên máy theo dõi bệnh nhân của hãng Nihonkohden	
162	Dây nối bơm tiêm điện	Cái	100 Cái / Hộp	60.000	Dây nối bơm tiêm điện dài ≥ 140 cm, khóa kết nối luer lock, đường kính dây (OD 2.70 & ID 0.95) chịu được áp lực cao (≥ 140 PSI), chống xoắn. Chất liệu: dây nối Poly Vinyl Chloride (PVC) hoặc tương đương, Nắp luer lock cho đầu nối âm và dương: Polypropylene + Master Batch (PP+MB), Đầu nối luer lock âm Polycarbonate (PC), Đầu nối luer lock dương Acrylonitrile Butadiene Styrene (ABS). Có nhãn dán chỉ thị với màu khác nhau giúp dễ dàng theo dõi trong ICU Tiệt trùng EO hoặc tương đương.	
163	Hộp giấy lưu trữ chủng vi khuẩn	Hộp	1 Cái/ Hộp	1.000	Chất liệu: Hộp làm bằng giấy, trong hộp có chứa các ô nhỏ để lưu trữ chủng vi khuẩn. Kích thước: 25cm x 25cm x 5cm	
164	Ống đựng bệnh phẩm các loại dịch tủy	Ống	100 ống/ Hộp	60.000	- Ống nghiệm nhựa serum không chứa chất chống đông dùng để xét nghiệm sinh hóa, miễn dịch... - Thân ống được làm bằng chất liệu nhựa PET hoặc tương đương kích thước 13x75mm (ống dung tích 4ml) nắp cao su được bọc nhựa màu vàng, lấy máu bằng áp lực âm (dùng kim lấy máu 2 đầu), thích hợp dùng cho các máy xét nghiệm tự động.	
165	Dây thở dùng 1 lần 2 bể nước	Bộ	01 Cái / Túi	3.000	Chất liệu nhựa PVC hoặc tương đương không độc, bao gồm: 1 đoạn dây dài $\geq 1,6$ mét gồm 02 bể nước, 01 đoạn dây dài ≥ 60 cm nối bình làm âm, 01 cút chữ Y, 2 cút thẳng. Đường kính ống dây: Khoảng 24mm	
166	Gel KY	Tuýp	82g/ tuýp	3.000	.Gel bôi trơn sử dụng nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo.... không gây ra dị ứng, không gây kích ứng da. Trong suốt, không màu, không mùi. pH 5 \pm 0,5. Tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Gel dạng tuýp ≥ 82 g.	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
167	Xông dạ dày các số	Cái	20 Cái/Túi	15.000	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC hoặc tương đương, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc.	
168	Que thử nước tiểu	Test	100 test/Hộp	10.000	Thành phần: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose (LEU/ NIT/ URO/ PRO/ pH/ BLO/ SG/ KET/ BIL/ GLU). Tương thích và sử dụng được cho máy xét nghiệm nước tiểu Mission U120.	
169	Que thử nước tiểu 11 thông số	Test	150 test/Hộp	100.000	Đo được 11 thông số nước tiểu bao gồm: Glucose, pH, Protein, máu, Ketones, Nitrite, Bilirubin, Urobilinogen, tỷ trọng, bạch cầu, acid Ascorbic. Thành phần thuốc thử Ascorbic acid: 2,6-dichlorophenolindophenol 0.7 % Bilirubin: diazonium salt 3.1 % Máu: tetramethylbenzidine-dihydrochloride 2.0 %, isopropylbenzol-hydroperoxide 21.0 % Glucose: glucose oxidase 2.1 %; peroxidase 0.9 %; otolidine-hydrochloride 5.0 % Ketones: sodium nitroprusside 2.0 % Bạch cầu: carboxylic acid ester 0.4 %; diazonium salt 0.2 % Nitrite: tetrahydrobenzo[h]quinolin-3-ol 1.5 %; sulfanilic acid 1.9% pH: methyl red 2.0 %; bromothymol blue 10.0 % Protein: tetrabromophenol blue 0.2 % Tỷ trọng: bromothymol blue 2.8 % Urobilinogen: diazonium salt 3.6 %	
170	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm bán định lượng các thông số nước tiểu	lọ	(12 lọ x 12 ml)/Hộp	24	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm phân tích nước tiểu, mức nồng độ 1 - Thành phần: nước tiểu người, dạng lỏng - Có thể sử dụng cho cả xét nghiệm bằng que nhúng nước tiểu và máy phân tích nước tiểu sử dụng kính hiển vi - Ổn định 30 ngày sau khi mở nắp tại 2-25 ° C - Hạn sử dụng ≥ 2,5 năm kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở 2-8° C	
171	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm bán định lượng các thông số nước tiểu	lọ	(12 lọ x 12 ml)/Hộp	24	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm phân tích nước tiểu, mức nồng độ 2 - Thành phần: nước tiểu người, dạng lỏng - Có thể sử dụng cho cả xét nghiệm bằng que nhúng nước tiểu và máy phân tích nước tiểu sử dụng kính hiển vi - Ổn định 30 ngày sau khi mở nắp tại 2-25 ° C	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
172	Catheter động mạch đùi có đầu nhận cảm biến áp lực và nhiệt độ (dùng cho máy huyết động)	Bộ	01 bộ/Túi	20	<p>Dùng để theo dõi huyết động học ít xâm lấn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị gồm một đầu cảm biến nhiệt tại đầu catheter dùng trong phương pháp pha loãng nhiệt qua phổi - Có nòng thứ hai để đo huyết áp động mạch - Chất liệu được làm bằng Polyurethane - Đường kính vòng ngoài: khoảng 5F - Chiều dài: khoảng 200mm - Dây dẫn: Đường kính khoảng 0.53 mm/ chiều dài khoảng 600mm - Đường kính và chiều dài của cannul: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính 18G/ chiều dài khoảng 80 mm + Đường kính 20G/ chiều dài khoảng 55 mm - Que nong mạch: Đường kính ngoài khoảng 1.8 mm 	
173	Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch và bộ phận cảm biến nhiệt	Bộ	01 bộ/Túi	20	<p>Dùng để theo dõi huyết áp động mạch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi cung lượng tim chính xác cùng với catheter PiCCO - Cảm biến áp lực được thiết kế trong suốt dễ dàng kiểm tra - Chất liệu: Polycarbonate (PC), Polyethylen (PE), Silicone (SI), Polyvinylchlorid (PVC), ABS - Hệ thống xả: Tốc độ 3ml/h với áp lực 300mmHg trong túi xả (xả nhanh ≥ 2ml/s) - Chiều dài dây đo huyết áp màu đỏ dài khoảng 150cm - Tiệt trùng bằng Ethylene oxide hoặc tương đương 	
174	Kẹp clip cầm máu dùng 1 lần có độ mở 90 và 135 độ	Cái	Cái / Túi	700	<p>Kẹp clip cầm máu có hai loại:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Độ mở góc 90 độ, chiều dài ngàm 5mm, tổng chiều dài đầu clip 13.5mm. + Độ mở góc 135 độ, chiều dài ngàm 5.7mm, tổng chiều dài đầu clip 14.2mm. - Độ mở rộng tối đa 12mm. - Chiều dài làm việc (tay cầm) từ 1650mm - 2300mm. 	
175	Bộ dây truyền dịch loại 3 bóng dùng hạ thân nhiệt	Bộ	bộ / Hộp	5	<p>Có 3 bóng dẫn nhiệt ở đầu với đường kính khoảng 9.3F có độ dài khoảng 38cm, có 5 đầu kết nối trong đó có 3 đầu chuẩn cho dung dịch và 2 đầu kiểm soát nhiệt độ</p> <p>Vị trí đặt : Tĩnh mạch đùi</p> <p>Lưu lượng (ml/h) :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xa : 1700 - Gần : 1200 - Trung gian: 900 	
176	Bộ dây truyền dịch loại 2 bóng dùng hạ thân nhiệt	Bộ	bộ / Hộp	5	<p>Có 2 bóng dẫn nhiệt ở đầu với đường kính khoảng 9.3F có độ dài khoảng 22cm, có 5 đầu kết nối trong đó có 3 đầu chuẩn cho dung dịch và 2 đầu kiểm soát nhiệt độ</p> <p>Vị trí đặt : Tĩnh mạch đòn</p> <p>Lưu lượng (ml/h) :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xa : 2100 - Gần : 1400 - Vừa: 1200 	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
177	Bộ bẫy khí và kết nối dung dịch muối với dây truyền dịch dùng hạ thân nhiệt	Bộ	bộ / Hộp	5	Bầu đuôi khí và được kết nối với dung dịch muối truyền tĩnh mạch. Hệ thống trao đổi nhiệt lạnh và ẩm thông qua bộ lò so rỗng làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương.	
178	Giá đỡ bộ IBP	Cái	Cái/ Túi	100	Giá đỡ bộ IBP phù hợp dùng cho máy theo dõi bệnh nhân Nihon Kohden	
179	Túi truyền áp lực PIB 500	Cái	Cái/ Túi	200	Túi truyền áp lực cao 500ml, Chất liệu nhựa dùng để bơm máu và dịch truyền tốc độ cao, có khóa van 3 chạc dễ sử dụng, kín, chống thoát khí. Có vạch code hiển thị mức áp lực đến $\geq 300\text{mmHg}$. Lưới nylon mặt sau để quan sát hiện trạng mức máu/ dịch truyền .	
180	Đầu đo SPO2	Chiếc	Cái/ Túi	150	Phạm vi nhiệt độ để độ chính xác SpO2 được đảm bảo: 18 đến 40 ° C Độ chính xác SpO2: từ 80% đến 100% SpO2 : $\pm 2\% \text{SpO2}$. từ 70% đến <80%: $\pm 3\% \text{SpO2}$. dưới 70% không được chi định.. Độ dài dây nối $\geq 1,6 \text{ m}$ Loại kẹp vào ngón tay dùng cho người lớn và trẻ từ 20kg trở lên. Tương thích với máy theo dõi bệnh nhân Nihon Kohden	
181	Cáp nối cho dây điện tim	Chiếc	Cái/ Túi	50	Dài 3m kết nối được loại 3 đến 6 điện cực. Dùng tương thích với monitor Nihon Kohden.	
182	Cáp nối cho đầu đo SPO2	Cái	Cái/ Túi	15	Kết nối từ máy theo dõi bệnh nhân đến đầu đo SpO2, Chiều dài $\geq 1.5\text{m}$. Tương thích với máy theo dõi bệnh nhân Nihon Kohden	
183	Dây điện tim loại 3 điện cực	Cái	Cái / Túi	15	- Chuẩn IEC - Đầu cắm điện cực loại kẹp cá sấu - Dây cáp điện tim dài $\geq 0.8 \text{ m}$ - Đo điện tim 3 đạo trình. - Tương thích với máy theo dõi bệnh nhân Nihon Kohden	
184	Dây thở dùng nhiều lần	Bộ	01 bộ / Hộp	50	Bộ dây thở bằng Silicon dùng cho người lớn đường kính trong khoảng 22 mm Bao gồm có: • Đoạn dây thở bằng Silicon dài 60cm: 04 cái • Đoạn dây thở bằng Silicon dài 45cm: 01 cái • Bẫy nước: 02 cái • Cút chữ Y: 01 cái	
185	Ống Tube thủy tinh $\Phi 12$	Ống	Ống	30.000	Chất liệu thủy tinh, đường kính khoảng 12mm, cao khoảng 8cm được dùng đựng mẫu phản ứng trong các thí nghiệm hóa học và trong vi sinh.	
186	Dụng cụ cắt trĩ bằng phương pháp Longo	Bộ	1 Bộ/Hộp	100	Hai hàng ghim.Số lượng 32 ghim. Đường kính ngoài 32.5mm($\pm 0.5\text{mm}$). Chiều cao 3.8mm($\pm 0.5\text{mm}$) Tiệt trùng bằng ethylene oxide hoặc tương đương.	
187	Tay dao hàn mạch mỡ mở	Cái	Cái/ Hộp	80	Tay dao hàn mạch mỡ mở hàm phủ nano chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao 23cm, đường kính thân dao 5mm, quay 350 độ (Tương thích với máy Valleylab LS10, Valleylab FT10, Forcetriad)	
188	Tay dao hàn mạch mỡ nội soi	Cái	1 Cái/Hộp	30	Tay dao hàn mạch mỡ mở hàm phủ nano chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao 37cm, đường kính thân dao 5mm, quay 350 độ (Tương thích với máy Valleylab LS10, Valleylab FT10, Forcetriad)	

STT	Tên VTTT	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
189	Tay dao hàn mạch mổ mở dạng kéo	Cái	1 Cái/ Hộp	10	Tay dao hàn mạch mổ mở hàm phủ nano chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao 21cm, đường kính thân dao 5mm, quay 350 độ (Tương thích với máy Valleylab LS10, Valleylab FT10, Forcetriad)	
190	Điện cực cắt đốt đơn cực hình vòng	Cái	1 Cái/ Túi	50	Điện cực cắt đốt đơn cực hình vòng, gập góc, dùng với vỏ đặt cỡ 24 Fr.	
191	Điện cực cầm máu đơn cực hình cầu	Cái	1 Cái/ Túi	30	Điện cực cầm máu đơn cực hình cầu, đường kính 3 mm, dùng với vỏ đặt cỡ 24 Fr.	
192	Điện cực cầm máu đơn cực hình mũi nhọn	Cái	6 Cái/ Gói	20	Điện cực cầm máu đơn cực hình mũi nhọn, dùng với vỏ đặt cỡ 24 Fr.	
193	Miếng cầm máu Spongostan 5*7*1cm	Miếng	20 Miếng/Hộp	500	Miếng cầm máu bằng gelatin dạng bột xốp màu trắng tiệt trùng, kích thước 7x5x1cm. Độ phồng sau khi thấm hút bằng 40 lần so kích thước sản phẩm. Tự tiêu hoàn toàn sau 4 -6 tuần	
194	Vật liệu cầm máu Surgicel 12*5*7.5cm	Miếng	24 Miếng/Hộp	400	Vật liệu cầm máu Cellulose oxi hóa tái tổ hợp (Oxidized regenerated cellulose) 5cm x 7.5cm dạng lưới mềm, nguồn gốc thực vật, chứa nhóm cacboxyl (COOH) 18%-24%. Cấu trúc liên kết mỏng nhẹ, dễ gập và dễ cắt. Cầm máu nhanh chóng và hiệu quả nhờ pH thấp (2-4). Hạn chế phát triển vi khuẩn và tác dụng kháng khuẩn trên 99% các loại vi khuẩn kể cả MRAS, VRE, MRSE, PRSP. Tự tiêu 7-14 ngày trong cơ thể. Tiệt trùng từng miếng bằng tia Gamma hoặc tương đương.	
195	Bơm hút thai	Bộ	Bộ / Túi	70	Bơm 1 van - Ống bơm có dung tích : 60cc - Áp lực hút: 609,6 – 660,4 mm Hg - Bơm có thể tái sử dụng nhiều lần - Ống hút dùng cho bơm là ống Flexible Karman Cannula hoặc tương đương cỡ 4mm – 6mm và ống EB hoặc tương đương 3mm - Trên ống có 6 chấm bắt đầu từ khoảng cách 6cm tính từ đầu ống, khoảng cách giữa các chấm là 1cm dùng để đo kích thước tử cung. - Bơm được làm bằng nhựa không latex - Đóng gói: tiệt trùng	
196	Vòng tránh thai	Chiếc	1 Chiếc /1 Túi	200	- Dụng cụ tránh thai đặt trong buồng tử cung, được làm bằng polyethylene. Cành đứng (thân dọc) được cuộn dây đồng và mỗi cành ngang được bọc bởi một ống đồng. Tổng diện tích bề mặt của đồng xấp xỉ 380 mm ² . Các cành ngang dễ uốn và có thể giữ vòng tránh thai nằm sát với đáy tử cung mà không tụt xuống hoặc chạm vào sừng tử cung.	
197	Gel siêu âm	Kg	5Kg/Hộp	2.000	Gel trong suốt, không mùi. Độ pH 6,5± 0,75. Tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường.	
198	Băng dính giấy	Cuộn	12 Cuộn/ Hộp	300	Chất liệu giấy không dệt nhẹ nhàng, thấm hút tốt, mềm mịn dễ xé. Phủ keo Acrylic trọng lượng 25g acrylic/m ² không gây kích ứng, lý tưởng cho da nhạy cảm. Độ dính 420g/12mm ± 30g. Độ bền kéo 1.8kg/12mm ± 300g, không sót keo trên da khi tháo băng.	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
199	Sonde dẫn lưu áp xe gan kèm bộ nong dây dẫn các cỡ	Cái	1 Cái/ Hộp	50	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài bao gồm: 25cm,30cm,40cm. Các cỡ 6F, 7F, 8.5F, 10.2F, 12F, 14F, 16F. - Tương thích dây dẫn 0.035"-0.038" - Chất liệu Polyurethane tương thích nhiệt độ cơ thể, chống gãy gập, phủ hydrophilic tương thích sinh học, không gây độc hại. Có cản quang - Thiết kế đầu pigtail xoắn dạng đuôi lợn, có 6 lỗ thoát dịch cơ bản và có thể thêm lỗ thoát dịch theo yêu cầu - Có thể được kết nối với thiết bị áp lực âm tối đa $\geq 0.4\text{bar}$ ($\geq 300\text{mmHg}$). - Bộ gồm: 1 ống dẫn lưu đa chức năng, 1 bộ duỗi thẳng, 1 trocar stylet đầu nhọn, 1 cannula gia cố bằng thép không gỉ (SUS), 1 cannula gia cố bằng Polycarbonate (PC), chi khâu khoá, nút khoá, chìa khoá 	
200	Túi hậu môn	Túi	15 Túi/Hộp	200	<p>Túi gồm 2 lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp bên trong: trong suốt, chứa chất thải, quan sát được hậu môn nhân tạo và dịch - Lớp bên ngoài: chất liệu vải không dệt hoặc tương đương, mềm mỏng màu tối, không quan sát được bên trong. <p>Có kẹp liền, có than hoạt tính hoặc tương đương để khử mùi. Kích thước túi: 15x28cm ($\pm 5\%$), thể tích chứa 650ml ($\pm 5\%$).</p> <p>Đế dán có 2 vòng bám dính gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đế hydrocolloid hoặc tương đương, tròn đường kính 9,5cm ($\pm 5\%$), độ dày đế 0.7-0.8mm, vòng cắt 15 - 60mm -Vòng dán băng kép y tế bo ngoài viền 1cm ($\pm 5\%$). <p>Thời gian sử dụng 3 - 7 ngày. Có thể tắm rửa được cho bệnh nhân đang sử dụng.</p>	
201	Băng gạc băng vết thương, vết bỏng, loét tỉ đè các cỡ	Miếng	1 Miếng/ Túi	100	<p>Bao gồm: Băng xốp Polyurethane ≥ 3 lớp, dày khoảng 5mm ($\pm 0.5\text{mm}$), chứa Sodium alginate 0.9%, thấm hút dịch tiết, duy trì độ ẩm cho vết thương, kích thước lỗ tiếp xúc vết thương $\leq 53\mu\text{m}$, tốc độ thoát hơi ẩm $\geq 1.330\text{g}/\text{m}^2/\text{ngày}$, khả năng thấm hút dịch $\geq 5.300\text{g}/\text{m}^2/\text{ngày}$. Lưu băng tối đa ≥ 7 ngày tùy lượng dịch tiết, tình trạng vết thương. Tiệt trùng từng miếng băng tia Gamma hoặc tương đương.</p>	
202	Mảnh ghép thoát vị và thành bụng 6x11cm	Miếng	1 Miếng/ Túi	100	<p>Kích thước 6cmx11cm. Monofilament Polypropylene được đan thành lưới có độ đàn hồi, bền</p> <p>Trọng lượng: từ 50 đến 140 gr</p>	
203	Tay nắm ống hút	Cái	250 Cái/Thùng	1.000	<p>Tay nắm làm bằng PVC hoặc tương đương trong suốt. Không độc hại, không gây sốt. Khử trùng bằng Ethylene Oxide hoặc tương đương. Tương thích với dây hút dịch dùng một lần.</p>	
204	Ống nối dây hút	Cái	50 Cái/ Gói	1.000	<p>Nối các dây truyền, dây hút dịch có kích thước khác nhau. Được tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương.</p>	

STT	Tên VTTT	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
205	Dụng cụ chặn giữ sợi	Cái	01 Cái/ Túi	10	Rọ chặn sợi, đường kính 10mm, độ dài 90cm và 120cm.	
206	Khẩu trang có dây buộc	Cái	50 Cái/ Hộp	50.000	<p>Chất liệu: vải PP không dệt . Không độc tố, không gây kích ứng (Không Pb, Cd, Sb, Hg, As), gồm 3 lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Lớp 1: Vải không dệt PP Spunbond, thấm nước. * Lớp 2: Vải không dệt PP Spunbond, không thấm nước * Lớp giữa: Giấy lọc cao cấp độ lọc khuẩn BFE > 99% <p>- Thanh tựa mũi: bằng nhựa PP hoặc tương đương định hình (không dùng lõi kim loại bọc nhựa), an toàn khi sử dụng</p>	
207	Khẩu trang y tế vô trùng	Cái	50 Cái/ Hộp	1.500.000	<p>Chất liệu: vải PP không dệt hoặc tương đương có lớp lọc</p> <p>Đặc điểm: 3 lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> * Lớp 1 (lớp trong) - tiếp xúc với da mặt: Vải không dệt Polypropylene hoặc tương đương * Lớp 2: Vải không dệt Polypropylene hoặc tương đương * Lớp giữa: Giấy lọc (màng vi lọc) <p>- Thanh nẹp mũi (gọng mũi): bằng nhựa PP định hình hoặc tương đương .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu suất lọc khuẩn (BFE): ≥99% - Hiệu suất lọc bụi (PFE): ≥99% - Dây đeo bằng thun mềm, đàn hồi tốt. - Kích thước nẹp mũi là: 95mm (±10mm) - Kích thước thun đeo tai là 160mm (±10mm) - Đóng gói: 1 cái/túi - Tiệt trùng 	
208	Opsite (15x28cm)	Miếng	10 Miếng/ Hộp	500	<ul style="list-style-type: none"> - Miếng dán 15x28cm làm từ vật liệu polyurethane, cho phép mồ hôi dưới miếng dán thoát ra ngoài. - Miếng dán trong suốt, không gây phản quang từ đèn mổ - Bám dính, đàn hồi tốt, ngăn ngừa vi khuẩn, nước thấm nhập từ bên ngoài. - Tiệt trùng bằng ethylene oxide hoặc tương đương. 	
209	Opsite (28x45cm)	Miếng	10 Cái/ Hộp	500	<ul style="list-style-type: none"> - Miếng dán 28x45cm làm từ vật liệu polyurethane, cho phép mồ hôi dưới miếng dán thoát ra ngoài. - Miếng dán trong suốt, không gây phản quang từ đèn mổ - Bám dính, đàn hồi tốt, ngăn ngừa vi khuẩn, nước thấm nhập từ bên ngoài. - Tiệt trùng bằng ethylene oxide hoặc tương đương. 	
210	Băng chun 2 móc	Cuộn	12 Cuộn/Hộp	1.000	<ul style="list-style-type: none"> - Kết hợp sợi poly, sợi cao su lưu hóa, và sợi cotton theo tỉ lệ 2:1:3 - Kích cỡ: khoảng 8.0cm x 550cm - Chất liệu: được làm từ sợi cotton se tròn, kết hợp với sợi cao su thiên nhiên. 	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
211	Băng chun 3 móc	Cuộn	12 Cuộn/Hộp	1.000	- Kết hợp sợi poly, sợi cao su lưu hóa, và sợi cotton theo tỉ lệ 2:1:4 - Kích cỡ: khoảng 10.2cm x 550cm - Chất liệu: được làm từ sợi cotton se tròn, kết hợp với sợi cao su thiên nhiên.	
212	Dây Garo phẫu thuật	Cái	01 Cái/Túi	200	Chất liệu thun cotton, dùng thắt mạch, có khóa nhựa chắc chắn.	
213	Bơm tiêm khí máu động mạch	Chiếc	100 Chiếc/Thùng	10.000	Bơm tiêm khí máu động mạch có bao gồm kim, tráng sẵn Li/Zn Heparin đảm bảo cân bằng Ca ⁺⁺ trong mẫu máu mà không cần can thiệp vào mẫu máu để cân bằng Ca ⁺⁺ , 25u, chất liệu Polypropylene, có nắp đậy	
214	Bộ nong thận	Bộ	01 bộ/ Hộp	200	01 bộ bao gồm: 1 sheath, bộ cây nong các cỡ, dây dẫn đường, kim chọc dò Sheath chia vạch, chất liệu PTFE, có các cỡ 14Fr, 16Fr, 18Fr, 20Fr, 22Fr, 24Fr, dài 18cm. Cây nong chia vạch có các cỡ 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr, 20Fr, 22Fr Kim chọc dò khoảng 1.3mm*200mm. Dây dẫn đường xanh đầu cong J	
215	Bộ nong nhựa kèm amplatzer dùng trong tán sỏi thận qua da	Bộ	01 bộ/ Hộp	100	01 bộ bao gồm: 1 sheath, bộ cây nong các cỡ, dây dẫn đường, kim chọc dò, đầu nối chữ Y Sheath chia vạch, có các cỡ 14Fr, 16Fr, 18Fr, 20Fr, 22Fr, 24Fr, dài 18cm. Cây nong chia vạch có các cỡ 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr, 20Fr, 22Fr Kim chọc dò khoảng 1.3mm*200mm. Dây dẫn đường xanh đầu cong J Đầu nối chữ Y có vòng kín tránh rò rỉ, có lỗ áp suất điều tiết linh hoạt áp suất khoang trong quá trình tán sỏi	
216	Bộ dẫn lưu thận qua da	Bộ	Bộ / Hộp	100	Bộ dẫn lưu thận qua da bao gồm: 1 dao rạch, 1 đầu kết nối túi nước tiểu, 1 kim chiba. Size 6/7/8Fr có 3 que nong dài 20cm phủ hydrophilic, Size 9/10/12/14Fr có 4 que nong dài 20cm phủ hydrophilic; 1 dây dẫn hướng đầu cong dài 80cm, Catheter dài 35cm phủ hydrophilic.	
217	Vỏ que nong dùng cho tán sỏi qua da	Cái	01 Cái/Gói	200	- Bao gồm 1 vỏ ngoài và 1 cây nong. Có các cỡ 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr, 20Fr, 22Fr, 24Fr, dài 18cm. Thân có chia vạch.	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
218	Kim chọc và sinh thiết	Cái	1 Cái/ Hộp	50	<ul style="list-style-type: none"> * Có hai độ sâu thâm nhập từ khoảng 10mm đến 20mm. * Stylet đầu tip trocar sắc nhọn, ống cannula whistle sắc sảo. * Trên thân ống có vạch chia độ rõ ràng, có nút đánh dấu độ sâu. Có đánh dấu echogenic tăng khả năng hiển thị dưới siêu âm. Có kèm kim dẫn đường * Mã hóa màu theo các kích cỡ kim 14G (đường kính ngoài 2.1mm), 16G (đường kính ngoài 1.6mm), 18G (đường kính ngoài 1.27mm), 20G (đường kính ngoài 0.9mm) tương ứng với các cỡ chiều dài 7, 10, 15, 18, 20, 25cm * Vô trùng EO, không chứa latex hoặc tương đương. 	
219	Sond JJ đặt lâu 1 năm số 6	Cái	Cái / Túi	50	Sond JJ đặt lâu trong cơ thể 1 năm được làm bằng Silicone hoặc tương đương, cỡ: 6Fr độ dài 26cm, 28cm.	
220	Sond JJ đặt lâu 1 năm số 7	Cái	Cái / Túi	50	Sond JJ đặt lâu trong cơ thể 1 năm được làm bằng Silicone hoặc tương đương, cỡ: 7Fr độ dài 26cm, 28cm.	
221	Sond JJ số 6	Cái	1 Cái/Túi	400	Xông JJ 2 đầu mở, có vạch đánh dấu cân quang, 1 bộ bao gồm xông, que đẩy và chỉ rút, kẹp xông. Xông có đường kính: 6Fr Chiều dài: 16cm/24cm/26cm/28cm/30 cm.	
222	Sond JJ số 7	Cái	1 Cái/Túi	400	Xông JJ 2 đầu mở, có vạch đánh dấu cân quang, 1 bộ bao gồm xông, que đẩy và chỉ rút, kẹp xông. Xông có đường kính: 7Fr, Chiều dài: 16cm/24cm/26cm/28cm/30 cm.	
223	Guide xanh	Cái	01 Cái/ Gói	50	Dây dẫn đường lõi thép không gỉ phủ PTFE hoặc tương đương, các cỡ 0.028", 0.032", 0.035", dài 80cm, 150cm, 180cm, 300cm Có đầu thẳng và đầu chữ J	
224	Guide đen	Cái	01 Cái/ Gói	50	Dây dẫn đường chất liệu Nitinol phủ Hydrophilic hoặc tương đương, các cỡ 0.028", 0.032", 0.035" dài 120cm, 150cm, 180cm, có đầu thẳng và đầu góc	
225	Dây dẫn đường dùng trong niệu quản	Cái	01 Cái/ Gói	130	- Dây dẫn đường các cỡ: 0.032"- 0.035", dài khoảng 150cm - Đầu thẳng, lõi Nitinol chống gấp khúc, đoạn đầu trên dài khoảng 65mm có phủ lớp hydrophilic hoặc tương đương, vỏ vân đen vàng.	
226	Ống thông JJ	Cái	01 Cái/ Gói	100	- Ống thông JJ các cỡ: 6Fr, 7Fr, dài khoảng 26cm - Có phủ lớp hydrophilic hoặc tương đương trong nước	
227	Vỏ đỡ niệu quản dùng cho ống kính nội soi mềm	Cái	01 Cái/ Gói	100	Có kênh hút sỏi, bình hút sỏi Kích thước: nòng trong 10Fr, 11Fr, 12Fr. Vỏ ngoài 12Fr, 13 Fr, 14Fr Lõi thép bên trong cứng cáp Lớp vỏ ngoài phủ hydrophilic hoặc tương đương trong nước	

STT	Tên VTTT	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
228	Ống kính nội soi mềm	Cái	01 Cái/ Gói	100	Góc uốn: lên và xuống $\geq 275^\circ$ Chiều dài làm việc: ≥ 670 mm; Kênh làm việc chống xoắn Chiều dài làm việc của dây ≥ 920 mm Độ phân giải ≥ 160.000 pixel hoặc tương đương Có chức năng chụp ảnh và quay video, nút bấm trên tay cầm của kính. Tương thích với hệ thống phẫu thuật nội soi Karl Storz.	
229	Rọ lấy sỏi	Cái	01 Cái/ Gói	50	Rọ lấy sỏi dùng trong tán sỏi nội soi ống mềm các cỡ: 1.8Fr và 2.2Fr, dài ≥ 120 cm. Loại 4 cạnh, đầu tròn.	
230	Dây dẫn đường dùng trong tán sỏi nội soi ống mềm	Cái	01 Cái/ Gói	50	Dây dẫn đường dùng trong tán sỏi ống mềm, Đường kính 0.035 inch. Đầu thẳng, lõi Nitinol, đoạn đầu mềm tối thiểu 6.5cm có phủ lớp ái nước. Tổng chiều dài dây ≥ 150 cm.	
231	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, có van khí, trong suốt, đường kính 5 mm, dùng 1 lần	Cái	5 Cái/Hộp	50	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, có van khí - Chất liệu: * Thân: nhựa, có đường ren, van đóng, có rãnh cố định, trong suốt * Nòng: nhựa, đầu không dao, có lỗ dễ dàng vệ sinh, trong suốt, có khe giữ cố định ống kính soi - Dài 100 mm, đường kính 5 mm	
232	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, có van khí, trong suốt, đường kính 11 mm, dùng 1 lần	Cái	5 Cái/Hộp	50	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, có van khí - Chất liệu: * Thân: nhựa, có đường ren, van đóng, có rãnh cố định, trong suốt * Nòng: nhựa, đầu không dao, có lỗ dễ dàng vệ sinh, trong suốt, có khe giữ cố định ống kính soi - Dài 100 mm, đường kính 11 mm	
233	Dụng cụ phẫu thuật nội soi đa khớp nối, đầu kim mang kim xoay 360 độ, dùng 1 lần	Cái	1 Cái/Hộp	1	Dụng cụ phẫu thuật nội soi đa khớp nối, đầu kim mang kim xoay 360 độ, dùng 1 lần, có khóa điều chỉnh - Kích thước tay cầm: 221 x 239 mm - Chiều dài thân dụng cụ: 380mm - Chiều dài ngàm 12mm, đường kính thân 8mm - Ngàm dụng cụ đa khớp nối, xoay được 360 độ	
234	Dụng cụ phẫu thuật nội soi đa khớp nối, đầu kim mang kim kiểu mảnh xoay 360 độ, dùng 1 lần	Cái	1 Cái/Hộp	1	Dụng cụ phẫu thuật nội soi đa khớp nối, đầu kim mang kim xoay 360 độ, dùng 1 lần, có khóa điều chỉnh. - Kích thước tay cầm: 221 x 239 mm - Chiều dài thân dụng cụ: 380mm - Chiều dài ngàm 9mm, đường kính thân 8mm - Ngàm dụng cụ đa khớp nối, xoay được 360 độ	
235	Dụng cụ phẫu thuật nội soi đa khớp nối, đầu kẹp lưỡng cực ngàm rộng xoay 360 độ, dùng 1 lần	Cái	1 Cái/Hộp	1	Dụng cụ phẫu thuật nội soi đa khớp nối, đầu kẹp lưỡng cực ngàm rộng xoay 360 độ, dùng 1 lần, có khóa điều chỉnh - Kích thước tay cầm: 221 x 239 mm, - Chiều dài thân dụng cụ: 380mm. - Chiều dài ngàm 18mm, đường kính thân 8mm - Ngàm dụng cụ đa khớp nối, xoay được 360 độ - Có đầu kết nối lưỡng cực	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
236	Dụng cụ phẫu thuật nội soi đa khớp nối, đầu phẫu tích lưỡng cực kiểu mảnh xoay 360 độ, dùng 1 lần	Cái	1 Cái/Hộp	1	Dụng cụ phẫu thuật nội soi đa khớp nối, đầu phẫu tích lưỡng cực kiểu mảnh xoay 360 độ, dùng 1 lần, có khóa điều chỉnh -Kích thước tay cầm: 221 x 239 mm, -Chiều dài thân dụng cụ: 380mm. - Chiều dài ngàm 17mm, đường kính thân 8mm -Ngàm dụng cụ đa khớp nối, xoay được 360 độ -Có đầu kết nối lưỡng cực	
237	Dụng cụ phẫu thuật nội soi đa khớp nối, đầu thìa nạo đơn cực xoay 360 độ, dùng 1 lần	Cái	1 Cái/Hộp	1	Dụng cụ phẫu thuật nội soi đa khớp nối, đầu thìa nạo đơn cực xoay 360 độ, dùng 1 lần, có khóa -Kích thước tay cầm: 221 x 239 mm, -Chiều dài thân dụng cụ: 380mm. - Chiều dài ngàm 5mm, đường kính thân 8mm -Thìa nạo đa khớp nối, xoay được 360 độ -Có đầu kết nối đơn cực	
238	Dụng cụ phẫu thuật nội soi đa khớp nối, đầu móc trái đơn cực xoay 360 độ, dùng 1 lần	Cái	1 Cái/Hộp	1	Dụng cụ phẫu thuật nội soi đa khớp nối, đầu móc trái đơn cực xoay 360 độ, dùng 1 lần, có khóa -Kích thước tay cầm: 221 x 239 mm, -Chiều dài thân dụng cụ: 380mm. - Chiều dài đầu móc 8mm, đường kính thân 8mm -Đầu móc trái xoay được 360 độ -Có đầu kết nối đơn cực	
239	Dụng cụ phẫu thuật nội soi đa khớp nối, đầu móc phải đơn cực xoay 360 độ, dùng 1 lần	Cái	1 Cái/Hộp	1	Dụng cụ phẫu thuật nội soi đa khớp nối, đầu móc phải đơn cực xoay 360 độ, dùng 1 lần, có khóa -Kích thước tay cầm: 221 x 239 mm, -Chiều dài thân dụng cụ: 380mm. - Chiều dài đầu móc 8mm, đường kính thân 8mm -Đầu móc phải xoay được 360 độ. -Có đầu kết nối đơn cực	
240	Dụng cụ phẫu thuật nội soi đa khớp nối, đầu móc trên đơn cực xoay 360 độ, dùng 1 lần	Cái	1 Cái/Hộp	1	Dụng cụ phẫu thuật nội soi đa khớp nối, đầu móc trên đơn cực xoay 360 độ, dùng 1 lần có khóa -Kích thước tay cầm: 221 x 239 mm, -Chiều dài thân dụng cụ: 380mm. - Chiều dài đầu móc 8mm, đường kính thân 8mm -Đầu móc trên xoay được 360 độ. -Có đầu kết nối đơn cực	
241	Dụng cụ phẫu thuật nội soi đa khớp nối, đầu móc xuống đơn cực xoay 360 độ, dùng 1 lần	Cái	1 Cái/Hộp	1	Dụng cụ phẫu thuật nội soi đa khớp nối, đầu móc xuống đơn cực xoay 360 độ, dùng 1 lần có khóa - Kích thước tay cầm: 221 x 239 mm, -Chiều dài thân dụng cụ: 380mm. - Chiều dài đầu móc 8mm, đường kính thân 8mm -Đầu móc xuống xoay được 360 độ. -Có đầu kết nối đơn cực	
242	Dụng cụ phẫu thuật nội soi đa khớp nối, đầu phẫu tích lưỡng cực Maryland xoay 360 độ, dùng 1 lần	Cái	1 Cái/Hộp	1	Dụng cụ phẫu thuật nội soi đa khớp nối, đầu phẫu tích lưỡng cực Maryland xoay 360 độ, dùng 1 lần, có khóa -Kích thước tay cầm: 221 x 239 mm, -Chiều dài thân dụng cụ: 380mm - Chiều dài ngàm 20mm, đường kính thân 8mm -Ngàm dụng cụ đa khớp nối, xoay được 360 độ -Có đầu kết nối lưỡng cực	
243	Bông tắm cồn	Miếng	100 Miếng/Hộp	20.000	Bông làm bằng chất liệu vải không dệt, tằm sẵn cồn 70%. Kích thước: $\geq 30\text{mm} \times 30\text{mm} \times 2$ lớp	

STT	Tên VTTT	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
244	Màng sinh học che phủ vết thương cỡ 17 x 12 cm	Miếng	1 Miếng/Túi	100	Màng sinh học che phủ vết thương có thành phần màng BioCellulose hoặc tương đương được ngâm tẩm trong dung dịch Electrolyzed water hoặc tương đương, đựng trong túi nhôm dán kín. Có tác dụng giữ ẩm và che phủ cho vùng tổn thương ngoài da nhằm ngăn chặn sự xâm nhập của vi khuẩn, nấm lên bề mặt vùng da tổn thương. Kích thước khoảng 17cm x 12cm	
245	Màng sinh học che phủ vết thương cỡ 17 x 24 cm	Miếng	1 Miếng/Túi	100	Màng sinh học che phủ vết thương có thành phần màng BioCellulose hoặc tương đương được ngâm tẩm trong dung dịch Electrolyzed water hoặc tương đương, đựng trong túi nhôm dán kín. Có tác dụng giữ ẩm và che phủ cho vùng tổn thương ngoài da nhằm ngăn chặn sự xâm nhập của vi khuẩn, nấm lên bề mặt vùng da tổn thương. Kích thước khoảng 17cm x 24cm	
246	Gạc che phủ vết thương có chứa Nano bạc các cỡ	Miếng	10 Miếng/Hộp	500	Bao gồm: Băng xốp Polyurethane ≥ 3 lớp, dày khoảng 5mm (± 0.5 mm), chứa Sodium alginate 0.9%, silver nitrate 1% thấm hút dịch tiết, duy trì độ ẩm cho vết thương, hoạt động kháng khuẩn nhanh chóng và bền vững, kích thước lỗ tiếp xúc vết thương $\leq 53\mu\text{m}$, tốc độ thoát hơi ẩm $\geq 1.400\text{g/m}^2/\text{ngày}$, khả năng thấm hút dịch $\geq 5.600\text{g/m}^2/\text{ngày}$. Lưu băng tối đa ≥ 7 ngày tùy lượng dịch tiết, tình trạng vết thương. Tiệt trùng từng miếng bằng tia Gamma hoặc tương đương. Kích thước khoảng 10cm x 10cm	
247	Gel chăm sóc vết thương Nano bạc	Tuýp	1 Tuýp/Hộp	100	Bao gồm: SurgiGel hoặc tương đương chứa hàm lượng nước cao $\geq 80\%$, làm mềm màng hoại tử khô, thúc đẩy lên mô hạt, cung cấp môi trường ẩm. Chứa silver nitrate $\geq 0.2\text{ mg/L}$ giúp kháng khuẩn vết thương.	
248	Keo sinh học trong phẫu thuật	Tuýp	1 Tuýp/gói	100	-Chất liệu/ thành phần: Keo (protein hydroge được tạo thành từ Albumin bò và glutaraldehyde) hoặc tương đương - Thể tích: $\geq 5\text{ml}$ - Chịu được áp lực $\geq 450\text{mmHg}$ - Có ≥ 4 đầu bơm keo	
249	Nẹp gối H3	Cái	1 Cái/Túi	100	Chất liệu bao gồm (vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí) hoặc tương đương, có khóa Velcro và hệ thống thanh nẹp hợp kim nhôm được phân bố theo tư thế điều trị. Dùng sơ cứu cố định sau chấn thương, sau phẫu thuật khớp gối. Dài tối thiểu các cỡ 40cm, 50cm, 60cm 70cm.	
250	Nẹp chống xoay H2	Cái	1 Cái/Túi	100	Chất liệu bao gồm (đệm mút, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot) hoặc tương đương, có khóa Velcro và khuôn nhựa đúc theo tư thế điều trị. Sử dụng sau phẫu thuật, sau chấn thương cổ xương đùi, chống co đầu gối.	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
251	Nẹp ngón tay H1	Cái	1 Cái/Túi	50	Chất liệu bao gồm (nẹp hợp kim nhôm định hình ở tư thế điều trị, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí) hoặc tương đương, có khóa Velcro. Dùng sơ cứu, cố định gãy xương, bong gân ngón tay Cái, cố định xương khớp vùng cổ tay, bàn tay và ngón Cái sau mổ.	
252	Nẹp cẳng tay H4	Cái	1 Cái/Túi	100	Chất liệu bao gồm (vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cào lông) hoặc tương đương, có khóa Velcro và bản nẹp hợp kim nhôm uốn định hình ở tư thế điều trị. Dùng trong sơ cứu chấn thương xương khớp, cân cơ vùng cẳng tay, cổ tay, hỗ trợ cố định sau gãy xương trụ, gãy Pouteau Colles.	
253	Nẹp chống Xoay H1	Cái	1 Cái/Túi	100	Chất liệu bao gồm (đệm mút, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot) hoặc tương đương, khóa Velcro, khuôn nhựa đúc theo tư thế điều trị. Sử dụng sau phẫu thuật cổ xương đùi, ổ cối hoặc người già không có chỉ định phẫu thuật.	
254	Áo cột sống	Cái	1 Cái/Túi	100	Chất liệu bao gồm (vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí) hoặc tương đương, có khóa Velcro và các nẹp hợp kim nhôm thiết kế định hình và phân bố phù hợp theo tư thế điều trị. Dùng sơ cứu chấn thương cột sống, hỗ trợ sau phẫu thuật cột sống, bệnh lý cột sống như lao cột sống, xẹp các đốt sống. Phù hợp chiều cao cơ thể $\leq 135\text{cm}$ đến $\geq 175\text{cm}$;	
255	Nẹp đêm dài ngắn	Cái	1 Cái/Túi	100	Nẹp được làm từ chất liệu thoáng mát, dễ thoát mồ hôi. Thanh nẹp hợp kim nhôm giúp cố định. Dùng khi chấn thương xương khớp cổ chân, bàn chân, tổn thương dây chằng, gãy mắt cá trong, mắt cá ngoài.	
256	Nẹp khớp vai	Cái	1 Cái/Hộp	100	Chất liệu bao gồm (vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí) hoặc tương đương, có khóa Velcro thiết kế theo tư thế điều trị, sử dụng trong trường hợp trật khớp vai, cố định sau mổ vùng khớp vai, gãy lồi cầu xương cánh tay, viêm khớp vai cấp và mãn tính.	
257	Đai số 8	Cái	1 Cái/Hộp	100	Chất liệu bao gồm (vải cotton, mút xốp) hoặc tương đương, có khóa Velcro. Dùng cố định khi chấn thương gãy xương đòn, trật khớp cùng đòn, vỡ xương bả vai, trật khớp ức đòn.	
258	Đai thắt lưng	Cái	1 Cái/Túi	100	Chất liệu bao gồm (vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí) hoặc tương đương, có khóa Velcro và hệ thống thanh nẹp đàn hồi. Dùng hỗ trợ giúp giảm chịu lực vùng thắt lưng, đau cấp vùng thắt lưng, trật đĩa đệm, lún xẹp đốt sống. Chiều cao khoảng 270mm ($\pm 5\text{mm}$).	
259	Nẹp cổ cứng	Cái	1 Cái/Túi	100	Có khóa Velcro, thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt. Hỗ trợ sơ cứu chấn thương đốt sống cổ, trật cổ hoặc căng cổ quá mức, hỗ trợ sau phẫu thuật đốt sống cổ.	
260	Nẹp cổ chân	Cái	1 Cái/Hộp	50	Chất liệu bao gồm Neoprene tự dính, băng nhám dính, có thể dính ở mọi vị trí. Dùng hỗ trợ khớp cổ chân, viêm khớp, giãn dây chằng chấn thương nhẹ khớp cổ chân.	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
261	Nẹp iselin	Cái	10 Cái/Túi	200	Thanh nẹp làm bằng hợp kim nhôm, lót bên trong một lớp xốp mềm. Có thể uốn để giữ ngón tay ở đúng vị trí chức năng khi sử dụng. Dùng cố định khớp ngón tay ở vị trí chức năng khi bị chấn thương, cố định và bảo vệ gãy xương đốt tay ngoại biên.	
262	Nẹp bóng chày	Cái	2 Cái/Túi	200	Chất liệu nhôm và đệm mút hoặc tương đương, thiết kế theo tư thế điều trị. Dùng cố định khớp ngón tay ở vị trí chức năng khi bị chấn thương.	
263	Nẹp ngón cái	Cái	1 Cái/Túi	50	Chất liệu bao gồm nẹp hợp kim nhôm định hình ở tư thế điều trị, (vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí) hoặc tương đương, có khóa Velcro. Dùng sơ cứu, cố định gãy xương, bong gân ngón tay Cái, cố định xương khớp vùng cổ tay, bàn tay và ngón Cái sau mổ.	
264	Nẹp cổ bàn tay H1	Cái	1 Cái/Túi	100	Chất liệu bao gồm (vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí) hoặc tương đương, có khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm. Dùng trong sơ cứu cố định gãy xương, trật khớp, bong gân cổ tay, bàn tay, hỗ trợ xương khớp sau mổ, chấn thương vùng cổ tay.	
265	Túi treo tay	Cái	1 Cái/Túi	200	Chất liệu bao gồm vải thoáng khí hoặc tương đương, có hệ thống khóa nhựa giúp điều chỉnh và tháo lắp. Sử dụng trong các trường hợp gãy xương, chấn thương khớp vai, cánh tay, cẳng tay. Nâng đỡ tay ở trạng thái nghỉ.	
266	Băng thun cổ tay	Cái	1 Cái/Hộp	50	Chất liệu bao gồm Neoprene tự dính, băng nhám dính, có thể dính ở mọi vị trí, dùng sơ cứu chấn thương, trật khớp, bong gân cổ tay.	
267	Nẹp chống xoay dài h2 các cỡ	Cái	1 Cái/Túi	50	Chất liệu bao gồm (đệm mút, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot) hoặc tương đương, khóa Velcro. Khuôn nhựa đúc theo tư thế điều trị. Sử dụng sau phẫu thuật, sau chấn thương cổ xương đùi, chống co đầu gối.	
268	Nẹp cổ tay các cỡ	Cái	1 Cái/Túi	50	Chất liệu bao gồm (vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí) hoặc tương đương, có khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm. Dùng trong sơ cứu, cố định gãy xương, bong gân cổ tay, viêm xương khớp cổ tay mãn tính.	
269	Nẹp cánh tay h3 cỡ S, M	Cái	1 Cái/Túi	100	Chất liệu bao gồm (vải dệt kim, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí) hoặc tương đương, có khóa Velcro và nẹp hợp kim nhôm. Thiết kế theo tư thế điều trị. Dùng trong sơ cứu, cố định gãy xương, bong gân khu vực 1/3 dưới xương cánh tay, cố định sau mổ xương, khớp chi trên, ổn định khớp khuỷu tay.	
270	Đai xương sườn	Cái	1 Cái/Túi	50		
271	Băng thun gối	Cái	1 Cái/Túi	50		
272	Bột bó 10 cm x 2,7m	Cuộn	72 Cuộn/Thùng	500	Chất liệu làm từ bột thạch cao liên gạch (Thạch cao \geq 97%, gạch 100% cotton). Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn. Thời gian đông kết từ 2-4 phút, rộng 10cm (\pm 0.5cm), chiều dài 270cm (\pm 1 cm)	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
273	Bột bó 15 cm x 2,7m	Cuộn	72 Cuộn/Thùng	1.000	Làm từ bột thạch cao liền gạc (Thạch cao $\geq 97\%$, gạc 100% cotton). Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn. Thời gian đông kết từ 2-4 phút, rộng 15cm (± 0.5 cm), chiều dài 270cm (± 1 cm)	
274	Bột bó 20cm x 2,7m	Cuộn	36 Cuộn/Thùng	500	Làm từ bột thạch cao liền gạc (Thạch cao $\geq 97\%$, gạc 100% cotton). Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn. Thời gian đông kết từ 2-4 phút, rộng 20cm (± 0.5 cm), chiều dài 270cm (± 1 cm)	
275	Bông lót 10 cm x 270 cm	Cuộn	200 Cuộn/Thùng	1.000	Làm từ chất liệu bông không thấm nước, không gây kích ứng khi sử dụng, rộng 10cm (± 0.5 cm), chiều dài 270cm (± 1 cm)	
276	Bông lót 15 cm x 270 cm	Cuộn	200 Cuộn/Thùng	500	Làm từ chất liệu bông không thấm nước, không gây kích ứng khi sử dụng, rộng 15cm (± 0.5 cm), chiều dài 270cm (± 1 cm)	
277	Bông lót 20 cm x 270 cm	Cuộn	200 Cuộn/Thùng	500	Làm từ chất liệu bông không thấm nước, không gây kích ứng khi sử dụng, rộng 20cm (± 0.5 cm), chiều dài 270cm (± 1 cm)	
278	Băng bột tổng hợp 7,5cm x 3,6m	Cuộn	10 Cuộn/Thùng	300	Chất liệu làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước, thời gian đông kết khoảng từ 2-4 phút. Đông kết hoàn toàn sau khoảng 20 phút. Kích thước: rộng 7.5cm (± 0.3 cm), cuộn dài tối thiểu 3.6m (± 0.2 cm).	
279	Băng bột tổng hợp 10cm x 3,6m	Cuộn	10 Cuộn/Thùng	300	Làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước, thời gian đông kết khoảng từ 2-4 phút. Đông kết hoàn toàn sau khoảng 20 phút. Kích thước: rộng 10cm (± 0.5 cm), cuộn dài tối thiểu 3.6m (± 0.2 mm).	
280	Băng bột tổng hợp 12,5cm x 3,6m	Cuộn	10 Cuộn/Thùng	300	Làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước, thời gian đông kết khoảng từ 2-4 phút. Đông kết hoàn toàn sau khoảng 20 phút. Kích thước: rộng 12.5cm (± 0.5 cm), cuộn dài tối thiểu 3.6m (± 0.2 cm).	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
281	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic	Bộ	1 Bộ/ Hộp	25	<p>1.Ổ cối không xi măng. Vật liệu Ti-6Al-4V hoặc tương đương, phun TPS 0.5mm và HA 0.08mm. Có 12 chốt khóa. Có các lỗ bắt vít với hướng xoay 32 độ. Có 14 cỡ từ 44mm đến 70mm (bước chuyển 2mm). Có dấu laser chỉ hướng.</p> <p>2. Lớp lót. Vật liệu Ceramic Biolox Delta hoặc tương đương có đường kính trong các cỡ 28/32/36/40mm</p> <p>3.Chòm khớp. Vật liệu Ceramic Biolox Delta hoặc tương đương. Taper 12/14, các cỡ: 28mm (-2.5/+1/+4), 32mm (-3/+1/+5/+8), 36mm (-3/+1/+5/+9), 40mm (-3/+1/+5/+9)</p> <p>4.Chuôi xương đùi không xi măng. Cổ định đầu gân, dạng nêm 2 chiều và cổ trơn, chất liệu hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) hoặc tương đương, phun TPS 0.5mm. Có 16 cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ: 22.8mm đến 43.5mm. Góc cổ thân 130 độ; taper 12/14. Tùy chọn: offset thường (16 cỡ từ 00 đến 14, dài từ 114mm đến 161mm) và offset dài (15 cỡ từ 0 đến 14, dài từ 114 đến 161mm).</p> <p>5.Vít ổ cối. Chất liệu Titanium hoặc tương đương đường kính</p>	
282	Bộ khớp háng bán phần chuỗi dài	Bộ	1 Bộ/ Hộp	15	<p>1. Chòm bán phần : có mặt ngoài bằng Cobalt Chrome hoặc tương đương ; lớp lót PE Crosslink hoặc tương đương chống mài mòn đi kèm với vòng khóa trong chống tuột chòm. Đường kính ngoài từ 38mm đến 56mm, đường kính trong 22.2mm hoặc 28mm.</p> <p>2. Chòm xương đùi: bằng chất liệu Cobalt Chrome hoặc tương đương; kích thước 22.2mm (+0mm, +3mm, +6mm, +9mm), 28mm (-3mm, +0mm, +2,5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm) với taper 12/14.</p> <p>3. Chuôi dài không xi măng U2 Revision: bằng vật liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) hoặc tương đương dạng hình nêm 3 chiều chống xoay và cổ trơn, phun Titanium Plasma nhám toàn thân, góc cổ thân 130°, taper 12/14, cuối chuỗi vuốt nhọn tránh nứt gãy xương đùi tại vị trí cuối chuỗi. Chuôi có 2 dạng: dạng thẳng có chiều dài 180mm với 7 cỡ đường kính đầu xa (từ 11mm đến 18mm) và dạng cong có chiều dài 230mm, có 7 cỡ đường kính đầu xa (từ 11mm đến 18mm) với mỗi bên trái, phải.</p>	

STT	Tên VTTĐ	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
283	Bộ khớp háng bán phần chuỗi ngắn	Bộ	1 Bộ/ Hộp	15	<p>1. Chỏm bán phần : có mặt ngoài bằng Cobalt Chrome hoặc tương đương ; lớp lót PE Crosslink hoặc tương đương chống mài mòn đi kèm với vòng khóa trong chống tuột chỏm. Đường kính ngoài từ 38mm đến 56mm, đường kính trong 22mm hoặc 28mm.</p> <p>2. Chỏm xương đùi: bằng chất liệu Cobalt Chrome hoặc tương đương; kích thước 22mm (+0mm, +3mm, +6mm, +9mm), 28mm (-3mm, +0mm, +2,5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm) với taper 12/14.</p> <p>3. Chuôi xương đùi UTF-reduced: loại cố định đầu gân, dạng nêm 2 chiều và cổ tròn, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) hoặc tương đương, phun Titanium Plasma nhám.</p> <p>- Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 22.8mm đến 43.5mm.</p> <p>- Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có 2 sự lựa chọn offset thông thường (có 16 cỡ từ 00 đến 14 dài từ 114mm đến 161mm) và offset dài (có 15 cỡ từ 0 đến 14 dài từ 120 đến 161 mm).</p>	
284	Vít dây chằng tự tiêu giữ mảnh ghép gân Tightrope có thể điều chỉnh độ ngắn dài	Cái	Cái / Hộp	30	<p>Vật liệu: vít treo bằng Titanium hoặc tương đương, vòng treo bằng chỉ siêu bền (UHMWPE hoặc tương đương)</p> <p>Kích thước: vít treo (dài x rộng x cao): 13mm x 3.4mm x 1.5mm, khoảng cách giữa 2 lỗ luồn chỉ: 3.48mm, vòng treo: 11mm tới hơn 60mm (điều chỉnh được chiều dài)</p> <p>Sử dụng được cho mảnh ghép gân chân ngỗng (hamstring) và mảnh ghép gân bánh chè (BTB). Khả năng chịu lực tối đa $\geq 980N$.</p> <p>Một kích cỡ duy nhất dùng cho các loại kỹ thuật khác nhau.</p> <p>Vít treo có 4 điểm khoá không thắt nút tích hợp sẵn giúp dễ dàng thao tác, tránh nhiễm khuẩn.</p>	
285	Vít neo Y-Knot cố định chóp xoay đường kính 2.8mm	Cái	Cái / Hộp	10	<p>Dùng đai chỉ neo để tăng cường độ vững chắc cho gân, dây chằng trong hơn 20 kỹ thuật không thắt nút khác nhau.</p> <p>Vít neo sử dụng chất liệu tự tiêu tương thích sinh học (BioComposite hoặc tương đương)</p> <p>Thiết kế các lỗ thông giúp kích thích mọc xương và lưu thông máu</p> <p>Kích thước: vít neo khoảng 4.75 x 19.1mm.</p>	
286	Vít neo Poplok bằng vật liệu PEEK cố định chóp xoay	Cái	Cái / Hộp	10	<p>Vật liệu: Vít neo sử dụng chất liệu tự tiêu tương thích sinh học (BioComposite hoặc tương đương)</p> <p>Dùng đai chỉ neo để tăng cường độ vững chắc cho gân, dây chằng trong hơn 20 kỹ thuật không thắt nút khác nhau.</p> <p>Kèm vòng chỉ dẹt 2.0mm siêu bền, sử dụng cấu trúc chuỗi polyethylene dài, được gắn sẵn trên vít neo swivelock để khâu các mô mềm, gân, dây chằng.</p> <p>Chỉ dẹt siêu bền có khả năng chống đào thải mô tốt hơn 27% so với các loại chỉ khác.</p> <p>Kích thước: vít neo 4.75 x 19.1mm</p>	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
287	Lưỡi cắt đốt đơn cực bằng sóng radio	Cái	1 Cái/Gói	25	<p>Vật liệu: Thân đầu đốt được làm bằng thép không gỉ 304, điện cực được làm bằng thép không gỉ 316L hoặc tương đương, vỏ đầu đốt làm bằng Polymer HIPS PH88 hoặc tương đương và phần hút bột phẫu thuật được làm bằng Ceramic</p> <p>Sử dụng sóng radio lưỡng cực (Bipolar RF) giúp cắt và cầm máu mô mềm nhanh chóng.</p> <p>Đầu đốt 90 độ dễ dàng tiếp cận mô.</p> <p>Dễ dàng sử dụng và điều khiển bằng tay.</p> <p>Chỉ một mặt điện cực hoạt động nên cho phép thời gian sử dụng bền.</p> <p>Có 6 cổng để hút một cách hiệu quả, loại bỏ bột nước trong phẫu thuật.</p> <p>Chiều dài 160mm(± 2mm), đường kính 3.75mm(± 0.5mm)</p> <p>Có chế độ tự ngắt khi phát hiện gần ống soi hoặc dụng cụ bằng kim loại giúp tránh hỏng dụng cụ và tai biến trong phẫu thuật.</p>	
288	Lưỡi bào khớp	Cái	1 Cái/Gói	25	<p>Vật liệu: Đầu lưỡi bào bằng hợp kim không gỉ hoặc tương đương</p> <p>Sử dụng cho mô mềm diện rộng, sụn chêm, cắt bỏ hoạt dịch khớp gối, chóp xoay khớp vai.</p> <p>Đường kính 4mm, 5mm, 5.5mm, chiều dài 13cm (± 0.2cm).</p> <p>Đóng gói tiệt trùng, dùng 1 lần.</p>	
289	Dây dẫn nước trong nội soi khớp chạy bằng máy	Cái	1 Cái/Gói	25	<p>Bộ dây dẫn bơm tưới hoạt dịch trường mô ổ khớp, đóng gói tiệt trùng.</p> <p>Chiều dài dây nước tính từ máy: khoảng 16ft</p> <p>Có khóa Luer trên thân để điều chỉnh chiều dài dây.</p>	
290	Đinh Kirschner cỡ 1.0	Cái	10 Cái/Túi	100	<p>Đường kính khoảng: 1.0mm</p> <p>Chiều dài khoảng: 310mm</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543 hoặc tương đương</p> <p>Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)</p>	
291	Đinh Kirschner cỡ 1.2	Cái	10 Cái/Túi	100	<p>Đường kính khoảng: 1.2mm</p> <p>Chiều dài khoảng: 310mm</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543 hoặc tương đương</p> <p>Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)</p>	
292	Đinh Kirschner cỡ 1.8	Cái	10 Cái/Túi	200	<p>Đường kính khoảng: 1.5mm</p> <p>Chiều dài khoảng: 310mm</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543 hoặc tương đương</p> <p>Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)</p>	
293	Đinh Kirschner cỡ 2.0	Cái	10 Cái/Túi	200	<p>Đường kính khoảng: 2.0mm</p> <p>Chiều dài khoảng: 310mm</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543 hoặc tương đương</p> <p>Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)</p>	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
294	Đinh Kirschner cỡ 3.0	Cái	10 Cái/Túi	50	Đường kính khoảng: 3.0mm Chiều dài khoảng: 310mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543 hoặc tương đương Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	
295	Nẹp khóa thẳng các cỡ, vít 2.0mm	Cái	1 Cái/Túi	20	- Chất liệu titanium hoặc tương đương - Các cỡ từ 4 đến 8 lỗ. - Độ dày nẹp khoảng 1.3mm, chiều rộng nẹp khoảng 5.0mm, chiều dài nẹp từ ≤ 32 mm đến ≥ 58 mm.	
296	Nẹp khóa chữ Y, vít 2.0mm	Cái	1 Cái/Túi	10	- Chất liệu titanium hoặc tương đương. - Có 7 lỗ thân và 3 lỗ đầu. Độ dày nẹp 1.3mm, chiều rộng 5.0mm, chiều dài nẹp khoảng 55mm - Sử dụng với hệ thống vít 2.0 mm	
297	Vít khóa đường kính 2.0mm, các cỡ	Cái	10 Cái/Túi	200	- Chất liệu titanium Alloy hoặc tương đương - Vít tự taro, mũ vít hình sao. - Đường kính 2.0mm, đường kính lõi vít 1.4mm. Chiều dài từ ≤ 6 mm đến ≥ 30 mm. - Sử dụng với hệ thống nẹp khóa 2.0mm	
298	Nẹp khóa mắt xích thẳng các cỡ	Cái	Cái/ Túi	40	- Chất liệu titanium hoặc tương đương. - Các cỡ từ 5 đến 18 lỗ. - Độ dày nẹp 3.0mm, chiều rộng 10mm, chiều dài nẹp từ ≤ 64 mm đến ≥ 233 mm - Sử dụng hệ thống vít khóa 3.5mm	
299	Nẹp khóa bản nhỏ dày 3.6mm các cỡ	Cái	1 Cái/ Túi	40	- Chất liệu titanium hoặc tương đương, Độ dày nẹp 3.6mm, chiều rộng 11mm. Các cỡ từ 4 đến 12 lỗ, khoảng cách giữa các lỗ là 13mm. Chiều dài nẹp từ ≤ 51 mm đến ≥ 155 mm. Nẹp thiết kế nén ép, lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt.	
300	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các loại	Cái	Cái/ Túi	20	- Chất liệu titanium hoặc tương đương. - Gồm 2 loại ngắn/dài, Loại ngắn: Các cỡ từ 3 đến 5 lỗ, dài từ ≤ 84 mm đến ≥ 108 mm. Loại dài: Các cỡ từ 5 đến 12 lỗ, dài từ ≤ 132 mm đến ≥ 258 mm. - Sử dụng với hệ thống vít 3.5mm	
301	Nẹp khóa đầu dưới xương quay các cỡ	Cái	Cái/ Túi	30	- Chất liệu titanium hoặc tương đương. - Các cỡ từ 3 đến 8 lỗ, chiều dài từ ≤ 42 mm đến ≥ 102 mm, dày 1.6mm, rộng 6.5mm - Sử dụng với hệ thống vít 2.7mm	
302	Nẹp khóa xương đòn chữ S các cỡ	Cái	Cái/ Túi	30	- Chất liệu titanium hoặc tương đương. - Các cỡ từ 6 đến 12 lỗ, chiều dài từ ≤ 61.8 đến ≥ 127.7 mm, dày 2.5mm, rộng 10mm - Sử dụng với hệ thống vít 3.5mm	
303	Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn các cỡ	Cái	1 Cái/Túi	20	- Chất liệu titanium hoặc tương đương. - Độ dày nẹp 3.1mm, độ rộng 10.5mm - Các cỡ từ 10 đến 15 lỗ, trái/ phải riêng biệt, chiều dài nẹp từ ≤ 68 đến ≥ 128 mm - Sử dụng hệ thống vít khóa 2.7 và 3.5mm	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
304	Nẹp khóa bản hẹp các cỡ	Cái	1 Cái/Túi	20	- Chất liệu titanium hoặc tương đương. - Các cỡ từ 4 đến 16 lỗ - Chiều dày nẹp 4.8 mm. chiều rộng nẹp 13.5 mm, chiều dài nẹp từ ≤ 89 mm đến ≥ 287 mm - Sử dụng hệ thống vít 4.5/5.0mm	
305	Nẹp khóa bản rộng các cỡ	Cái	1 Cái/Túi	20	- Chất liệu titanium hoặc tương đương. - Các cỡ từ 6 đến 18 lỗ. - Chiều dày nẹp 6.0 mm. chiều rộng 17.5 mm, chiều dài nẹp từ ≤ 107 mm đến ≥ 323 mm. - Sử dụng hệ thống vít 4.5/5.0mm	
306	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ	Cái	1 Cái/Túi	20	- Chất liệu titanium hoặc tương đương - Các cỡ từ 5 đến 13 lỗ ở thân, trái/ phải riêng biệt - Chiều dày nẹp 6 mm, chiều rộng nẹp 16 mm, chiều dài nẹp từ ≤ 156 mm đến ≥ 316 mm. - Sử dụng hệ thống vít 4.5/5.0mm	
307	Nẹp khóa đầu trên xương đùi các cỡ	Cái	1 Cái/ Túi	10	- Chất liệu titanium hoặc tương đương - Đầu có 5 lỗ và các cỡ từ 4 đến 12 lỗ ở thân. - Chiều dày nẹp 5.2mm, chiều rộng 18.0 mm, chiều dài nẹp từ ≤ 145 mm đến ≥ 305 mm. - Sử dụng hệ thống vít 4.5/5.0mm	
308	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt Trong/ ngoài	Cái	1 Cái/ Túi	40	- Chất liệu titanium hoặc tương đương - Nẹp mặt ngoài chữ L: Đầu có 3 lỗ và các cỡ từ 4 đến 10 lỗ ở thân, chiều dày nẹp 3.8mm, rộng 14 mm, dài trong khoảng từ ≤ 83.2 đến ≥ 179.2 mm - Nẹp mặt ngoài: Các cỡ từ 5 đến 13 lỗ ở thân, Chiều dày nẹp 4,2mm, chiều rộng nẹp 16 mm, dài trong khoảng từ ≤ 140 mm đến ≥ 300 mm. - Nẹp mặt trong; Đầu có 3 lỗ và các cỡ từ 4 đến 13 lỗ ở thân, chiều dày nẹp 3.8 mm, chiều rộng nẹp 14 mm, chiều dài nẹp từ ≤ 84 đến ≥ 228 mm. - Sử dụng hệ thống vít 4.5/5.0mm	
309	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trong/ ngoài	Cái	1 Cái/ Túi	40	- Chất liệu titanium hoặc tương đương - Nẹp khóa mặt trong: Đầu có 8 lỗ và các cỡ từ 4 đến 10 lỗ ở thân, độ dày 4.2mm, rộng 13.7mm. - Nẹp khóa mặt ngoài: Các cỡ từ 9 đến 19 lỗ, dày 4.2mm, rộng 14mm. - Sử dụng với hệ thống vít 3.5mm	
310	Nẹp khóa xương gót, các cỡ	Cái	1 Cái/ Túi	10	- Chất liệu titanium hoặc tương đương - Dày 2mm, dài 68mm, có trái/ phải riêng biệt - Sử dụng hệ thống vít khóa 3.5mm	
311	Nẹp khóa đầu dưới xương mác	Cái	1 Cái/ Túi	30	- Chất liệu titanium hoặc tương đương - Các cỡ từ 3 đến 15 lỗ ở thân, chiều dày nẹp 2.5 mm, chiều rộng nẹp 10.5 mm, chiều dài nẹp từ ≤ 86 mm đến ≥ 242 mm. - Sử dụng với hệ thống vít khóa 2.7 và 3.5mm	
312	Vít xóp đường kính 4.0mm	Cái	1 Cái/ Túi	100	- Chất liệu titanium hoặc tương đương - Ren bán phần - Đường kính 4.0mm tương ứng chiều dài từ ≤ 10 mm đến ≥ 65 mm	
313	Vít xóp đường kính 6.5mm	Cái	1 Cái/ Túi	100	- Chất liệu titanium hoặc tương đương - Ren bán phần - Đường kính 6.5mm - Chiều dài từ ≤ 40 mm đến ≥ 110 mm	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
314	Vít khóa đường kính 2.7mm	Cái	1 Cái/ Túi	500	- Chất liệu titanium hoặc tương đương, - Tụ taro, Mũ vít hình sao - Đường kính 2.7mm, với chiều dài từ $\leq 6\text{mm}$ đến $\geq 60\text{mm}$	
315	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	1 Cái/ Túi	1.000	- Chất liệu titanium hoặc tương đương, - Tụ taro, Mũ vít hình sao - Đường kính 3.5mm với chiều dài từ $\leq 10\text{mm}$ đến $\geq 80\text{mm}$	
316	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	1 Cái/ Túi	500	- Chất liệu titanium hoặc tương đương, - Đường kính 5.0mm, tụ taro - Chiều dài từ $\leq 14\text{ mm}$ đến $\geq 50\text{ mm}$ bước tăng 2 mm, chiều dài từ $\leq 50\text{ mm}$ đến $\geq 90\text{ mm}$ bước tăng 5 mm.	
317	Vít xương cứng 3.5mm	Cái	1 Cái/ Túi	500	- Chất liệu titanium hoặc tương đương, - Vít toàn ren, tụ taro - Đường kính 3.5mm, đường kính lõi khoảng 2.4mm - Chiều dài từ $\leq 10\text{ mm}$ đến $\geq 130\text{mm}$	
318	Vít xương cứng 4.5mm, tụ taro	Cái	1 Cái/ Túi	300	- Chất liệu titanium hoặc tương đương, - Vít toàn ren, tụ taro. - Đường kính 4.5mm tương ứng chiều dài từ $\leq 14\text{mm}$ đến $\geq 60\text{mm}$ với bước tăng 2mm, chiều dài từ $\leq 65\text{ mm}$ đến $\geq 75\text{mm}$ với bước tăng 5mm	
319	Đỉnh nội tủy rỗng nòng xương chày đa phương diện	Cái	1 Cái/ Túi	40	- Chất liệu Titanium hoặc tương đương. - Đỉnh nội tủy xương chày có chốt - Đường kính 8.3; 9; 10; 11.5mm, đường kính đầu khoảng 11.5mm, dùng vít chốt khóa đường kính 4.5 mm đến 5.0 mm. Chiều dài với mỗi cỡ đỉnh từ $\leq 260\text{mm}$ đến $\geq 420\text{ mm}$.	
320	Đỉnh nội tủy rỗng nòng xương đùi đa phương diện	Cái	1 Cái/Túi	20	- Chất liệu titanium hoặc tương đương. - Đỉnh nội tủy xương đùi có chốt, đường kính thân đỉnh: 9.5; 10; 11; 12 mm, đường kính đầu 13mm, dùng vít chốt đường kính 4.5 và 5.0mm, dùng với vít cổ xương đùi đường kính 6.3 mm - Chiều dài với mỗi cỡ đỉnh từ $\leq 320\text{mm}$ đến $\geq 440\text{ mm}$.	
321	Đỉnh nội tủy rỗng nòng đầu trên xương đùi chống xoay	Cái	1 Cái/ Túi	20	- Chất liệu Titanium hợp kim hoặc tương đương. - Đường kính đầu khoảng 16.5mm - Đỉnh ngắn: Đường kính đầu xa: 9.3, 10, 11, 12mm. chiều dài tương ứng với mỗi cỡ: $\leq 170\text{mm}$ đến $\geq 240\text{ mm}$ - Đỉnh dài: Đường kính đầu xa: 9.5, 10, 11, 12 mm có trái/ phải riêng biệt. chiều dài tương ứng với mỗi cỡ: $\leq 320\text{ mm}$ đến $\geq 440\text{ mm}$	
322	Vít chốt khóa 4.5/5.0mm cho đỉnh nội tủy	Cái	1 Cái/ Túi	150	- Chất liệu titanium hoặc tương đương. - Vít 4.5mm: Chiều dài $\leq 26\text{ mm}$ đến $\geq 90\text{ mm}$, bước tăng $\leq 5\text{ mm}$ - Vít 5.0mm: Chiều dài $\leq 26\text{ mm}$ đến $\geq 100\text{ mm}$, bước tăng $\leq 5\text{ mm}$	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
323	Vít chốt cổ xương đùi dùng với đỉnh nội tủy rỗng nòng	Cái	1 Cái/ Túi	5	- Chất liệu titanium hợp kim hoặc tương đương. - Đường kính 6.3mm, thân 4.8mm - Chiều dài ≤ 65mm đến ≥ 125mm, bước tăng 5 mm	
324	vít chốt cổ xương đùi chống xoay	Cái	1 Cái/ Túi	20	- Vật liệu titanium hợp kim hoặc tương đương. - Nòng dẫn hướng: 3.5mm. - Đường kính thân: 10.3mm, độ dài: ≤ 70mm đến ≥ 120mm, mỗi bước tăng 5mm	
325	vít nắp đỉnh dùng với đỉnh nội tủy rỗng nòng	Cái	1 Cái/ Túi	10	- Chất liệu titanium hợp kim hoặc tương đương - Chiều dài từ 0 đến 15mm sử dụng với nội tủy xương đùi/chày.	
326	Vít nắp đỉnh cho đỉnh chống xoay	Cái	1 Cái/ Túi	10	- Chất liệu titanium hợp kim hoặc tương đương - Chiều dài từ 0 đến 15mm sử dụng với đỉnh chống xoay.	
327	Đỉnh Metazeau đường kính các cỡ	Cái	1 Cái/Túi	50	Chất liệu Titanium hoặc tương đương. Cố định dạng tối thiểu 3 điểm. Chiều dài 440mm, đường kính từ 2.0mm đến 4.0 mm	
328	Xương ghép nhân tạo Nano HA 5cc	Cái	1 Cái/Hộp	10	Thành phần gồm Biphasic Calcium Phosphate (HA/β-TCP) trong đó 60% HA/ 40% β-TCP. Độ phủ xốp khoảng 70%, kích thước độ xốp trung bình trong khoảng từ 300 đến 600 Micromét. Lọ 5cc	
329	Vít đa trục 3 vùng ren các cỡ	Cái	1 Cái/Túi	200	Vít cột sống đa trục có 3 vùng ren, chất liệu hợp kim Ti6Al4V hoặc tương đương, đường kính từ ≤ 4.5mm đến ≥ 7.0mm (mỗi cỡ tăng ≥ 0.5mm), góc mở của vít đa trục ≥ 40 độ, mũi vít tự taro, chiều dài từ ≤ 20mm đến ≥ 90mm. Mũi vít dạng thấp với chiều cao 15.1mm (± 0.3mm) và đường kính 13.5mm (± 0.3mm).	
330	Vít ốc khóa trong	Cái	1 Cái/Túi	200	Vít ốc khóa trong chất liệu Ti6Al4V hoặc tương đương có bước ren dạng liên kết và phần giữa đặc lòng giúp tăng bề mặt tiếp xúc với nẹp dọc. Kích thước khoảng 9.5mm x 1.25mm	
331	Nẹp dọc cột sống	Cái	1 Cái/Túi	70	Nẹp dọc cột sống chất liệu titan hoặc tương đương, đường kính khoảng 5.5mm, chiều dài khoảng 200mm	
332	Miếng ghép đĩa đệm lưng loại thẳng PLIF	Cái	1 Cái/Túi	30	Miếng ghép đĩa đệm lưng loại thẳng các kiểu uốn 0 độ hoặc 4 độ, chiều dài 20mm hoặc 25mm, chiều rộng 11mm, chiều cao từ ≤ 9mm đến ≥ 18mm, chất liệu PEEK hoặc tương đương.	
333	Vít đa trục rỗng nòng bắt qua da kèm ốc khóa trong	Cái	1 Cái/Túi	60	Vít đa trục rỗng nòng dùng trong phẫu thuật qua da có lỗ bơm xi măng, loại 3 vùng ren (chất liệu hợp kim Ti6Al4V hoặc tương đương, mũi vít dạng low-profile, đường kính vít từ ≤ 4.5mm đến ≥ 7.0mm (mỗi cỡ tăng ≤ 0.5mm), góc mở của vít đa trục khoảng 40.26 độ. Mũi vít có 3 rãnh tự taro, chiều dài vít từ ≤ 20mm đến ≥ 90mm. Kích thước mũi vít khoảng 15x12x11mm. Tương thích với nẹp dọc uốn sẵn đường kính 5.5mm. Ốc khóa trong tự gãy khi siết đến lực nhất định, chất liệu hợp kim Ti6Al4V hoặc tương đương có đường kính khoảng 9mm, chiều cao khoảng 10mm.	
334	Nẹp dọc uốn sẵn dùng cho vít qua da	Cái	1 Cái/Túi	20	Vật liệu titanium hoặc tương đương. Nẹp dọc uốn sẵn đường kính khoảng 5.5mm, độ dài từ ≤ 30mm đến ≥ 200mm	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
335	Kim chọc dẫn đường, dùng cho vít qua da	Cái	1 Cái/Túi	60	Kim chọc có đường kính khoảng 3.0 mm, chiều dài ≥ 15 cm, mũi vát.	
336	Xi măng sinh học dùng trong tạo hình thân đốt sống	Bộ	1 Bộ/Hộp	80	Xi măng sinh học có độ nhớt thấp (low viscosity) chứa $\geq 30\%$ Bariumsulfat, khối lượng xi măng 20g (13,84g Polymethylmethacrylate, 6g Bariumsulfat, 0.16g Benzoyl peroxid) kèm ≥ 10 ml hoặc ≥ 10 g dung dịch pha (9,96ml Methyl methacrylate, 0.04 ml N,N-dimethyl-p-toluidine, 20ppm Hydroquinone). Lực nén > 80 MPa, Lực uốn cong > 3000 MPa, nhiệt độ đông cứng trong khoảng > 60 đến < 80 độ. Thời gian làm việc > 14 phút ở nhiệt độ 23 độ C	
337	Kim chọc đẩy xi măng tương thích với vít đa trục bơm xi măng loại rỗng nòng	Cái	1 Cái/ Túi	120	Kim chọc đẩy xi măng tương thích với vít đa trục bơm xi măng loại rỗng nòng, có kích thước dài 50/100/200mm với chiều dài mũi kim khoảng 1.55mm hoặc khoảng 2.7mm	
338	Vít đa trục bơm xi măng loại rỗng nòng các size kèm ốc khóa trong	Cái	1 Cái/ Túi	120	Vít đa trục bơm xi măng loại rỗng nòng các size, chất liệu titanium hoặc tương đương, vít có lỗ trên thân để bơm xi măng, tương thích với nẹp dọc đường kính khoảng 5.5mm hoặc khoảng 6.0mm và vít ốc khóa trong đường kính khoảng 9,92mm. góc mở vít đa trục ≥ 50 độ. Góc vát của mũi vít ≥ 40 độ. kích thước mũi vít khoảng 16.7mm x 14mm. Vít ốc khóa trong ren vát ≥ 30 độ, chiều cao khoảng 4.5mm, khoảng cách bước ren ≥ 1.5 mm	
339	Nẹp dọc dùng cho vít bơm xi măng các size	Cái	1 Cái/ Túi	40	Nẹp dọc dùng cho vít bơm xi măng các size chất liệu titanium hoặc tương đương, đường kính khoảng 6.0mm, dài khoảng 600mm.	
340	Bộ bơm xi măng có bóng loại 2 bóng	Bộ	1 Bộ / Hộp	80	Bộ bơm xi măng cột sống 2 bóng gồm có: - 02 Bóng nong thân đốt sống: Bóng nong, thể tích bóng lần lượt 3/4/6ml tương ứng với các size 10mm/15mm/20mm. Áp suất của bóng nong ≥ 400 psi. Trên đầu bóng có điểm đánh dấu để quan sát qua màn tăng sáng kèm 02 bơm áp lực đẩy tay cầm dạng chữ T, thể tích xilanh ≥ 20 ml. - 02 Kim chọc dò qua đốt sống, cán nhựa, cỡ 11G dài khoảng 12.5 cm, kim là loại vào cuống trực tiếp - 01 Kim chọc dò tạo đường hầm vào thân đốt sống dạng mũi khoan dài khoảng 19 cm, đóng tiết trùng - 06 Kim chọc bơm xi măng vào thân đốt sống chiều dài khoảng 19.5cm, dung tích chứa được ≥ 1.5 cc xi măng - 01 Kim chọc sinh thiết xương đường kính 15G, dài khoảng 19cm kèm 01 ống chứa bệnh phẩm khoảng 13ml - 01 Bơm áp lực đẩy xi măng loại có tay quay, dạng kín, dung tích khoảng 40ml có thìa và phễu đổ xi măng và 4 xi lanh loại 5ml - 01 tấm trải vô trùng kích thước khoảng 100x100cm - 01 xi măng độ nhớt trung bình gồm: Xi măng xương có độ nhớt trung bình chứa $\geq 30\%$ Bariumsulfat: + Thành phần: Polymethyl Methacrylate, Bariumsulfat, Benzoyl peroxid	

STT	Tên VTTT	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
341	Đầu đốt sóng cao tần dùng cho cột sống, tạo hình nhân nhầy đĩa đệm và bệnh lý cơ, xương khớp	Cái	1 Cái / Túi	100	Đầu đốt tích hợp 3 chức năng trong 1 (dẫn đường/công bơm thuốc riêng biệt có các chế độ đốt RF (Continuous RF) PRF (Pulse radiofrequency-sóng cao tần xung ngắt quãng tiêu chuẩn) và STP Pulsed RF (sóng cao tần xung ngắt quãng ngẫu nhiên). Với các chiều dài 60/100/150/200mm kích thước tương ứng đường kính 21G/22G/20G/23 G. Kim có các chế độ kích thích dây thần kinh cảm giác (sensory stimulation), chế độ kích thích dây thần kinh vận động (motor stimulation). Kim có nhiều chế độ đốt: đơn cực, lưỡng cực và đa cực Kim tích hợp dây cáp điện kết nối đến máy đốt.	
342	Nẹp cổ trước	Cái	1 Cái / Túi	10	Nẹp cổ trước chất liệu titanium hoặc tương đương, Độ dày 2.0mm, chiều rộng 18.3mm. Nẹp có đường kính lỗ 4mm, thiết kế khóa an toàn cho vít. Độ gập góc $\pm 14^\circ$	
343	Vít cho nẹp cổ trước	Cái	1 Cái / Túi	86	Vít cổ trước chất liệu titanium hoặc tương đương, đường kính 4.5mm dài từ 14mm, có khả năng tự tào. Đường kính mũ vít 5.9mm, khoảng cách các bước ren 1.2mm	
344	Nẹp vis khóa đầu ngoài xương đòn	Cái	1 Cái / Túi	20	Nẹp khóa xương đòn mặt trước dùng vít 2.7/3.5mm có phần mở rộng, phải/trái, chất liệu titanium hoặc tương đương - Độ dày khoảng 3.0mm(± 1 mm), độ rộng khoảng 9.3mm(± 1 mm) - Số lỗ từ 3 đến 8 lỗ tương ứng với độ dài khoảng 69/81/94/105/123/135mm - Dùng vít khóa 2.7mm tự tào (chiều dài vít khoảng từ 6mm đến 40mm), vít khóa 3.5mm tự tào (chiều dài vít khoảng từ 10mm đến 80mm) và vít xương cứng 3.5mm tự tào (chiều dài vít khoảng từ 14mm đến 50mm.)	
345	Nẹp khóa bản hẹp	Cái	1 Cái / Túi	20	Nẹp khóa bản hẹp dùng vít 4.5/5.0 mm - Nẹp chất liệu titanium hoặc tương đương; - Độ dày nẹp khoảng 4.5mm(± 1 mm), độ rộng khoảng 14.5mm(± 1 mm); - Số lỗ 4/5/6/7/8/9/10/11/12/14/16 lỗ tương ứng độ dài khoảng 70/88/106/124/142/160/178/196/214/250/286mm - Dùng vít khóa 5.0mm tự tào (chiều dài vít khoảng từ 14mm đến 90mm.) và vít xương cứng 4.5mm tự tào (chiều dài vít khoảng từ 22mm đến 70mm)	

STT	Tên VTTT	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
346	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	Cái	1 Cái / Túi	10	<p>Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium hoặc tương đương; - Độ dày khoảng 3.2mm(\pm1mm), độ rộng khoảng 13mm(\pm1mm); - Số lỗ: + Loại dài 5/6/8/10/12 lỗ tương ứng độ dài khoảng 142/160/196/232/268 mm; + Loại ngắn: 3/5 lỗ tương ứng với độ dài 90/115mm - Dùng vít khóa 3.5mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 10mm đến 80mm) và vít xương cứng 3.5mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 14mm đến 50mm.) 	
347	Nẹp khóa thân xương cánh tay	Cái	1 Cái / Túi	10	<p>Nẹp khóa bản hẹp dùng vít 4.5/5.0 mm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nẹp chất liệu titanium hoặc tương đương; - Độ dày nẹp khoảng 4.5mm(\pm1mm), độ rộng khoảng 13.5mm(\pm1mm); - Số lỗ 4/5/6/7/8/9/10/11/12/14/16 lỗ tương ứng độ dài khoảng 70/88/106/124/142/160/178/196/214/250/286mm - Dùng vít khóa 5.0mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 14mm đến 90mm.) và vít xương cứng 4.5mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 22mm đến 70mm) 	
348	Nẹp chữ Y đầu dưới xương cánh tay	Cái	1 Cái / Túi	10	<p>Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài có móc đỡ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium hoặc tương đương; - Độ dày khoảng 3.8mm(\pm1mm), độ rộng khoảng 11mm(\pm1mm) - Số lỗ từ 3/5/7/9/11/14 lỗ tương ứng độ dài khoảng 65/91/117/143/169/208mm - Đầu nẹp dùng vít khóa 2.7mm tự taro , thân nẹp dùng vít khóa 3.5mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 10mm đến 80mm) và vít xương cứng 3.5mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 14mm đến 50mm.) 	
349	Nẹp khóa bản hẹp cẳng tay	Cái	1 Cái / Túi	20	<p>Nẹp khóa bản hẹp dùng vít 4.5/5.0 mm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nẹp chất liệu titanium hoặc tương đương; - Độ dày nẹp khoảng 4.5mm(\pm1mm), độ rộng khoảng 13.5mm(\pm1mm); - Số lỗ 4/5/6/7/8/9/10/11/12/14/16 lỗ tương ứng độ dài khoảng 70/88/106/124/142/160/178/196/214/250/286mm - Dùng vít khóa 5.0mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 14mm đến 90mm.) và vít xương cứng 4.5mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 22mm đến 70mm) 	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
350	Nẹp khóa đầu dưới xương quay	Cái	1 Cái / Túi	30	Nẹp khóa chữ T đầu dưới xương quay dùng vít 3.5 mm - Chất liệu titanium hoặc tương đương; - Độ dày khoảng 2mm(\pm 1mm), độ rộng khoảng 10mm(\pm 1mm) - Số lỗ 3/4/5/6/7 lỗ tương ứng độ dài khoảng 50/59/67/76/85mm - Dùng vít khóa 3.5mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 10mm đến 80mm) và vít xương cứng 3.5mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 14mm đến 50mm.)	
351	Nẹp vít bàn ngón tay	Cái	1 Cái / Túi	30		
352	Nẹp đầu trên xương đùi	Cái	1 Cái / Túi	10	Nẹp khóa đầu trên xương đùi mặt bên - Chất liệu titanium hoặc tương đương; - Độ dày nẹp khoảng 5.6mm(\pm 1mm), độ rộng khoảng 18.5mm(\pm 1mm) - Số lỗ 5/7/9/11/13 tương ứng độ dài khoảng 156/196/236/276/310mm - Dùng vít khóa 5.0mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 14mm đến 90mm.) và vít xương cứng 4.5mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 22mm đến 70mm)	
353	Nẹp khóa thẳng bản rộng	Cái	1 Cái / Túi	20	Nẹp khóa bản rộng 4.5/5.0 mm - Nẹp chất liệu titanium hoặc tương đương; - Độ dày nẹp khoảng 5.6mm(\pm 1mm), độ rộng khoảng 17.5mm(\pm 1mm); - Số lỗ 5/6/7/8/9/10/11/12/14/16/18/20/22 lỗ tương ứng độ dài khoảng 88/106/124/142/160/178/196/214/250/286/322/358/394mm - Dùng vít khóa 5.0mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 14mm đến 90mm.) và vít xương cứng 4.5mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 22mm đến 70mm)	
354	Nẹp khóa lồi cầu đùi	Cái	1 Cái / Túi	20	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi phải/trái - Chất liệu titanium hoặc tương đương; - Độ dày khoảng 6.5mm(\pm 1mm), độ rộng khoảng 16.5mm(\pm 1mm) - Số lỗ từ 5/7/9/11/13 lỗ tương ứng với độ dài khoảng 156/196/236/276/316 mm - Dùng vít khóa 5.0mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 14mm đến 90mm.) và vít xương cứng 4.5mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 22mm đến 70mm)	
355	Nẹp đầu trên xương chày	Cái	1 Cái / Túi	20	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt bên chân phải/trái - Chất liệu titanium hoặc tương đương; - Độ dày khoảng 4.5mm(\pm 1mm), độ rộng khoảng 11.2mm(\pm 1mm) - Số lỗ 5/7/9/11/13 tương ứng độ dài khoảng 140/180/220/260/300mm - Dùng vít khóa 5.0mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 14mm đến 90mm.) và vít xương cứng 4.5mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 22mm đến 70mm)	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
356	Nẹp thân xương chày	Cái	1 Cái / Túi	20	Nẹp khóa bản hẹp dùng vít 4.5/5.0 mm - Nẹp chất liệu titanium hoặc tương đương; - Độ dày nẹp khoảng 4.5mm(±1mm), độ rộng khoảng 13.5mm(±1mm); - Số lỗ 4/5/6/7/8/9/10/11/12/14/16 lỗ tương ứng độ dài khoảng 70/88/106/124/142/160/178/196/214/250/286mm - Dùng vít khóa 5.0mm tự taro chiều dài vít khoảng từ 14mm đến 90mm.) và vít xương cứng 4.5mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 22mm đến 70mm)	
357	Đinh Titan nội tủy xương chày	Cái	1 Cái / Túi	40		
358	Nẹp khóa đầu dưới xương chày	Cái	1 Cái / Túi	40	Nẹp khóa đầu dưới xương chày, trái, phải, - Chất liệu titanium hoặc tương đương - Độ dày khoảng 3.7mm(±1mm), độ rộng khoảng 11.4mm(±1mm) - Số lỗ 4/6/8/10/12 lỗ tương ứng với độ dài khoảng 117/144/171/198/225 mm - Dùng vít khóa 3.5mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 10mm đến 80mm) và vít xương cứng 3.5mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 14mm đến 50mm.)	
359	Nẹp khóa sinh lý đầu dưới xương mác	Cái	1 Cái / Túi	30		
360	Nẹp khóa xương gót	Cái	1 Cái / Túi	10	Nẹp khóa xương gót dùng vít 3.5mm, Chất liệu titanium hoặc tương đương, trái/phải - Độ dày khoảng 2.0mm(±1mm), độ dài khoảng 70mm(±1mm) - Số lỗ 13/15 lỗ - Dùng vít khóa 3.5mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 10mm đến 80mm) và vít xương cứng 3.5mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 14mm đến 50mm)	
361	Đinh Stenman đường kính các cỡ	Cái	1 Cái / Túi	40	Đường kính từ 4.0 đến 5.0, dài từ 180 đến 500mm. Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương.	
362	Troca nội soi khớp	Cái	1 Cái/Gói	5	Ống troca dẫn đường có ren xoắn trong suốt cho phép trực quan dụng cụ và chỉ khâu đi qua trong nội soi khớp Có công bên có thể được sử dụng cho dòng tưới dịch chảy ra, nếu cần. Kích cỡ(I.DxL): 6mm x 7 cm/ 7mm x 7cm/ 8.25mm x 7cm	
363	Chỉ khâu sụn chêm	Cái	1 Cái/Gói	2	Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương và Fiberwire Kích thước: kim dài kèm chỉ dệt bản khoảng 0.9mm, dài khoảng 38 inches Sử dụng cho kỹ thuật khâu sụn chêm từ trong ra ngoài	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
364	Khớp gối nhân tạo	Bộ	1 Bộ/ Hộp	6	<p>1.Lõi cầu đùi. Chất liệu Cobalt Chrome(CoCr) hoặc tương đương, độ dày cạnh khoảng 9mm, độ gập gối tối đa ≥ 155 độ, xoay trong/ngoài ≥ 12.5 độ, rãnh bánh chè được thiết kế phù hợp với khớp gối tự nhiên. Có 13 cỡ mỗi bên trái và phải với bước nhảy 2mm/cỡ, tương thích với kích thước xương bệnh nhân châu Á, độ rộng trong ngoài từ 56mm đến 80mm và độ rộng trước sau từ 52mm đến 76mm.</p> <p>2.Lớp lót mâm chày. Chất liệu Polyethylene siêu cao phân tử liên kết chéo bổ sung thành phần vitamin E (E-XPE) giúp tăng khả năng chịu mài mòn, tăng độ cứng vật liệu và chống Oxi hóa. Lớp lót XUC mặt dưới có gờ khóa bằng cơ chế khóa ngầm, cùng với rãnh trượt phía dưới giúp tránh được sự mài mòn. Lớp lót có độ dốc sau 5° và cạnh trước cao 12.5mm tăng khả năng chống trượt ra trước. Lớp lót có 5 cỡ tương ứng cho mỗi kích thước mâm chày là 9mm, 11mm, 13mm, 15mm, 18mm.</p> <p>3.Mâm chày. Chất liệu bằng hợp kim Titanium Alloy hoặc tương đương với thiết kế dạng module có đầu chò để gắn thêm miếng ghép titanium bù xương hoặc có thể gắn thêm chuỗi nối dài xuống dưới xương chày khi có nhu cầu. Mâm chày có 8 cỡ từ 0 đến 7, không phân biệt</p>	
365	Khớp háng toàn phần không xi măng metal on PE	Bộ	1 Bộ/ Hộp	10	<p>1. Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy hoặc tương đương được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám và phủ HA 0.08mm. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có 2 loại: ít lỗ vít (Cluster) hoặc nhiều lỗ vít (Multi hole), có 14 cỡ từ 44mm đến 70mm với bước chuyển 2mm. Cạnh ổ cối có đánh dấu laser chỉ hướng. Có các lỗ vít với hướng xoay 32°. Các lỗ vít đều có nút chặn. Vít ổ cối bằng Titanium hoặc tương đương dài 15 đến 50mm.</p> <p>2. Lớp lót: bằng Polyethylene Crosslink siêu bền có bổ sung vitamin E giúp tăng khả năng chịu mài mòn, tăng độ cứng vật liệu và chống Oxi hóa. Lớp lót có 2 dạng (0° và 20°) Đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm.</p> <p>3. Chòm xương đùi: bằng Cobalt Chrome siêu nhẵn hoặc tương đương; kích thước 28mm (-3mm, +0mm, +2,5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm), 32mm (-3mm, +0mm, +2.5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm) và chòm lớn 36mm (-3mm, +0mm, +5mm, +10mm) với taper 12/14.</p> <p>4. Chuỗi xương đùi UTF-reduced: loại cổ định đầu gần, dạng nêm 2 chiều và cổ trơn, chất liệu Titanium Alloy hoặc tương đương, phun Titanium Plasma nhám. Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 22.8mm đến 43.5mm. Góc cổ thân 130°</p>	
366	Khớp háng toàn phần có Xi măng	Bộ	1 Bộ/ Hộp	3		
367	Khớp háng bán phần có Xi măng	Bộ	1 Bộ/ Hộp	3		

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
368	Khớp háng toàn phần chuỗi dài không Xi măng.	Bộ	1 Bộ/ Hộp	2	<p>1. Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy hoặc tương đương được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám và phủ HA 0.08mm. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có 2 loại: ít lỗ vít (Cluster) hoặc nhiều lỗ vít (Multi hole), có 14 cỡ từ 44mm đến 70mm với bước chuyển 2mm. Cạnh ổ cối có đánh dấu laser chỉ hướng. Có các lỗ vít với hướng xoay 32 độ. Các lỗ vít đều có nút chặn. Vít ổ cối bằng Titanium dài 15 đến 50mm.</p> <p>2. Lớp lót: bằng Polyethylene Crosslink siêu bền có bổ sung vitamin E giúp tăng khả năng chịu mài mòn, tăng độ cứng vật liệu và chống Oxi hóa. Lớp lót có 2 dạng (0° và 20°) Đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm.</p> <p>3. Chỏm xương đùi: bằng Cobalt Chrome siêu nhẵn hoặc tương đương; kích thước 28mm (-3mm, +0mm, +2,5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm), 32mm (-3mm, +0mm, +2.5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm) và chỏm lớn 36mm (-3mm, +0mm, +5mm, +10mm) với taper 12/14.</p> <p>4. Chuỗi dài không xi măng U2 Revision: bằng vật liệu Titanium Alloy hoặc tương đương dạng hình nêm 3 chiều chống xoay và cổ tron, phun Titanium Plasma nhám toàn thân, góc cổ thân 130°, taper 12/14, cuối chuỗi vuốt nhọn tránh nứt gãy xương đùi tại vị trí cuối chuỗi. Chuỗi có 2 dạng: dạng thẳng có chiều dài</p>	
369	Chỉ siêu bền	Cái	1 Cái/Gói	20	<p>Vật liệu: chỉ siêu bền đa sợi có lõi làm bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) hoặc tương đương và được bọc ngoài bằng lớp bên của Polyester và UHMWPE giúp cho chỉ khâu siêu chắc chắn, linh hoạt và chống mài mòn, phù hợp cho các ca phẫu thuật chấn thương chỉnh hình.</p> <p>Chỉ dài khoảng 38 inches liên kim 26.5mm hình dạng 1/2 vòng tròn.</p> <p>Lực tải tại mức dịch chuyển 3mm là ≥ 46 lbf (tải trọng động).</p> <p>Lực tải tối đa đạt ≥ 88lb.</p>	
370	Lưới mài xương	Cái	1 Cái/Gói	5	<p>Được thiết kế để mài xương, tích cực trong các thủ thuật tạo hình và giải áp xương đòn, cơ delta</p> <p>Đầu mài dạng Oval có 8 rãnh răng</p> <p>Đầu lưới mài bằng hợp kim không gỉ</p> <p>Đường kính 4 mm, 5mm, 5.5mm, chiều dài làm việc 130mm</p>	
371	Xương nhân tạo dạng hạt 10cc	Gói	Gói / Hộp	10	<p>Thành phần gồm Biphasic Calcium Phosphate (HA/β-TCP) trong đó 60% HA/ 40% β-TCP. Độ phủ xốp khoảng 70%, kích thước độ xốp trung bình trong khoảng từ 300 đến 600 Micromét. Lọ 10cc</p>	
372	Xương nhân tạo dẻo 5cc	Gói	Gói / Hộp	10	<p>- Vật liệu thủy tinh hoạt tính Bioactive glass 45S5 có thành phần cấu tạo 45% SiO₂, 24,5% Na₂O, 24,5% CaO, 6% P₂O₅</p> <p>- Đóng gói dạng Xi lanh, sử dụng ngay không cần pha chế</p> <p>- Đóng gói 5 cc trong Xi lanh</p>	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
373	Xi măng xương có kèm Gentamicin	Gói	Gói / Hộp	20	Xi măng được đóng gói 2 thành phần - Khoảng 40 Gam bột Radiopaque Polymer Powder bao gồm: 82.48 % Poly(methyl acrylate /methyl methacrylate), 0.86 % Benzoyl peroxide, 14.70 % Zirconium dioxide và 1.96 % Gentamicin sulfate - Khoảng 20 ml chất lỏng Monomer Liquid bao gồm: 98.47% Methyl methacrylate1 (Stabilized with Hydroquinone), 1.53% DmpT (N-dimethyl-p-toluidine) Độ nhớt cao. Thời gian làm việc khoảng 6 phút. Có chất chỉ thị màu để phân biệt với xương trên hình ảnh X.Quang.	
374	Nẹp móc đầu ngoài xương đòn	Cái	Cái/ Túi	5	Chất liệu Titanium hoặc tương đương. Móc dài khoảng 15mm, Độ dày nẹp khoảng 3.6mm, rộng khoảng 11mm, Có 3 lỗ đầu, Số lỗ thân Có từ 2 đến 7 lỗ, chiều dài nẹp từ $\leq 45\text{mm}$ đến $\geq 95\text{mm}$.	
375	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản dùng nhiều lần	Bộ	Bộ / Hộp	65	- Loại 2 dây kéo - Tương thích ống soi đường kính 9.5mm đến 13mm - Chiều dài dây điều khiển: $\geq 120\text{ cm}$ - Số vòng thắt: 4, 6, 10 vòng - Tay điều khiển có thể xoay 2 chiều (Bộ đầy đủ bao gồm tay điều khiển, đầu thắt 4/6/10 vòng cao su, adaptor tưới rửa, dây mỗi)	
376	Đầu thắt Tĩnh mạch thực quản	Cái	Cái / Hộp	700	- Vòng thắt chất liệu Latex tự nhiên hoặc tương đương - Tương thích với Tay quay có ngã bom kênh hút xả 9.8Fr, đường kính đầu kết nối ống soi 8.6mm đến 11.6mm. - Dây thắt dài $\geq 140\text{ cm}$ - Bao gồm 6 vòng thắt.	
377	Kim sinh thiết dạ dày 180cm	Cái	1 Cái / Túi	60	Kim sinh thiết dạ dày qua nội soi hàm oval -Chiều dài 1800 mm($\pm 10\text{mm}$), đường kính 2.3 mm -Tương thích kênh ống soi từ 2.8mm trở lên	
378	Kim sinh thiết nóng 230cm	Cái	1 Cái / Túi	10	Kim sinh thiết nóng qua nội soi hàm oval, có chân cắm kết hợp cắt đốt điện đơn cực -Đường kính 2.3 mm, chiều dài 2300 mm($\pm 10\text{mm}$) -Tương thích kênh ống soi từ 2.8 mm trở lên	
379	Thùng lọng cắt Polyp	Cái	1 Cái / Túi	300	Thùng lọng cắt polyp qua nội soi tiêu hóa. -Chất liệu thép không rỉ hoặc tương đương, lọng hình Oval -Chiều dài 2400mm($\pm 10\text{mm}$), đường kính lọng từ 15 đến 30mm. -Tương thích với kênh ống soi từ 2.8mm trở lên	
380	Kim sinh thiết dùng 1 lần	Cái	01 Cái/ Túi	350	Kim sinh thiết dùng 1 lần (dùng cho súng sinh thiết dùng nhiều lần), đường kính kim 18G, độ dài 16cm.	
381	Kim sinh thiết đại tràng 230cm	Cái	1 Cái / Túi	50	Kim sinh thiết đại tràng, vỏ chất liệu thép không rỉ hoặc tương đương, hàm kim hình Oval, có kim hoặc không kim định vị, chiều dài làm việc 230cm($\pm 1\text{ cm}$). Đường kính kênh làm việc 2.8mm.	
382	Kim tiêm cầm máu 230cm	Cái	1 Cái / Túi	50	Kim tiêm cỡ từ 19G đến 25G có chốt hãm độ nhô. Độ nhô 4mm, 7mm. Kênh làm việc 2.8mm. Chiều dài làm việc: 230cm ($\pm 1\text{ cm}$).	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
383	Clip titan các cỡ	Cái	180 Cái/ Hộp	4.000	Clip kẹp mạch máu chất liệu titan hoặc tương đương hình chữ V, có rãnh hình trái tim giúp clip giữ chắc chắn trên hàm kẹp tránh rơi clip khi kẹp. Cấu tạo vi giúp người dùng dễ dàng lấy clip. Các cỡ S, M, ML.	
384	Clip kẹp mạch máu polymer Hemolok các cỡ	Cái	84 Cái/ Hộp	1.000	Clip kẹp mạch máu Hem-o-lok chất liệu polymer không tiêu không tiêu hoặc tương đương, không dẫn điện, dẫn nhiệt và không ảnh hưởng đến CT, MRI và X-quang. Cơ chế kẹp lạnh giúp cầm máu an toàn và gai dọc thân clip với chân bám 360 độ chống trượt. Các cỡ M, ML, L, XL. Cỡ M kẹp mạch từ 2 đến 7mm, ML kẹp mạch từ 3 đến 10mm, L kẹp mạch từ 5 đến 13mm, XL kẹp mạch từ 7 đến 16mm.	
385	Tăm bông lấy mẫu bệnh phẩm cán gỗ vô trùng	Chiếc	100 Chiếc / Túi	10.000	Chất liệu ống, nắp, bằng nhựa, que bằng gỗ, đầu cotton, chiều dài 175mm(±5mm) . Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng bằng EO Gas hoặc tương đương. Được sử dụng để thu thập, lưu trữ, truyền mẫu vật. Được sử dụng rộng rãi trong nha khoa, da liễu, phụ khoa, tiết niệu và các mẫu bệnh phẩm khác.	
386	Catheter niệu quản	Cái	1 Cái / Túi	200	Ống thông được làm bằng Pebax làm bằng Pebax, dài 70cm(± 0.5cm), đường kính: 3fr đến 7fr. Đầu mở.	
387	Bộ dây tưới kiểm soát lưu lượng	Cái	10 Cái/Hộp	10	Bộ dây tưới, kiểm soát lưu lượng, loại dùng một lần, phù hợp dùng cho máy Endomat Select.	
388	Miếng dán phẫu thuật dùng cho tán sỏi qua da	Cái	1 Cái/ gói	1.000	- Cỡ 45x 45cm - Có phễu thu sỏi - Chất liệu: Polyurethane hoặc tương đương - Thoáng khí và không thấm nước	
389	Dao cắt điếm	Cái	1 Cái/Túi	5	Dao kim có ba kênh lumen: kênh dành cho dây dẫn, kim tiêm, lưỡi dao. Tay cầm 3 ring dễ dàng điều khiển. Đầu kim thiết kế góc xiên linh hoạt tăng độ chính xác trong khi sử dụng Đường kính cán: 7.0 đến 5.5F, chiều dài ống thông catheter 200cm(±1cm) tương thích dây dẫn hướng 0.035inch.	
390	Bóng kéo sỏi 3 kênh, các cỡ	Cái	Cái / hộp	10	Bóng kéo sỏi, có 2 dải cân quang ở đầu và cuối bóng, có 3 kênh Chất liệu bóng: cao su dày hoặc tương đương, chất lượng cao giúp tăng độ bền và giảm nguy cơ nổ bóng khi kéo sỏi Đường kính bơm bóng: có thể lựa chọn loại 8.5-11.5-15mm hay 15-18-20mm Vị trí ra thuốc cân quang: có thể lựa chọn ra phía trên hoặc phía dưới bóng Tương thích guidewire: có thể lựa chọn giữa 2 loại: guidewire đi trong lòng dụng cụ hoặc guidewire kết nối ở đầu cuối dụng cụ Phù hợp kênh làm việc đường kính 2.8mm hoặc 3.2mm Chiều dài làm việc 1900mm(±10 mm) hoặc 1950mm (±10 mm) Đường kính đầu cuối 5.5Fr. Có phần kết nối với ống soi(C-hook).	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
391	Bóng nong cơ oddi, các cỡ	Cái	1 Cái/Túi	3	Bóng nong hỗ trợ 2 điểm đánh dấu cân quang nằm dưới bóng nong để giúp đặt đúng vị trí qua đoạn hẹp. Tất cả các bóng nong được thiết kế để cung cấp ba đường kính khác nhau ở ba áp suất riêng biệt trong quá trình giãn nở. Đường kính bóng các kích cỡ từ khoảng 6mm đến 20mm; chiều dài bóng khoảng 5.5 cm; kênh làm việc 2.8/3.2mm; đường kính ống thông catheter khoảng 7.5Fr; chiều dài làm việc 180cm (± 1 cm) hoặc 240cm(± 1 cm) tương thích với dây dẫn hướng 0.035 inch.	
392	Tay bơm bóng nong cơ oddi	Cái	1 Cái/Túi	1	Bộ đo áp lực hỗ trợ kiểm soát bơm bóng Dụng cụ bơm/ xẹp khí và áp suất cho bóng nong có 1 tay cầm có nắp khóa khi đạt mức bơm cho phép. Thiết bị cũng bao gồm một áp kế có mặt hiển thị 0 đến 26 atm, một xi-lanh khoảng 20ml và ống nối.	
393	Bóng nong đường mật, các cỡ	Cái	Cái / hộp	2	Bóng nong loại lồng sắn dây dẫn hướng 0.035", cạnh bóng tròn, vật liệu trong suốt, có đánh dấu cân quang ở đầu cuối bóng, đánh dấu ở giữa bóng Chiều dài làm việc: Khoảng 2400mm (± 10 mm) Kênh làm việc tối thiểu: 2.8mm Chiều dài bóng: 55mm/65mm, Đường kính bơm: 6-7-8mm/ 8.5-9.5-10.5mm / 11-12-13mm/ 13.5-14.5-15.5mm/ 16-17-18mm/ 18-19-20mm Áp lực bơm: ≥ 2 atm	
394	Tay bơm bóng nong đường mật	Cái	Cái / hộp	1	Dụng cụ bơm bóng, áp lực bơm ≥ 15 atm (bar), dung tích xy lanh khoảng 60cc	
395	Catheter nong đường tụy, các cỡ	Cái	Cái / hộp	2	Kênh làm việc tối thiểu: 2.2mm hoặc 2.8mm Chiều dài làm việc: khoảng 1950mm (± 10 mm) Đường kính đầu tip: 2.5 Fr/3.5Fr/4 Fr/4.5 Fr/6 Fr Tương thích dây dẫn hướng: 0.035"/0.025" Hình dạng đầu tip: đầu thuôn ngắn, đầu thuôn dài, tiêu chuẩn, dạng thuôn, dạng tròn, đầu hình cầu	
396	Dây dẫn đường mật, tụy, các cỡ	Cái	Cái / hộp	10	Dây dẫn đường có hình dạng đầu cuối dạng đầu thẳng hoặc đầu cong Chiều dài làm việc: 2700mm (± 10 mm) hoặc 4500mm (± 10 mm) Chiều dài lớp phủ ưa nước (hydrophilic): khoảng 70mm Đường kính ngoài tối đa: 0.63mm hoặc 0.74mm Chiều dài đoạn đánh dấu: khoảng 20mm Chiều dài đoạn đánh dấu X: khoảng 310mm	
397	Bộ dây stent đường mật các cỡ	Cái	Cái / hộp	5	Bộ dây stent, đầu cuối có cân quang, có C-Hook, chiều dài làm việc khoảng 1900mm (± 10 mm), tương thích dây guidewire 0.035", tương thích với các loại stent: 7Fr/ 8.5Fr/ 10Fr/ 12Fr	

STT	Tên VTTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
398	Stent nhựa đường mật các cỡ	Cái	Cái / hộp	50	Stent đường mật: loại thẳng/loại cong tá tràng/loại cong giữa/loại đuôi heo. Chất liệu Ethylene Vinyl Acetate hoặc tương đương, mềm, đầu hình nón, có vạt và lỗ bên để giữ stent không bị trôi và chống tắc stent, có thể nhìn thấy rõ được dưới tia X. Đường kính stent 7Fr/8.5Fr/10Fr/12Fr, tương thích với kênh sinh thiết từ 2.8mm trở lên. Chiều dài giữa 2 vạt: có thể lựa chọn giữa các loại có chiều dài: 50mm/ 60mm/ 70mm/ 80mm/ 90mm/ 100mm/ 110mm/ 120mm/ 130mm/ 140mm/ 150mm/ 160mm/ 170mm/ 180mm	
399	Stent nhựa đường tụy các cỡ	Cái	Cái / hộp	5	Stent dẫn lưu đường tụy loại thẳng, chất liệu mềm và thiết kế đường viền giảm thiểu tổn thương ống tụy, có các lỗ bên, kích thước 7Fr, chiều dài giữa 2 vạt bên cỡ 20 mm/40 mm/60 mm/80 mm	
400	Catheter thăm dò đường mật, tụy các cỡ	Cái	1 Cái/Túi	2	Đầu cannula được thiết kế với nhiều loại: tiêu chuẩn, đầu tròn, thon, 5-4-3 (đầu cannula thon từ 5Fr đến 3Fr). Ống thông cannulas có đường kính ngoài 5Fr; Chiều dài làm việc 210cm(\pm 1cm), tương thích với dây dẫn hướng từ 0.018/ 0.025inch/ 0.035inch	
401	Sonde dẫn lưu tụy mũi	Cái	Cái / Túi	1		
402	Sonde mũi nang, sonde mũi mật (5Fr - 7Fr)	Cái	Cái / Túi	2		
403	Dụng cụ lấy dị vật loại 5 chấu dùng để lấy bệnh phẩm hoặc polyp	Cái	1 Cái/Túi	10	Kìm gấp dị vật dùng 1 lần loại 5 chấu, đầu kìm làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương, chiều dài làm việc từ khoảng 700mm đến 2300mm, đường kính 1.8mm/ 2.4mm.	
404	Vợt lấy dị vật	Cái	1 Cái/Túi	20	Vợt hút dị vật hình Oval. Chiều dài làm việc 160cm(\pm 1cm) hoặc 230cm(\pm 1cm), đường kính 30mm, tương thích với kênh làm việc 2.8mm.	
405	Nắp bảo vệ đầu dây soi dạ dày	Cái	10 Cái/Hộp	50	Nắp bảo vệ đầu dây soi dạ dày được thiết kế hỗ trợ tầm nhìn của dây soi trong khi thăm khám và điều trị nội soi, đường kính ngoài nắp: 11.35mm-13.4mm; đường kính ngoài đầu tip dây soi: 8.9-9.5 mm đến 10.9-11.8mm; chiều dài 4mm.	
406	Nắp bảo vệ đầu dây soi đại tràng	Cái	10 Cái/Hộp	50	Nắp bảo vệ đầu dây soi đại tràng được thiết kế hỗ trợ tầm nhìn của dây soi trong khi thăm khám và điều trị nội soi, đường kính ngoài nắp: 15mm-15.7mm; đường kính ngoài đầu tip dây soi: 12.6-13.2mm đến 13.4-13.9mm; chiều dài 4mm.	
407	Sonde nhuộm màu dạ dày - đại tràng, các cỡ	Cái	Cái / hộp	5	Ống dẫn nhuộm màu dạ dày hoặc đại tràng sử dụng nhiều lần, chiều dài làm việc 1650 mm (\pm 10 mm)/ 1900 mm (\pm 10 mm)/2400 mm (\pm 10 mm), đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.0 mm hoặc 2.8 mm	
408	Sonde hồng tràng	Cái	Cái / Túi	5	Sonde hồng tràng qua đường mũi, dùng để nuôi ăn ngắn hạn hoặc đưa thuốc vào ruột non - Sonde cỡ 8 Fr và 10 Fr. Chiều dài khoảng 240 cm - Dây dẫn cỡ 0.035 inch, chiều dài khoảng 260 cm. - Chiều dài ống nối ở mũi dài khoảng 50cm Tương thích kênh ống soi 3.2 và 3.7 mm,	

STT	Tên VTTT	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
409	Thùng lọng cắt polyp, dạng cắt nóng dùng 1 lần, các cỡ	Cái	10 Cái/Hộp	180	Lọng cắt polyp dùng một lần - Lọng thắt polyp hình oval - Dây bên dày giúp đông máu và kiểm soát tối đa - Tay cầm tích hợp với các vạch đo Thông số kỹ thuật: - Chiều dài làm việc khoảng 2300 mm(± 10 mm); - Độ mở: 10mm hoặc 15 mm hoặc 25 mm - Đường kính kênh làm việc tối thiểu: 2.8 mm - Đường kính dây: khoảng 0.47 mm	
410	Thùng lọng cắt polyp, dạng cắt nóng dùng nhiều lần	Cái	1 Cái/Túi	20	Thùng lọng được thiết kế hình Oval, hình lục giác, hình bán nguyệt tay cầm bằng nhựa. Thùng lọng làm bằng thép không gỉ. Chiều dài làm việc 100cm (± 1 cm)/160cm(± 1 cm)/ 210cm(± 1 cm)/ 230cm(± 1 cm)/250cm(± 1 cm), đường kính vỏ 1.8mm/ 2.4mm tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.0mm/ 2.8mm.	
411	Thùng lọng cắt polyp, dạng cắt lạnh, các cỡ	Cái	10 Cái/Hộp	30	Lọng cắt polyp dùng một lần - Có khả năng cắt nóng hoặc cắt lạnh - Lọng thắt polyp hình lục giác Thông số kỹ thuật: - Chiều dài làm việc 2300 mm(± 10 mm); - Độ mở: 10mm hoặc 15 mm - Đường kính kênh làm việc tối thiểu: 2.8 mm - Đường kính dây: khoảng 0.3 mm	
412	Thùng lọng cắt polyp hình bán nguyệt, các cỡ	Cái	10 Cái/Hộp	20	Lọng cắt polyp dùng một lần - Lọng thắt polyp hình bán nguyệt (hình lưỡi liềm) - Tích hợp tay cầm có chia vạch Thông số kỹ thuật: - Chiều dài làm việc: 1650mm(± 10 mm)/ 2300 mm(± 10 mm); - Độ mở: 25 mm - Đường kính kênh làm việc tối thiểu: 2.0 mm - Đường kính dây: khoảng 0.3 mm	
413	Đầu gắn ống soi đại tràng chuyên dụng để chẩn đoán chuyên sâu (Endocuff), các cỡ	Cái	8 Cái / Hộp	5	Đầu gắn ống soi đại tràng chuyên dụng để chẩn đoán chuyên sâu (Endocuff), các cỡ nhỏ hoặc trung bình hoặc lớn hoặc cực lớn	
414	Ngáng miệng có dây	Cái	50 Cái/Hộp	50	Ngáng miệng có gắn sẵn dây đeo, dùng 1 lần, tương thích với tất cả các ống soi mềm dạ dày, đại tràng và khí phế quản .	
415	Ngáng miệng không có dây	Cái	Cái / Hộp	50	Ngáng miệng không có dây, dùng nhiều lần, tương thích với tất cả ống soi dạ dày với đường kính tối đa ≥ 15 mm	
416	Dao cắt đầu sứ	Cái	2 Cái/Hộp	5	- Dao cắt hút niêm mạc với đầu được bọc sứ có tính năng cách điện. Dao có các tính năng như: đánh dấu điểm, cắt hút, tiêm phồng và cầm máu. - Chiều dài dao 1.5mm, 2mm, 4mm; chiều dài làm việc 1650mm(± 10 mm), 1950mm(± 10 mm), 2350mm(± 10 mm). - Đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm	
417	Dao cắt đầu tam giác	Cái	Cái / Hộp	5	Lưỡi dao có hình tam giác, loại có kênh tưới rửa, chiều dài làm việc: khoảng 1650mm, đường kính kênh dụng cụ 2.8mm, chiều dài dao cắt 4.5mm, chiều dài đầu tam giác: 0.4mm, hỗ trợ phương pháp cắt cơ qua nội soi đường miệng .	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
418	Kim điện đông, các cỡ	Cái	Cái / Hộp	20	Chiều dài làm việc 1650mm(\pm 10mm)/1950 mm (\pm 10mm)/2300mm(\pm 10mm), đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm hoặc 3.2 mm, độ mở ngàm 4mm hoặc 5mm, tính năng xoay được. Đầu thuôn nhọn và kết cấu chống trượt giúp cầm máu an toàn, hỗ trợ kỹ thuật cắt hết dưới niêm mạc.	
419	Dây dẫn thực quản	Cái	2 Cái/Hộp	2	Dây dẫn cấu tạo lõi Nitinol hoặc tương đương chống xoắn, có các điểm đánh dấu dễ dàng định vị qua ống soi. Có 2 điểm đánh dấu cân quang tại 10cm và 15cm. Đầu tít dạng thẳng, dạng cong Dây dẫn được bao phủ bằng một lớp Endo-glide hoặc tương đương tạo độ trơn để điều hướng và dẫn đường cho các dụng cụ một cách dễ dàng 2 đầu tít được phủ lớp vật liệu ưa nước: 1 đầu 5cm và 1 đầu 10cm. Chiều dài dây dẫn khoảng 260cm(\pm 1cm). Đường kính dây dẫn hướng 0.035inch	
420	Nong ống cứng	Cái	Cái / Túi	1		
421	Dụng cụ tán bã thức ăn	Cái	Cái / Túi	2		
422	Dây tán laser cỡ 272 μ m loại dùng nhiều lần với chuẩn chân cắm SMA	Chiếc	Chiếc /Hộp	50	Dây tán laser cỡ 272 μ m loại dùng nhiều lần (Tối thiểu \geq 10 lần) với Chuẩn chân cắm SMA, sử dụng với máy phát laser Holmium có bước sóng từ 800-2100 nm, chiều dài của dây tán \geq 3m, công suất sử dụng tối đa 371,9 W, bán kính cong tối thiểu của dây \leq 10 mm Sử dụng tương thích với máy tán sỏi Jena Surgical	
423	Dây tán laser cỡ 365 μ m loại dùng nhiều lần với chuẩn chân cắm SMA	Chiếc	Chiếc /Hộp	50	Dây tán laser cỡ 365 μ m loại dùng nhiều lần (Tối thiểu \geq 10 lần) với Chuẩn chân cắm SMA, sử dụng với máy phát laser Holmium có bước sóng từ 800-2100 nm, chiều dài của dây tán \geq 3m, công suất sử dụng tối đa 669,7 W bán kính cong tối thiểu của dây \leq 40 mm Sử dụng tương thích với máy tán sỏi Jena Surgical	
424	Dây tán laser cỡ 550 μ m loại dùng nhiều lần với chuẩn chân cắm SMA	Chiếc	Chiếc /Hộp	50	Dây tán laser cỡ 550 μ m loại dùng nhiều lần (Tối thiểu \geq 10 lần) với Chuẩn chân cắm SMA, sử dụng với máy phát laser Holmium có bước sóng từ 800-2100 nm, chiều dài của dây tán \geq 3m, công suất sử dụng tối đa 1520,5 W bán kính cong tối thiểu của dây \leq 60 mm Sử dụng tương thích với máy tán sỏi Jena Surgical	
425	Dây tán laser cỡ 600 μ m loại dùng nhiều lần với chuẩn chân cắm SMA	Chiếc	Chiếc /Hộp	20	Dây tán laser cỡ 600 μ m loại dùng nhiều lần (Tối thiểu \geq 10 lần) với chuẩn chân cắm SMA, sử dụng với máy phát laser Holmium có bước sóng từ 800-2100 nm, chiều dài của dây tán \geq 3m, công suất sử dụng tối đa 1808,6 W, bán kính cong tối thiểu của dây \leq 66 mm Sử dụng tương thích với máy tán sỏi Jena Surgical	
426	Dây tán laser cỡ 800 μ m loại dùng nhiều lần với chuẩn chân cắm SMA	Chiếc	Chiếc /Hộp	20	Dây tán laser cỡ 800 μ m loại dùng nhiều lần (Tối thiểu \geq 10 lần) với chuẩn chân cắm SMA, sử dụng với máy phát laser Holmium có bước sóng từ 800-2100 nm, chiều dài của dây tán \geq 3m, công suất sử dụng tối đa 3215,4 W, bán kính cong tối thiểu của dây \leq 88 mm Sử dụng tương thích với máy tán sỏi Jena Surgical	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
427	Bông ép sọ não 1.5 cm x 5cm vô trùng	Cái	10 Cái/ gói	650	Bông hút nước (100% cotton), màu trắng, không bụi bẩn - Tốc độ hút nước $\leq 10s$ - Độ acid bazo: trung tính - Chất tan trong ether: $\leq 0,5\%$ - Độ ẩm: $\leq 8\%$ - Sản phẩm tiệt trùng bằng khí E.O hoặc tương đương - Kích thước khoảng 1.5cm x 5cm	
428	Bông ép sọ não 4cm x 5cm vô trùng	Cái	10 Cái/ gói	600	Bông hút nước (100% cotton), màu trắng, không bụi bẩn - Tốc độ hút nước $\leq 10s$ - Độ acid bazo: trung tính - Chất tan trong ether: $\leq 0,5\%$ - Độ ẩm: $\leq 8\%$ - Sản phẩm tiệt trùng bằng khí E.O hoặc tương đương - Kích thước khoảng 4cm x 5cm	
429	Sáp xương	Miếng	12 Miếng/Hộp	100	Sáp cầm máu dùng cho xương là hỗn hợp tiệt trùng gồm sáp ong trắng (80%) và isopropyl palmitate (20%). Mỗi gói chứa 2.5g sáp tiệt trùng. Đóng gói bao bì riêng.	
430	Băng ghim dùng cho mạch máu/ mô mỏng	Cái	6 Cái/ Hộp	18	Chất liệu Ghim làm bằng hợp kim titan hoặc tương đương Chiều dài đường ghim khoảng 60mm tương ứng với chiều dài đường cắt khoảng 57mm Ghim dùng cho mạch máu/ mô mỏng Chiều cao ghim mở khoảng: 2.6mm Số lượng ghim: ≥ 88 Tương thích với dụng cụ ghim cắt nối nội soi gấp góc 60mm	
431	Băng ghim dùng cho mô thường	Cái	6 Cái/ Hộp	18	Đinh ghim chất liệu bằng hợp kim titanium hoặc tương đương Chiều dài đường ghim khoảng 60mm tương ứng với chiều dài đường cắt khoảng 57mm Có nhiều loại ghim với chiều dày khác nhau để phù hợp với từng loại mô Chiều cao ghim mở nằm trong khoảng: 2.6 đến 4.1mm Số lượng ghim ≥ 60 Tương thích với dụng cụ ghim cắt nối nội soi gấp góc 45mm, 60mm	
432	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi gấp góc sử dụng cơ cỡ 60mm	Cái	1 Cái/ Hộp	10	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc cỡ 60mm Chiều dài cán: khoảng 340mm Gấp góc 45° giúp tăng khả năng tiếp cận tổ chức trong phẫu trường hẹp. 3 điểm tiếp xúc, độ mở hàm 22mm. Lưỡi dao hình chữ C giúp cắt mô hiệu quả. Dao làm bằng thép không gỉ mác thép 400 hoặc tương đương để tăng độ bền.	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
433	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi gấp góc sử dụng cơ cỡ 45mm	Cái	1 Cái /Hộp	10	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc cỡ 45mm Chiều dài cán: khoảng 340mm Gấp góc 45° giúp tăng khả năng tiếp cận tổ chức trong phẫu trường hẹp. 3 điểm tiếp xúc, độ mở hàm 22mm. Lưỡi dao hình chữ C giúp cắt mô hiệu quả. Dao làm bằng thép không gỉ mác thép 400 hoặc tương đương để tăng độ bền.	
434	Ghim khâu cho máy cắt nối nội soi gấp góc sử dụng cơ	Cái	1 Cái /Hộp	50	Đinh ghim chất liệu bằng hợp kim titanium hoặc tương đương Chiều dài đường ghim khoảng 45mm, với chiều dài đường cắt khoảng 42mm, Có nhiều loại ghim với chiều dày khác nhau để phù hợp với từng loại mô Chiều cao ghim mở nằm trong khoảng: 2.6 đến 4.1mm Số lượng ghim ≥ 60 Tương thích với dụng cụ ghim cắt nối nội soi gấp góc 45mm, 60mm	
435	Dụng cụ cắt nối tự động thẳng mở mô	Cái	1 Cái /Hộp	50	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mở mô có chiều cao chân ghim điều chỉnh được; Có chiều cao chân ghim đóng: 1.5; 1.8; 2.0mm. Ghim có 6 hàng ghim, chiều dài đường ghim khoảng 81mm; chiều dài đường cắt khoảng 78mm. Chiều cao chân ghim điều chỉnh được thích hợp với nhiều độ dày mô khác nhau. Tương thích với Băng ghim cho dụng cụ ghim cắt thẳng	
436	Ghim cho máy cắt nối tự động thẳng	Cái	1 Cái /Hộp	50	Băng ghim có đinh ghim bằng hợp kim titanium hoặc tương đương Ghim có 6 hàng ghim, chiều dài đường ghim khoảng 81mm; chiều dài đường cắt khoảng 78mm Chiều cao chân ghim điều chỉnh được thích hợp với nhiều độ dày mô khác nhau Tương thích với dụng cụ ghim cắt thẳng.	
437	Dụng cụ khâu cắt nối vòng đầu cong	Cái	1 Cái /Hộp	10	Dụng cụ khâu nối vòng Có nhiều kích cỡ, có tối thiểu 3 kích cỡ Chiều cao chân ghim mở trong khoảng: 5mm đến 6mm Số lượng ghim nằm trong khoảng: 20ghim đến 30 ghim Phạm vi ép mô rộng có thể điều chỉnh phù hợp theo các độ dày mô	
438	Dụng cụ cắt trĩ 2 vòng khâu theo phương pháp Longo	Cái	1 Cái/ Hộp	50	Thông số kỹ thuật: Hai hàng ghim. Số lượng 32 ghim. Đường kính ngoài 33.5mm(± 0.5 mm). Chiều rộng 4mm. Chiều cao khoảng 4.3mm Tiệt trùng bằng ethylene oxide hoặc tương đương.	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
439	Kim đốt sóng cao tần đơn cực	Cái	1 Cái /Hộp	50	Bộ gồm: - 01 kim đốt sóng cao tần, chiều dài kim đốt khoảng 15 cm, chiều dài đầu đốt từ khoảng 20 mm đến 30mm, kèm theo dây dẫn nước làm mát. Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương. Kích thước kim: 17G. Đóng gói vô trùng. - 01 miếng dán điện cực trung tính có công nghệ an toàn dự báo nhiệt độ tại điểm tiếp xúc. - Các kim đơn có thể kết nối đường nước làm lạnh với nhau và cùng kết nối tương thích với hệ thống máy đốt u bằng sóng cao tần Cooltip E Series. Tối đa lên tới 3 kim đơn cùng lúc. Kiểm soát nhiệt độ tại đầu kim đốt: Từ -5 đến 105 độ C, độ phân giải 1 độ C, độ chính xác ± 4 độ C	
440	Ống thông đường mật dạng chữ T các cỡ	Cái	Cái / Túi	100	Chất liệu làm từ cao su tự nhiên hoặc tương đương, mạ Silicon .Được sử dụng để thông túi mật. Bộ phận kết nối có đường kính lớn hơn các bộ phận khác. Kích cỡ: Fr10 đến Fr26. Đóng gói vô khuẩn từng Cái.	
441	Trocar nhựa an toàn không dao	Cái	6 Cái/Hộp	6	Có tối thiểu 3 cỡ Đường kính nằm trong khoảng: 5mm đến 12mm Chiều dài khoảng 100mm ($\pm 5\%$) Ống ngoài có rãnh cố định Van giữ khí gồm 4 mảnh xếp chồng lên nhau Có khóa giữ camera Chiều dài đầu nối khí ≤ 11 mm Đường kính khoảng 7.6mm ($\pm 5\%$).	
442	Bình dẫn lưu áp lực 125ml	Cái	1 Cái / Túi	800	Gồm bình chứa và trocar. Bình có sẵn với thể tích 125ml. Có van chống trào ngược. Trên vỏ bình được in 1 thang đo tiêu chuẩn để tạo điều kiện cho phép đo gần đúng lượng chất lỏng. Ống dẫn lưu được làm bằng silicon hoặc tương đương.	
443	Bình dẫn lưu áp lực 200ml	Cái	1 Cái / Túi	800	Gồm bình chứa và trocar. Bình có sẵn với thể tích 200ml. Có van chống trào ngược. Trên vỏ bình được in 1 thang đo tiêu chuẩn để tạo điều kiện cho phép đo gần đúng lượng chất lỏng. Ống dẫn lưu được làm bằng silicon hoặc tương đương.	
444	Dẫn lưu 200ml bình tròn dẹt	Cái	1 Cái / Túi	1.000	Bao gồm: Bình áp lực 3 lò xo dung tích 200ml, dây PVC hoặc tương đương, kết nối chữ Y, dây xả và van trocar. Bình áp lực 3 lò xo được thiết kế chống xẹp. Dây nối có vạch cân quang dài khoảng 120cm. Chiều dài giùi khoảng 13cm, ống dây hút hình chữ Y dài khoảng 73cm.	
445	Dẫn lưu 400ml bình tròn dẹt	Cái	1 Cái / Túi	1.000	Bao gồm: Bình áp lực 3 lò xo dung tích 400ml, dây PVC hoặc tương đương, kết nối chữ Y, dây xả và van trocar. Bình áp lực 3 lò xo được thiết kế chống xẹp. Dây nối có vạch cân quang dài khoảng 120cm. Chiều dài giùi khoảng 13cm, ống dây hút hình chữ Y dài khoảng 73cm.	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
446	Bộ gây tê ngoài màng cứng	Bộ	1 Bộ/ Túi	400	<ul style="list-style-type: none"> - Catheter ngoài màng cứng 19G, có 3 lỗ, độ dài 100cm ± 5% có vạch chia độ, được làm từ polyurethane hoặc tương đương, đầu có lò xo - Bộ lọc 0.2µm - Kim gây tê ngoài màng cứng loại 17G, có vạch chia độ - Bom tiêm giảm kháng lực: 10ml - Bộ dẫn hướng kích thước (DxR): 1.8cm x 1.5cm, có cánh lái (0.8cm x 0.5cm) - Nòng kim gây tê được làm từ thép hoặc tương đương - Cánh kim gây tê ngoài màng cứng kích thước (DxR): 4cm x 1cm 	
447	Vôi Soda	Can	0 Can/Thùng	150	Dùng để hấp thụ khí CO2 trong phòng chống độc. Thành phần chính Ca(OH)2. NaOH, hạt màu trắng, sáng hoặc hồng nhạt. Quy cách can ≥ 4.5 kg	
448	Điện cực trung tính đôi người lớn	Cái	1 Cái / Túi	400	Tấm dán điện cực trung tính, dùng cho người lớn, chất liệu hydrogel, loại tấm đôi, có phần kẹp điện cực, cỡ khoảng 176x122mm, diện tích phần dán khoảng 110cm ² (± 5 cm ²)	
449	Dầu tra dụng cụ, 50 ml, không chứa silicone	Lọ	1 Lọ/Gói	3	Dầu tra dụng cụ, 50 ml, không chứa silicone	
450	Gọng HFNC các cỡ	Cái	1 Cái / Túi	140	<ul style="list-style-type: none"> Cannula thở dòng cao qua mũi cho người lớn - Tốc độ dòng: size S: 10-50 l/phút, size M và size L: 10-60 l/phút - Nhiệt độ: 34 độ C hoặc 37 độ C - Thành dây cannula có vật liệu bán thấm giúp hơi nước khuếch tán ra ngoài, giảm đọng nước - Tích hợp kẹp giúp cố định trên áo người bệnh giữ ống tránh tuột - Hai miếng đệm má mềm, cố định gọng mũi tại chỗ và giảm áp lực tì đè - Gọng mũi thiết kế phù hợp giải phẫu của mũi - Dây cố định quanh đầu có thể điều chỉnh độ dài - Các kích cỡ có mã màu riêng biệt - Vật liệu chính: Thermoplastic elastomers, polyethylene (PE), polypropylene (PP), acetal, polyester elastomer, ABS, nylon - Không chứa cao su tự nhiên hay phtalates (DEHP, DBP, BBP) - Kết nối chuẩn với bộ dây thở AirSpiral máy Airvo2 (F&P) 	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
451	Gọng mũi bất đối xứng HFNC các cỡ	Cái	1 Cái / Túi	100	<p>Cannula thở dòng cao không đối xứng qua mũi cho người lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ dòng: size S: 10-50 l/phút, size M và size L: 10-60 l/phút - Thành dây cannula có vật liệu bán thấm giúp hơi nước khuếch tán ra ngoài, giảm đọng nước - Tích hợp kẹp giúp cố định trên áo người bệnh giữ ống tránh tuột - Thiết kế với đường kính gọng mũi có kích thước khác nhau, giúp giảm khoảng chết, công thở, độ ồn, tăng áp lực - Các kích cỡ có màu riêng biệt - Vật liệu chính: Thermoplastic elastomers, polyethylene (PE), polypropylene (PP), acetal, polyester elastomer, ABS, nylon - Không chứa cao su tự nhiên hay phtalates (DEHP, DBP, BBP) - Thời hạn sử dụng tối đa ≥ 14 ngày cho người bệnh /1 lần sử dụng. - Kết nối chuẩn với bộ dây thở AirSpiral máy Airvo2 (F&P) 	
452	Gọng HFNC trẻ em các cỡ	Cái	1 Cái / Túi	40	<p>Canuala thở mũi , gồm các size L, XL</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tương thích với máy thở HFNC Airvo2 (F&P) - Dây mềm, chống gập chống rối. - Vật liệu an toàn (nhựa TPE, gel hydrocolloid, nhựa ABS, thép không gỉ), không chứa latex, PVC, phthalates (DEHP, DBP, BBP). - Có đệm dán cố định 2 lớp, không gây tổn thương da và tháo rời dễ vệ sinh được. - Cannula ôm sát tối ưu với mũi bé một cách ổn định mà không cần siết chặt. - Thời hạn sử dụng tối đa ≥ 7 ngày cho người bệnh /1 lần sử dụng. - Tùy chọn kích thước L, XL được mã hóa màu sắc và biểu tượng khác nhau cho trẻ từ 0.5 kg đến 30kg. 	
453	Gọng HFNC qua mở khí quản	Cái	1 Cái / Túi	80	<ul style="list-style-type: none"> - Kết nối chuẩn với đầu lỗ mở khí quản - Lưu lượng 10-60 l/ phút - Có nắp chống bắn đờm ra ngoài. - Cổng kết nối mở khí quản khoảng 15 mm - Thành dây có vật liệu bán thấm giúp thoát hơi nước ra ngoài, giảm đọng nước - Có dây đeo qua cổ. - Thời hạn sử dụng tối đa ≥ 14 ngày cho người bệnh /1 lần sử dụng. - Kết nối chuẩn với bộ dây thở AirSpiral máy Airvo 2 (F&P) 	
454	Filter lọc khuẩn dùng nhiều lần tương thích với máy HFNC	Cái	2 Cái/Hộp	110	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu suất lọc $> 99.9997\%$ vi khuẩn, lọc $> 99.99\%$ virus. - Filter dùng nhiều lần. - Tương thích với máy Airvo 2 	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
455	Bộ bình làm ẩm có cổng phun khí dung và dây thở dòng cao; tương thích với máy HFNC Airvo 2	Bộ	1 Bộ / Túi	220	<p>BÌNH LÀM ẨM</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể tích nén ≥ 280ml. Độ giãn nở 0.4 mL/cmH₂O - Trở kháng dòng ở 60 L/phút: 0.52 cmH₂O - Áp lực vận hành tối đa: ≥ 8 kPa - Có phao kép giúp tự động dừng dòng chảy đảm bảo lượng nước không quá mức cho phép - Tích hợp cổng gắn đầu phun khí dung với nắp đậy <p>DÂY THỜ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dây thở gia nhiệt 2 lớp với dây gia nhiệt tích hợp vào thành dây thở, xoắn xen kẽ túi khí cách nhiệt với môi trường bên ngoài (2 vòng xoắn kép) - Tốc độ dòng: 2 - 60 L/phút - Chiều dài: ≥ 1.8m, có cảm biến đo nhiệt độ cuối dây thở - Có kẹp giúp cố định dây thở trên áo người bệnh. - Thời hạn sử dụng tối đa ≥ 14 ngày cho người bệnh /1 lần sử dụng. - Chứng nhận tương thích với máy thở dòng cao (HFNC) AIRVO 2 	
456	Mask thở NIV	Cái	1 Cái / Túi	10	<p>Mặt nạ có lỗ thông hơi và van chống ngạt dùng cho người > 30 kg</p> <p>Có rãnh luồn ống thông dạ dày để tránh rò rỉ khí. Dây đai cố định đỉnh đầu thay đổi được kích thước. Bao gồm thước đo khuôn mặt để chọn cỡ mặt nạ phù hợp. Lớp đệm tự động điều chỉnh để kín khít hình dạng sống mũi bệnh nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khoảng chết < 325 cm³ + Áp lực: 4-25 cmH₂O + Trở kháng tại 50 L/m là 0.26 cmH₂O; tại 100L/m là 0.63 cmH₂O + Gồm 3 size: S, M, L + Tương thích với máy thở Philips V60 	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
457	Đầu phun khí dung	Cái	1 Cái / Túi	100	<ul style="list-style-type: none"> -Đầu phun sử dụng cho 1 bệnh nhân. - Sử dụng công nghệ màng phun dao động điện hoặc tương đương - Màng rung đục khoảng 1000 lỗ nhỏ, dao động với tần số 128000 lần/giây. -Kích thước đầu phun nhỏ gọn. -Kích thước hạt khí dung rất nhỏ, lắng đọng thuốc đến tận phế nang. -Không tăng nhiệt độ quá 10°C so với nhiệt độ bình thường. -Thời gian phun nhanh hơn, thể tích cặn nhỏ hơn. - Tương thích với máy phun khí dung của hãng Aerogen -Thông số kỹ thuật: + Kích thước (Cao x Rộng x Sâu): khoảng 67 x 48 x 25 mm + Thể tích chứa thuốc: 6 mL -Thông số hiệu quả hoạt động: + Kích thước hạt trung bình: 3.1 μm + Tốc độ phun thuốc: > 0.2 mL/phút + Thể tích cặn thấp: < 0.1 ml khi phun 3ml thuốc + Độ ồn khi hoạt động: < 35 dB, đo ở khoảng cách ≤0.3 m 	
458	Chỉ thép liền kim	sợi	4 sợi / Vỉ	50	Chỉ thép liền kim, dài khoảng 75cm, kim tam giác ngược khoảng 55mm, 1/2C.	
459	Bộ dụng cụ vệ sinh răng miệng đặt biệt	Bộ	Bộ / Hộp	12.000	<p>Bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bàn chải đánh răng có công hút dịch <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng: vệ sinh răng, miệng bệnh nhân hàng ngày - Công hút dịch âm điều chỉnh khi sử dụng - Dài 19.5cm(± 1cm) - Lớp lông cọ mềm để vệ sinh răng - Lớp bọt biển để vệ sinh phần lưỡi, nướu 2. Bàn cọ: <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng vệ sinh các mảng bám và các dịch tiết ở phần nướu, lợi. Lớp bọt biển mềm thiết kế hình sóng lượn tạo cảm giác âm ái, không gây tổn thương cho niêm mạc. Chiều dài: 15cm(± 1cm) 3. Gói dung dịch vệ sinh răng miệng khoảng 10ml(±0.5 ml) <ul style="list-style-type: none"> - Có tác dụng tạo ẩm, chống khô miệng, hôi miệng, tiêu diệt ≥99.9% các loại virus, loại bỏ vi khuẩn và mảng bám giúp tăng cường lợi ích của nước bọt lạnh mạnh, giảm cảm giác khô rát, khó chịu nơi cổ họng, trung hòa axit, do đó duy trì sự cân bằng trung tính của pH. 4. Cốc đựng ≥15ml 	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
460	Ống Cryovinal có nắp vận	ống	25 ống/ Túi	10.000	- Đường kính: khoảng 12.5mm - Dung tích 1.8ml, vô trùng, chống xoay - đường kính ngoài: khoảng 0.492in - Hình dạng: tròn, nắp vận. - Chất liệu: Polypropylene hoặc tương đương, Dnase Free - Chiều dài: khoảng 48mm(\pm 2mm) - Khả năng chứa: khoảng 0.06086 oz.	
461	Dao cắt tiêu bản (Dao cắt mô)	Cái	Cái / Túi	100	Chất liệu: Thép không ri hoặc tương đương Kích thước: khoảng 80x8x0.25mm Góc cắt: 35 độ	
462	Dao cắt ESD IT Knife	Cái	Cái / Túi	10		
463	Dao cắt bệnh phẩm	hộp	12 cái/ Hộp	8		
464	Dao đánh dấu ESD Dual Kni	Cái	Cái / Túi	8		
465	Dao mổ mỏng	Chiếc	6 Chiếc / Hộp	150		
466	Giấy in máy nghe tim thai	Cuộn	Cuộn / Túi	50		
467	Dao cắt cơ Oddi đầu tip ngắn	Cái	Cái / Túi	10	"Dao cắt cơ vòng qua nội soi, -Có 3 kênh cho dao, dây dẫn và bơm cân quang. Có thể tiêm cân quang cùng lúc đi dây dẫn trong dao. -Chiều dài catheter khoảng 200cm(\pm 1cm), tương thích dây dẫn 0.035inch, dùng với kênh ống soi từ 2.8mm trở lên. -Đầu tip dao có cỡ 0 và 5 mm, chiều dài dao cắt cỡ 20/25/30 mm. Đường kính thân dao khoảng 2.55/2.1 mm	
468	Dao cắt cơ Oddi đầu tip dài	Cái	2 Cái/Hộp	5	Dao cắt cơ vòng với tay cầm 3 ring có thể xoay, có 4 điểm đánh dấu cân quang giúp dễ dàng quan sát khi nội soi, đầu dao nhọn giúp, có chiều dài dây cắt 20mm - 25mm - 30mm, đường kính 2.5mm, chiều dài đầu tip 5mm. Dao có chiều dài làm việc khoảng 200cm(\pm 1cm), tương thích dây dẫn hướng 0.035 inch. Có thể định hướng cắt an toàn 1h	
469	Kìm sinh thiết dạ dày ngàm mở lớn dùng nhiều lần	Cái	Cái / Hộp	20	Kìm sinh thiết dạ dày, chất liệu thép không ri hoặc tương đương, không vỏ bọc, hàm kim hình Oval, không kim định vị, chiều dài làm việc 180cm(\pm 1cm). Đường kính kênh làm việc khoảng 2.3mm.	
470	Kìm sinh thiết dạ dày ngàm mở nhỏ dùng nhiều lần	Cái	Cái / Hộp	20	Kìm sinh thiết dạ dày, chất liệu thép không ri hoặc tương đương, không vỏ bọc, hàm kim hình Oval, không kim định vị, chiều dài làm việc 180cm(\pm 1cm). Đường kính kênh làm việc khoảng 1.8mm.	
471	Kìm sinh thiết dạ dày ngàm mở lớn dùng nhiều lần có kim	Cái	Cái / Hộp	4	Kìm sinh thiết dạ dày, chất liệu thép không ri hoặc tương đương, không vỏ bọc, hàm kim hình Oval, có kim định vị, chiều dài làm việc 230cm(\pm 1cm). Đường kính kênh làm việc khoảng 3mm.	
472	Kìm sinh thiết dạ dày ngàm mở nhỏ dùng nhiều lần có kim	Cái	Cái / Hộp	4	Kìm sinh thiết dạ dày, chất liệu thép không ri, không vỏ bọc, hàm kim hình Oval, có kim định vị, chiều dài làm việc 180cm(\pm 1cm). Đường kính kênh làm việc khoảng 2.3mm.	

STT	Tên VTTH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
473	Kìm sinh thiết đại tràng dùng nhiều lần	Cái	Cái / Hộp	50	Kìm sinh thiết đại tràng, chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, không vỏ bọc, hàm kìm hình Oval, không có kim định vị, chiều dài làm việc 230cm(\pm 1cm). Đường kính kênh làm việc khoảng 2.3mm.	
474	Kìm sinh thiết dạ dày dùng 1 lần vỏ sắt	Cái	Cái / Hộp	50	Kìm sinh thiết dạ dày qua nội soi hàm oval, không vỏ bọc -Chiều dài 180cm(\pm 1cm), đường kính khoảng 2.3 mm -Tương thích kênh ống soi từ 2.8mm trở lên	
475	Kìm sinh thiết dạ dày dùng 1 lần vỏ nhựa	Cái	Cái / Hộp	600	Kìm sinh thiết dạ dày qua nội soi hàm oval, có vỏ bọc -Chiều dài 180cm(\pm 1cm), đường kính khoảng 2.3 mm -Tương thích kênh ống soi từ 2.8mm trở lên	
476	Kìm sinh thiết đại tràng dùng 1 lần vỏ nhựa	Cái	Cái / Hộp	300	Kìm sinh thiết đại tràng qua nội soi hàm oval, có vỏ bọc -Chiều dài 230cm(\pm 1cm), đường kính khoảng 2.3mm -Tương thích kênh ống soi từ 2.8mm trở lên	
477	Kìm sinh thiết đại tràng dùng 1 lần vỏ sắt	Cái	Cái / Hộp	300	Kìm sinh thiết đại tràng qua nội soi hàm oval, không vỏ bọc -Chiều dài 230cm(\pm 1cm), đường kính 2.3mm -Tương thích kênh ống soi từ 2.8mm trở lên	
478	Hemoclip đóng mở nhiều lần xoay 2 chiều	Cái	Cái / Hộp	300	Clip cầm máu trong nội soi tiêu hóa -Chiều dài 210cm(\pm 1cm), độ mở 15mm, đường kính 2.6mm -Xoay được 360 độ, đóng mở nhiều lần	
479	Hemoclip đóng mở nhiều lần xoay 1 chiều	Cái	Cái / Hộp	300	Clip cầm máu trong nội soi tiêu hóa -Chiều dài 230cm(\pm 1cm), độ mở hàm 15mm, góc hàm 135° -Xoay được 360 độ, đóng mở nhiều lần	
480	Kìm tiêm cầm máu dùng 1 lần	Cái	Cái / Hộp	300	Chiều dài làm việc 230cm(\pm 1cm), Mũi kim dài khoảng 4mm. Đường kính mũi kim 0,7mm. Đầu TIP bằng kim loại. Tay cầm có khóa.	
481	Kìm tiêm cầm máu dùng nhiều lần	Cái	1 Cái / Túi	30	Kìm tiêm cầm máu, kim tiêm làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương, ống bên trong và bên ngoài bằng kim loại. - Đường kính ống 1.8mm, chiều dài khoảng 70cm(\pm 1cm), đường kính kim 4/5mm, chiều dài kim 23/25G tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.0mm. - Đường kính ống 1.8mm, chiều dài khoảng 100cm(\pm 1cm), 160cm(\pm 1cm), đường kính kim 4/5/6mm, chiều dài kim 23/25G tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.0mm. - Đường kính ống 2.4mm, chiều dài khoảng 160cm(\pm 1cm), 220cm(\pm 1cm) đường kính kim 4/5/6mm, chiều dài kim 21/23/25G tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm.	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
482	Lọng thất chân polyp lớn	Cái	5 Cái/Hộp	300	Lọng thất cường polyp cầm máu đường tiêu hóa được thiết kế vòng tròn đôi; tách rời với tay sử dụng. Độ mở từ 30-40mm. Độ cao: 55-70mm	
483	Cán lọng thất chân polyp lớn	Cái	1 Cái/Hộp	10	Dụng cụ thất cường polyp có vỏ nhựa, đường kính ngoài 2.7mm; hoặc không có vỏ nhựa với đường kính ngoài khoảng 2.1mm, tương thích đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.8mm; Chiều dài làm việc được sử dụng 1650mm(±10mm),1950mm(±10mm),2300mm(±10mm).	
484	Kim Gắp dị vật dùng một lần	Cái	Cái / Hộp	15	Kim gắp dị vật qua nội soi tiêu hóa. -Chất liệu thép không rỉ hoặc tương đương, thân có phủ Teflon hoặc tương đương, tay cầm nhựa -Có các loại hàm: răng chuột, răng cá sấu, răng chuột kết hợp răng cá sấu -Đường kính thân khoảng 2.3mm , chiều dài khoảng 180cm(± 1cm). -Tương thích kênh ống soi từ 2.8 mm trở lên	
485	Stent kim loại thực quản các cỡ	Cái	Cái / Hộp	10	- Stent chất liệu Nitinol hoặc tương đương, đường kính stent: khoảng 20mm - Có 2 đầu loe chống di lệch stent, đường kính 2 đầu loe khoảng 25mm - Phủ màng silicon toàn bộ stent - Có van chống trào ngược, chống trào ngược dịch dạ dày - Có điểm đánh dấu cản quang - Vòng thu hồi stent bằng thép hoặc tương đương - Chiều dài stent: 85mm(± 1cm) ; 110mm(± 1cm) ; 135mm(± 1cm) ; 150 mm(± 1cm). - Đường kính bộ đặt stent: 18Fr/28Fr hoặc 16/22Fr	
486	Dao cắt hút niêm mạc	Cái	2 Cái/Hộp	20	Dao cắt hút niêm mạc với 4 tính năng: đánh dấu điểm, cắt hút, tiêm phòng và cầm máu. Hình dạng đầu dao chữ I, chữ T, hình núp. Dao có đầu sứ cách điện hoặc không có đầu sứ cách điện. Chiều dài dao 1.5mm - 2mm - 4mm, chiều dài làm việc 1650mm(±10mm), 1950mm(±10mm), 2350mm(±10mm) tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm.	
487	Bóng hơi nóng tâm vị	Cái	Cái / Hộp	5	Bóng nóng tâm vị -Có các cỡ 30/35/40 mm -Chiều dài bóng 80 mm(± 1cm) -Catheter dài ≥100 cm, đường kính 14 Fr -Áp lực tối đa (psi/atm): khoảng 25/1.8 -Tương thích với dây dẫn đường kính 0.035 inch	
488	Bộ mở thông dạ dày loại đẩy	Cái	Cái / Hộp	20	Bộ mở thông dạ dày qua da 24FR, một bộ bao gồm: ống nuôi ăn silicone, 1 dây vòng, 1 dây cáp, 2 đầu chuyển đổi, 1 núm khóa bằng silicone, 1 dao mổ, 1 kim dẫn lớn, 1 bơm tiêm 5ml, 1 kim 25G và 1 tấm khăn phủ.	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
489	Stent cầm máu thực quản	Cái	Cái / Hộp	2	<p>Stent kim loại cầm máu thực quản chất liệu Nitinol hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ đặt stent có thể tháo rời, có thể đặt dễ dàng không cần qua nội soi, có thể kiểm soát dưới X-Ray (màn hình tăng sáng) - Cầm máu bằng cách nén trực tiếp các tĩnh mạch, bệnh nhân có thể duy trì ăn uống qua đường miệng sau khi đặt stent - Bộ đặt stent cỡ 9.4 mm (28 Fr) / 6.6 mm (20 Fr), chiều dài 60cm - Đường kính đầu/ thân stent 30/25 mm, dài 135 mm - Có các điểm đánh dấu cản quang ở 2 đầu stent và thân stent. - Vòng thu hồi stent ở cả 2 đầu chất liệu hợp kim y tế có độ bền cơ học cao và kháng Axit - Bộ thu hồi stent cỡ 28 Fr, chiều dài 100cm(± 1cm), dây kéo/ thu hồi stent đường kính 2.6mm, dài khoảng 150cm(± 1cm) - Bao gồm bộ đặt stent được lắp sẵn, dây dẫn hướng, bộ thu hồi stent. - Stent có thể thu hồi dễ dàng qua nội soi sau 7 ngày 	
490	Kim tiêm xơ	Cái	1 Cái/ Túi	50	<ul style="list-style-type: none"> - Kim tiêm có chốt hãm, được thiết kế dạng nút bấm, có thể đóng mở bằng 1 tay - Chiều dài làm việc: 180cm(± 1cm). - Mũi kim dài khoảng 5mm, Đường kính mũi kim 0.7mm. Đầu kim vát - ống bơm trong suốt, kiểm soát dòng chảy - Đầu Tip bằng kim loại - Tay cầm có khóa - Vô trùng 	
491	Keo sinh học Histoacryl	Tuyp	Tuýp/ Túi	100		
492	Kim gây tê thần kinh	Cái	Cái/ Túi	200		
493	Bộ xốp điều trị vết thương áp lực âm kèm đầu hút dịch có cảm biến cỡ lớn	Bộ	Bộ / Hộp	10	<p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 miếng xốp dạng mắt lưới hoặc tương đương kích thước khoảng $\geq 26 \times 15 \times 3$cm, chất liệu Polyurethane hoặc tương đương, chống nước, kích cỡ các lỗ khoảng ≤ 600 micron; - Tối thiểu ≥ 01 băng dán cố định chống kích ứng da - 01 Bộ dây dẫn dịch (Bao gồm: 01 một ống hút chính và đầu nối tích hợp cảm biến/cảm ứng theo dõi tắc/dò, có kẹp ống khoá dẫn) - 01 thước giấy đo kích thước vết thương và ghi ngày giờ bắt đầu sử dụng. 	

STT	Tên VTTT	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
494	Bộ xốp điều trị vết thương áp lực âm kèm đầu hút dịch có cảm biến áp lực – cỡ vừa	Bộ	Bộ / Hộp	30	Bao gồm: - 01 miếng xốp dạng mắt lưới hoặc tương đương kích thước khoảng $\geq 18 \times 12.5 \times 3$ cm, chất liệu Polyurethane hoặc tương đương, chống nước, kích cỡ các lỗ khoảng ≤ 600 micron; - Tối thiểu ≥ 01 băng dán cố định chống kích ứng da - 01 Bộ dây dẫn dịch (Bao gồm: 01 một ống hút chính và đầu nối tích hợp cảm biến/cảm ứng theo dõi tắc/dò, có kẹp ống khoá dẫn) - 01 thước giấy đo kích thước vết thương và ghi ngày giờ bắt đầu sử dụng.	
495	Bộ xốp điều trị vết thương áp lực âm kèm đầu hút dịch có cảm biến áp lực – cỡ nhỏ	Bộ	Bộ / Hộp	50	Bao gồm: - 01 miếng xốp dạng mắt lưới hoặc tương đương kích thước khoảng $\geq 10 \times 7.5 \times 3$ cm, chất liệu Polyurethane hoặc tương đương, chống nước, kích cỡ các lỗ khoảng ≤ 600 micron; - Tối thiểu ≥ 01 băng dán cố định chống kích ứng da - 01 Bộ dây dẫn dịch (Bao gồm: 01 một ống hút chính và đầu nối tích hợp cảm biến/cảm ứng theo dõi tắc/dò, có kẹp ống khoá dẫn) - 01 thước giấy đo kích thước vết thương và ghi ngày giờ bắt đầu sử dụng.	
496	Bình chứa dịch vết thương có gel 500ml và có khoang cảm biến áp lực dành cho máy hút áp lực âm	Bộ	Bộ / Hộp	100	Bình chứa dịch kín, dung tích khoảng 500ml, chất liệu nhựa, có cảm biến cảnh báo bình đầy, bên trong bình có chứa gel cô đặc dịch. (Sử dụng cho kỹ thuật VAC)	
497	Hệ thống dẫn lưu dung dịch rửa vết thương dành cho máy hút áp lực âm có truyền rửa	Bộ	Bộ / Hộp	20	Bao gồm: - Bộ phận hỗ trợ dẫn lưu dung dịch tưới rửa vào vết thương dành cho máy hút áp lực âm có truyền rửa	
498	Bộ xốp điều trị vết thương áp lực âm tưới rửa có phòng ngừa tổn thương da - cỡ vừa	Bộ	Bộ / Hộp	20	Bao gồm: - Tối thiểu ≥ 01 Miếng xốp dạng mắt lưới hoặc tương đương kích thước khoảng $\geq 17 \times 12.5 \times 1.8$ cm, chất liệu Polyurethane hoặc tương đương, chống nước, kích cỡ các lỗ khoảng ≤ 600 micron; - Tối thiểu ≥ 02 băng dán cố định chống kích ứng da; - 01 Bộ dây dẫn dịch (Bao gồm: 01 một ống hút chính, 01 ống truyền và đầu nối tích hợp cảm biến/cảm ứng theo dõi tắc/dò, có kẹp ống khoá dẫn) - 01 thước giấy đo kích thước vết thương và ghi ngày giờ bắt đầu sử dụng.	

STT	Tên VTTB	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
499	Bộ xóp điều trị vết thương áp lực âm tưới rửa có phòng ngừa tổn thương da - cỡ nhỏ	Bộ	Bộ / Hộp	10	Bao gồm: - Tối thiểu ≥ 01 Miếng xóp dạng mắt lưới hoặc tương đương kích thước khoảng $\geq 10 \times 7.5 \times 1.8$ cm, chất liệu Polyurethane hoặc tương đương, chống nước, kích cỡ các lỗ khoảng ≤ 600 micron; - Tối thiểu ≥ 01 băng dán cố định chống kích ứng da; - 01 Bộ dây dẫn dịch (Bao gồm: 01 một ống hút chính, 01 ống truyền và đầu nối tích hợp cảm biến/cảm ứng theo dõi tắc/dò, có kẹp ống khoá dẫn) - 01 thước giấy đo kích thước vết thương và ghi ngày giờ bắt đầu sử dụng.	
500	Casset nhựa	Cái	Cái / túi	5.000	Thành phần Vật liệu P.O.M hoặc tương đương Tính chất 100% chịu được ăn mòn hóa học và các dung môi giải phẫu Cấu tạo Lỗ hình vuông, kích thước lỗ khoảng $0.9\text{mm} \times 0.9\text{mm}$ Bề mặt phân ghi số bệnh nhân nghiêng 1 góc 40 độ, có thể in mã số bệnh nhân lên bằng máy in nhiệt Có nắp đậy	
501	Bộ phát năng lượng dao siêu âm không dây	Bộ	Bộ / Hộp	2	- Tần số dao động khoảng 55.5 kHz - Tín hiệu đèn LED và âm thanh báo hiệu tình trạng hoạt động của thiết bị - Bộ phát năng lượng siêu âm tái sử dụng chuyển đổi điện năng từ Pin thành năng lượng siêu âm để vận hành mũi dao hoạt động. Bộ phát năng lượng siêu âm có thể tiết trùng và tái sử dụng ≥ 150 lần	
502	Bộ sạc pin dao siêu âm không dây	Cái	Cái / Hộp	2	- Tái sử dụng nhiều lần - Sạc cùng lúc ≥ 04 pin - Bộ sạc pin kết nối với ổ cắm tiêu chuẩn và sạc các Pin tái sử dụng. Trạng thái hiển thị trên Bộ sạc pin biểu thị trạng thái của mỗi Pin	
503	Khay hấp tiệt trùng dùng cho dao siêu âm không dây	Cái	Cái / Hộp	2	- Tái sử dụng nhiều lần - Hấp tiệt trùng nhiệt độ cao - Hấp cùng lúc ≥ 01 đầu máy và ≥ 02 khay hỗ trợ thay lắp pin	
504	Khay lắp pin dao siêu âm không dây	Cái	Cái / Hộp	4	- Tái sử dụng nhiều lần - Hấp tiệt trùng nhiệt độ cao - Khay lắp pin tái sử dụng dùng để chuyển các pin không vô trùng vào dao siêu âm không dây một cách vô trùng.	
505	Pin dao siêu âm không dây	Cái	Cái / Hộp	2	- Pin tái sử dụng là pin sạc lithium-ion hoặc tương đương cung cấp năng lượng cho Dao siêu âm không dây. Pin sử dụng ≥ 200 lần	
506	Tay dao siêu âm mở mở, đầu cong, chiều dài thân dao 13cm	Cái	Cái / Hộp	10	Tay dao siêu âm không dây, đường kính $5\text{mm}(\pm 0.5\text{mm})$, lưỡi dao $14.5\text{mm}(\pm 0.5\text{mm})$, kích thước $13\text{cm}(\pm 1\text{cm})$, có thể xoay 360 độ. Tương thích với bộ dao siêu âm không dây	

STT	Tên VTHH	Đơn vị tính	Quy Cách đóng gói	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
507	Tay dao siêu âm mổ mở, đầu cong, chiều dài thân dao 26cm	Cái	Cái / Hộp	10	Tay dao siêu âm không dây, đường kính 5mm(\pm 0.5mm), lưỡi dao 14.5mm(\pm 0.5mm), kích thước 26cm(\pm 1cm), có thể xoay 360 độ. Tương thích với bộ dao siêu âm không dây	
508	Tay dao siêu âm mổ nội soi, đầu cong, chiều dài thân dao 39cm	Cái	Cái / Hộp	20	Tay dao siêu âm không dây, đường kính 5mm(\pm 0.5mm), lưỡi dao 14.5mm(\pm 0.5mm), kích thước 39cm(\pm 1cm), có thể xoay 360 độ. Tương thích với bộ dao siêu âm không dây	
509	Hóa chất chạy mẫu khí máu có Lactate 250 test	hộp	250 test / Hộp	45	Hộp hóa chất đo 250 test bao gồm các cảm biến, thuốc thử, và các thành phần chất lỏng cần thiết để phân tích mẫu bệnh phẩm và hiệu chuẩn trên hệ thống máy phân tích khí máu.	
510	Hóa chất chạy mẫu khí máu có Lactate 400 test	hộp	400 test / Hộp	70	Hộp hóa chất đo 400 test bao gồm các cảm biến, thuốc thử, và các thành phần chất lỏng cần thiết để phân tích mẫu bệnh phẩm và hiệu chuẩn trên hệ thống máy phân tích khí máu.	
511	Hóa chất rửa thải	hộp	4 bộ/ hộp	85	Hóa chất rửa thải được sử dụng trên hệ thống máy phân tích khí máu có chứa thuốc rửa để làm sạch đường dẫn mẫu sau khi phân tích và hiệu chuẩn. Dung tích \geq 1000ml	
512	Hóa chất kiểm chuẩn tự động	hộp	1 bộ / 1 hộp	70	Hóa chất kiểm chuẩn tự động chứa vật liệu kiểm soát chất lượng, cộng với các linh kiện điện tử, cơ khí và chất lỏng cần thiết để phân tích mẫu QC Dung tích cụ thể bao gồm: Mức 1: 75 ml Mức 2: 115 ml Mức 3: 155 ml	

Phụ lục 2 - Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Thông số kỹ thuật	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VNĐ)	Thành tiền (đã bao gồm Thuế, phí, lệ phí (nếu có)) ⁽⁹⁾ (VNĐ)
1	Vật tư Thiết Bị A								
2	Vật tư Thiết Bị B								
n	...								

10

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày, kể từ ngày tháng ... năm 2024 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm... [ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chi đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thông nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

